



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**KẾT QUẢ THI KỲ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC HỆ THỐNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ NĂM 2025
THEO PHƯƠNG THỨC THI TUYỂN TẠI ĐỊA ĐIỂM THI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

(Kèm theo Thông báo số 63/TB-HĐTD ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Hội đồng tuyển dụng công chức)

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	Dương Trúc	Ái	0001	Nữ	20	11	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						31/60	10/30	0/100		
2	Nguyễn Thị	Ấm	0002	Nữ	02	2	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ				36/60	11/30	0/100		
3	Cừu Thị Thúy	An	0003	Nữ	31	1	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						37/60	12/30	0/100		
4	Lê Thị Xuân	An	0004	Nữ	16	01	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp					42/60	17/30	70/100		
5	La Nguyệt	Anh	0005	Nữ	02	6	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau				43/60	21/30	82/100		
6	Phạm Nguyệt	Anh	0006	Nữ	09	12	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						41/60	21/30	82.5/100		
7	Trần Nhật	Anh	0007	Nam	19	3	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ				44/60	17/30	78/100		
8	Hồ Lê Quốc	Bảo	0008	Nam	04	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				36/60	12/30	0/100		
9	Trần Đức	Bền	0009	Nam	25	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau				47/60	15/30	79.5/100		
10	Nguyễn Hải	Biên	0010	Nam	30	6	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau				45/60	12/30	0/100		
11	Đỗ Trương Cẩm	Bình	0011	Nữ	16	7	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ				39/60	16/30	66.5/100		
12	Nguyễn Như	Bình	0012	Nữ	15	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau				46/60	17/30	82/100		
13	Bùi Quốc	Cảnh	0013	Nam	08	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				34/60	14/30	0/100		
14	Trương Minh	Châu	0014	Nữ	04	5	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Vĩnh Long					38/60	23/30	75.5/100		
15	Đào Thị Kim	Chi	0015	Nữ	1	4	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						30/60	19/30	66/100		
16	Huỳnh Thị Kim	Chi	0016	Nữ	18	1	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						49/60	9/30	0/100		
17	Lê Thị Kim	Chi	0017	Nữ	25	4	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						30/60	15/30	64.5/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển							Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành			
18	Trần Hữu	Chí	0018	Nam	20	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				34/60	5/30	0/100			
19	Võ Trí	Công	0019	Nam	12	9	1987	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						45/60	16/30	71/100			
20	Đào Trí	Cường	0020	Nam	6	2	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Hồ Chí Minh		32/60	10/30	0/100			
21	Lê Thị Kim	Đa	0021	Nữ	3	2	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						42/60	15/30	58/100			
22	Lưu Ngọc	Đang	0022	Nữ	20	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						27/60	8/30	0/100			
23	Phạm Hải	Đăng	0023	Nam	22	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau				30/60	14/30	0/100			
24	Phan Ngọc Hải	Đăng	0024	Nam	8	12	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						45/60	9/30	0/100			
25	Lê Bạch	Đăng	0025	Nam	17	04	1990	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						48/60	16/30	90/100	2.5		
26	Hoàng Quốc	Đạt	0026	Nam	18	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau				29/60	0/30	0/100			
27	Nguyễn Quốc	Đạt	0027	Nam	23	5	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Hồ Chí Minh					0/60	0/30	0/100			
28	Lê Kiều	Diễm	0028	Nữ	28	6	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ				27/60	22/30	0/100			
29	Lê Hồng	Điểm	0029	Nam	15	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh Vĩnh Long			53/60	15/30	87.5/100			
30	Nguyễn Đức	Độ	0030	Nam	9	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						36/60	15/30	79.5/100			
31	Nguyễn Phước	Dur	0031	Nam	24	12	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp				34/60	12/30	0/100			
32	Phạm Thị Thùy	Dung	0032	Nữ	01	01	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				25/60	14/30	0/100			
33	Nguyễn Hoàng	Duy	0033	Nam	29	5	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						33/60	17/30	69/100			
34	Phan Nhựt	Duy	0034	Nam	11	9	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp					39/60	18/30	57/100			
35	Trần Nguyễn Hoài	Duy	0035	Nam	18	5	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ				23/60	9/30	0/100			
36	Trần Nhật	Duy	0036	Nam	16	02	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						32/60	12/30	0/100			
37	Lê Anh	Duy	0037	Nam	13	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long			30/60	8/30	0/100			
38	Thị Hồng	Duyên	0038	Nữ	25	4	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						40/60	12/30	0/100	5		
39	Trần Hoàng	Gia	0039	Nam	09	01	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ					42/60	12/30	0/100			
40	Cao Minh	Giang	0040	Nam	3	2	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ	Có 07 nguyên vọng	31/60	15/30	81/100			

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
41	Lê Hoàng	Giang	0041	Nam	03	5	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Cà Mau				42/60	14/30	0/100		
42	Nguyễn Thành	Giang	0042	Nam	15	8	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau				26/60	16/30	0/100		
43	Nguyễn Tiền	Giang	0043	Nam	02	9	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Cà Mau					28/60	8/30	0/100		
44	Phan Thị Hương	Giang	0044	Nữ	03	11	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				0/60	0/30	0/100		
45	Phan Thị Tiền	Giang	0045	Nữ	30	9	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						42/60	16/30	69/100		
46	Huỳnh Thoại	Hà	0046	Nữ	15	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ				27/60	8/30	0/100		
47	Trần Thị	Hà	0047	Nữ	21	12	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp				38/60	9/30	0/100		
48	Võ Thị Ngọc	Hà	0048	Nữ	20	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau				29/60	7/30	0/100		
49	Nguyễn Thị Kim	Hai	0049	Nữ	11	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				44/60	8/30	0/100		
50	Lê Hoàng Phú	Hải	0050	Nam	05	8	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ				32/60	20/30	76/100		
51	Nguyễn Văn	Háo	0051	Nam	21	1	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						43/60	19/30	82.5/100		
52	Lê Phúc	Hậu	0052	Nam	01	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ				0/60	0/30	0/100		
53	Danh Thị Thu	Hiền	0053	Nữ	6	4	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long				35/60	22/30	68/100	5	
54	Đào Thị	Hiền	0054	Nữ	9	1	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh		38/60	17/30	81/100		
55	Lê Thị Ngọc	Hiền	0055	Nữ	13	7	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						36/60	14/30	0/100	5	
56	Nguyễn Quốc	Hiền	0056	Nam	18	9	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						30/60	11/30	0/100		
57	Dương Minh	Hiền	0057	Nam	01	6	1988	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh				33/60	9/30	0/100	5	
58	Trần Văn	Hiếu	0058	Nam	13	11	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ				28/60	5/30	0/100		
59	Võ Lưu Trung	Hiếu	0059	Nam	15	4	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long				33/60	13/30	0/100		
60	Đoàn Huy	Hoàng	0060	Nam	8	8	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp				39/60	20/30	69/100		
61	Ngô Văn	Hoàng	0061	Nam	16	12	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				29/60	6/30	0/100		
62	Nguyễn Đức	Hơn	0062	Nam	16	11	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp					40/60	22/30	85.5/100		
63	Kiều Thị Thu	Hồng	0063	Nữ	18	02	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp				31/60	12/30	0/100		
64	Ngô Chấn	Hùng	0064	Nam	08	11	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				49/60	17/30	85/100	2.5	

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển							Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành			
65	Khru Nguyễn Phi	Hùng	0065	Nam	03	11	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				39/60	11/30	0/100			
66	Dương Thị Cẩm	Hương	0066	Nữ	01	7	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ				38/60	19/30	59.5/100			
67	Nguyễn Thị Diễm	Hương	0067	Nữ	13	11	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						26/60	8/30	0/100			
68	Lương Gia	Huy	0068	Nam	15	4	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				34/60	14/30	0/100			
69	Ngô Hoàng	Huy	0069	Nam	22	1	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						56/60	14/30	0/100			
70	Trịnh Hoàng	Huy	0070	Nam	16	11	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp					34/60	15/30	63/100			
71	Vương Đăng Mỹ	Huyền	0071	Nữ	09	02	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau				37/60	15/30	74.5/100			
72	Nguyễn Thị Mỹ	Huỳnh	0072	Nữ	3	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						35/60	14/30	0/100			
73	Danh	Kết	0073	Nam	25	3	1990	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						33/60	11/30	0/100	5		
74	Lư Hoàng	Khải	0074	Nam	16	11	1988	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						29/60	8/30	0/100			
75	Dương Lý	Khang	0075	Nam	07	10	1988	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						30/60	11/30	0/100	2.5		
76	Lưu Dương	Khang	0076	Nam	09	02	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh				30/60	12/30	0/100			
77	Nguyễn Bửu	Khang	0077	Nam	19	4	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						29/60	12/30	0/100			
78	Đoàn Duy	Khanh	0078	Nam	19	3	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long				37/60	20/30	81.5/100			
79	Huỳnh Vĩnh	Khanh	0079	Nam	02	03	1990	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long				48/60	21/30	81.5/100			
80	Nguyễn Thiện	Khiêm	0080	Nam	22	8	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp					27/60	6/30	0/100			
81	Nguyễn Liêm	Khiết	0081	Nam	27	7	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ				21/60	11/30	0/100	2.5		
82	Trần Nguyên	Khởi	0082	Nam	17	01	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Vĩnh Long			15/60	12/30	0/100			
83	Nguyễn Văn	Khuong	0083	Nam	30	11	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ				31/60	16/30	56/100	2.5		
84	Trần Thị Chúc	Khuyên	0084	Nữ	6	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ					51/60	16/30	96/100			
85	Lê Trung	Kiên	0085	Nam	8	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh Vĩnh Long	Có 07 nguyện vọng	32/60	11/30	0/100			
86	Lê Tuấn	Kiệt	0086	Nam	25	03	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ					34/60	18/30	69.5/100			
87	Lê Gia	Kỳ	0087	Nam	1	1	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long				30/60	14/30	0/100			

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển							Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành			
88	Nguyễn Ngọc Thanh	Lam	0088	Nữ	06	3	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						40/60	14/30	0/100			
89	Trần Văn	Lâm	0089	Nam	12	7	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ				32/60	10/30	0/100			
90	Lê Tổ	Lan	0090	Nữ	25	6	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						40/60	13/30	0/100			
91	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	0091	Nữ	9	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						38/60	17/30	93/100			
92	Tổng Ngọc	Lan	0092	Nữ	17	4	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Tây Ninh					36/60	15/30	68.5/100			
93	Nguyễn Thị	Liên	0093	Nữ	16	5	1988	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ				28/60	14/30	0/100			
94	Huỳnh Tường	Linh	0094	Nữ	06	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						27/60	13/30	0/100			
95	Lâm Thị Yến	Linh	0095	Nữ	20	1	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				48/60	22/30	83.5/100			
96	Lê Chí	Linh	0096	Nam	08	3	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ				38/60	8/30	0/100	2.5		
97	Lý Châu Ngọc	Linh	0097	Nữ	11	9	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						39/60	14/30	0/100			
98	Nguyễn Thị Thùy	Linh	0098	Nữ	4	9	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						51/60	26/30	82/100			
99	Nguyễn Thị Trúc	Linh	0099	Nữ	02	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				43/60	19/30	78.5/100			
100	Phan Thị Phương	Linh	0100	Nữ	01	10	1987	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long				40/60	21/30	93/100			
101	Trần Thiết	Linh	0101	Nam	29	9	1984	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ				30/60	12/30	0/100			
102	Võ Thị Trúc	Linh	0102	Nữ	28	10	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp					37/60	11/30	0/100			
103	Lê Lâm	Loan	0103	Nữ	10	1	2004	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ					38/60	17/30	70/100			
104	Lê Thị Phương	Loan	0104	Nữ	02	9	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long				29/60	12/30	0/100			
105	Trần Hữu	Lợi	0105	Nam	30	01	1988	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Vĩnh Long					31/60	8/30	0/100	2.5		
106	Nguyễn Kim	Long	0106	Nam	04	12	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp				44/60	26/30	83/100	5		
107	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	0107	Nữ	22	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ				44/60	18/30	78/100			
108	Võ Ngọc	Mân	0108	Nữ	6	9	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ				28/60	11/30	0/100			
109	Trần Thị Hoài	Mi	0109	Nữ	24	8	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						34/60	9/30	0/100			
110	Đặng Thị Mỹ	Miêu	0110	Nữ	26	4	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long				32/60	13/30	0/100			
111	Phạm Diễm	My	0111	Nữ	20	4	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Hồ Chí Minh					31/60	6/30	0/100			

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển							Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành			
112	Trần Diễm	My	0112	Nữ	09	10	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau				39/60	13/30	0/100			
113	Mai Phạm Hồng	Mỹ	0113	Nữ	15	01	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp					38/60	15/30	74/100			
114	Nguyễn Duy	Nam	0114	Nam	17	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				45/60	11/30	0/100			
115	Trần Phạm Phương	Nam	0115	Nam	12	7	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp					35/60	12/30	0/100			
116	Huỳnh Thị Thúy	Ngân	0116	Nữ	24	10	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ				0/60	0/30	0/100			
117	Lưu Tuyết	Ngân	0117	Nữ	20	5	2004	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						39/60	14/30	0/100			
118	Nguyễn Thị	Ngân	0118	Nữ	9	9	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						43/60	25/30	77/100			
119	Nguyễn Thị Bích	Ngân	0119	Nữ	25	7	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh				45/60	22/30	88/100			
120	Nguyễn Thị Kim	Ngân	0120	Nữ	6	12	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long				43/60	15/30	64.5/100			
121	Cao Gia	Nghi	0121	Nữ	21	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh				43/60	26/30	69.5/100			
122	Lâm Thị Hải	Nghi	0122	Nữ	22	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						39/60	13/30	0/100	5		
123	Phạm Bảo	Nghi	0123	Nam	19	12	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long				25/60	12/30	0/100			
124	Võ Thị Hồng	Nghi	0124	Nữ	12	1	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Cà Mau			42/60	22/30	79/100			
125	Trần Hữu	Nghị	0125	Nam	1	9	1987	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						21/60	0/30	0/100			
126	Trần Hữu	Nghĩa	0126	Nam	10	10	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Hồ Chí Minh				43/60	9/30	0/100			
127	Lê Thị Bé	Ngoan	0127	Nữ	05	01	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp					23/60	9/30	0/100			
128	Cao Huỳnh Bảo	Ngọc	0128	Nữ	17	4	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh				36/60	20/30	62/100			
129	Ngô Thị Bích	Ngọc	0129	Nữ	17	9	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				29/60	11/30	55/100			
130	Nguyễn Kiều Như	Ngọc	0130	Nữ	24	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						41/60	21/30	89.5/100			
131	Trần Bảo	Ngọc	0131	Nam	19	5	1984	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ					41/60	16/30	85.5/100			
132	Trần Hồng	Ngọc	0132	Nữ	22	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau				37/60	13/30	0/100			
133	Trần Kim	Ngọc	0133	Nữ	4	1	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						37/60	15/30	84.5/100			
134	Lê Châu	Ngọc	0134	Nữ	27	9	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp					23/60	14/30	0/100			
135	Đặng Nguyễn Thảo	Nguyễn	0135	Nữ	16	8	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Hồ Chí Minh					43/60	15/30	84.5/100			

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyễn vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Nguyễn vọng 3	Nguyễn vọng 4	Nguyễn vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
136	Nguyễn Thị Kim	Nguyên	0136	Nữ	13	3	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				38/60	19/30	87.5/100		
137	Trần Phước	Nguyên	0137	Nam	07	09	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ				50/60	21/30	73/100		
138	Cao Thảo	Nguyên	0138	Nữ	04	02	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						19/60	8/30	0/100		
139	Phạm Thảo	Nguyên	0139	Nữ	31	01	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long				31/60	19/30	81/100		
140	Phan Tài	Nguyên	0140	Nữ	13	03	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						28/60	12/30	0/100		
141	Trần Thanh	Nhân	0141	Nam	01	10	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long				39/60	18/30	94/100	2.5	
142	Ngô Trung	Nhân	0142	Nam	14	6	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long				36/60	24/30	60.5/100		
143	Huỳnh Thị Tú	Nhi	0143	Nữ	20	02	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ					44/60	15/30	55.5/100		
144	Lê Thị Yến	Nhi	0144	Nữ	23	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ				27/60	10/30	0/100		
145	Ngô Ngọc	Nhi	0145	Nữ	01	01	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ					33/60	15/30	65/100		
146	Nguyễn Ngọc	Nhi	0146	Nam	4	3	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long				51/60	15/30	87.5/100		
147	Nguyễn Thị Yến	Nhi	0147	Nữ	30	8	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ				34/60	14/30	82/100		
148	Phan Thị Yến	Nhi	0148	Nữ	16	5	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						16/60	0/30	0/100		
149	Trần Thị Thanh	Nhi	0149	Nữ	16	4	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp				50/60	23/30	92/100		
150	Võ Thị Phương	Nhi	0150	Nữ	16	11	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						0/60	0/30	0/100		
151	Đặng Hoài	Nhiệm	0151	Nam	13	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ					38/60	11/30	0/100	5	
152	Bùi Thị Hồng	Như	0152	Nữ	01	01	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						42/60	13/30	0/100		
153	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	0153	Nữ	24	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long				27/60	12/30	68.5/100		
154	Trần Huỳnh	Như	0154	Nữ	15	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long				40/60	11/30	0/100		
155	Nêang Sray	Niên	0155	Nữ	18	12	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ				39/60	11/30	0/100	5	
156	Nguyễn Thị Yến	Oanh	0156	Nữ	04	5	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long				42/60	17/30	83/100		
157	Phạm Thị Kiều	Oanh	0157	Nữ	23	4	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				36/60	15/30	71/100	5	
158	Lê Tiểu	Phạm	0158	Nam	2	5	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ				0/60	0/30	0/100		
159	Huỳnh Gia	Phát	0159	Nam	21	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						27/60	19/30	65/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển							Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành			
160	Đỗ Ngọc	Phi	0160	Nam	20	4	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh				0/60	0/30	0/100			
161	Lê Chấn	Phong	0161	Nam	25	7	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp				39/60	8/30	0/100			
162	Tăng Thanh	Phong	0162	Nam	12	3	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						26/60	0/30	0/100	5		
163	Trần Thanh	Phong	0163	Nam	10	2	1983	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ				20/60	0/30	0/100			
164	Võ Văn	Phú	0164	Nam	3	9	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ					30/60	10/30	0/100			
165	Trần Hoàng	Phúc	0165	Nam	08	11	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						42/60	19/30	80/100			
166	Dương Thị Trúc	Phương	0166	Nữ	5	6	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp					43/60	24/30	90/100			
167	Nguyễn Lê Thảo	Phương	0167	Nữ	06	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						22/60	12/30	0/100			
168	Trần Anh	Phương	0168	Nữ	18	7	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ					28/60	14/30	0/100			
169	Trần Nhật	Quan	0169	Nam	24	6	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ					38/60	12/30	0/100			
170	Lâm Nhựt	Quang	0170	Nam	07	4	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						30/60	16/30	71/100			
171	Nguyễn Thị Thủy	Quyên	0171	Nữ	7	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ					49/60	22/30	81.5/100			
172	Nguyễn Thị Tổ	Quyên	0172	Nữ	17	11	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ					41/60	12/30	0/100			
173	Trần Thị Tú	Quyên	0173	Nữ	14	6	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						35/60	15/30	62/100			
174	Vương Đăng Mỹ	Quyên	0174	Nữ	04	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau				41/60	14/30	0/100			
175	Trần Thái	Sang	0175	Nam	1	10	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						36/60	18/30	70/100			
176	Huỳnh Thanh	Sĩ	0176	Nam	15	6	1986	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp					19/60	6/30	0/100	5		
177	Hà Văn	Son	0177	Nam	16	8	1988	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						31/60	7/30	0/100	2.5		
178	Lâm Hoàn	Son	0178	Nam	15	3	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long				32/60	15/30	85.5/100	5		
179	Nguyễn Trường	Son	0179	Nam	05	11	1985	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				21/60	7/30	0/100	5		
180	Phạm Thị Tú	Sương	0180	Nữ	14	12	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						44/60	25/30	87/100			
181	Vương Bình	Suônl	0181	Nam	14	11	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ				50/60	17/30	73.5/100			
182	Huỳnh Hữu	Tài	0182	Nam	15	12	1988	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp					0/60	0/30	0/100			
183	Phùng Thị Minh	Tâm	0183	Nữ	17	8	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ					43/60	17/30	80/100			

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghệ vụ chuyên ngành		
184	Lê Minh	Tâm	0184	Nam	02	10	1988	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				35/60	15/30	82/100		
185	Lý Huỳnh Duy	Tân	0185	Nam	07	12	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Cà Mau					46/60	15/30	87.5/100		
186	Trần Văn	Tân	0186	Nam	12	10	1987	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau				18/60	0/30	0/100		
187	Nguyễn Quốc	Thái	0187	Nam	13	3	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ				36/60	11/30	0/100	2.5	
188	Lê Hồng	Thắm	0188	Nữ	24	02	1986	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh Đồng Tháp				24/60	13/30	0/100		
189	Võ Hồng	Thắm	0189	Nữ	16	1	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long				39/60	17/30	76/100		
190	Đặng Hoàng	Thắng	0190	Nam	27	8	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						27/60	13/30	0/100		
191	Trương Thị Minh	Thanh	0191	Nữ	29	8	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ					0/60	0/30	0/100		
192	Nguyễn Thị Thu	Thảo	0192	Nữ	19	7	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						26/60	12/30	0/100		
193	Nguyễn Trần Phương	Thảo	0193	Nữ	24	11	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ					35/60	14/30	0/100		
194	Nguyễn Thị Cẩm	Thông	0194	Nữ	23	10	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ					40/60	18/30	69.5/100		
195	Nguyễn Văn	Thông	0195	Nam	03	10	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau				41/60	11/30	0/100		
196	Lê Anh	Thư	0196	Nữ	09	9	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Nai					28/60	13/30	0/100		
197	Nguyễn Anh	Thư	0197	Nữ	26	8	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau				35/60	13/30	0/100		
198	Nguyễn Anh	Thư	0198	Nữ	12	4	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp					42/60	22/30	85.5/100		
199	Nguyễn Thị Minh	Thư	0199	Nữ	28	11	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long				42/60	18/30	86/100		
200	Nguyễn Phạm Anh	Thư	0200	Nữ	09	09	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						29/60	16/30	0/100		
201	Trương Văn	Thừa	0201	Nam	7	5	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				38/60	18/30	78.5/100		
202	Trần Thị	Thương	0202	Nữ	26	2	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Lâm Đồng				25/60	16/30	0/100		
203	Lữ Thị Bích	Thùy	0203	Nữ	16	9	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						23/60	13/30	0/100		
204	Nguyễn Thanh	Thùy	0204	Nữ	22	5	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Vĩnh Long					41/60	14/30	0/100		
205	Phạm Thị Thùy	Tiên	0205	Nữ	25	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				30/60	16/30	64/100		
206	Trần Thị Mỹ	Tiên	0206	Nữ	29	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				45/60	13/30	0/100		
207	Lê Huỳnh Quang	Tiến	0207	Nam	24	3	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						28/60	18/30	0/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
208	Phạm Khắc	Tiến	0208	Nam	08	8	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ					33/60	16/30	79/100		
209	Châu Nam	Tiền	0209	Nam	24	3	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						34/60	17/30	76/100	5	
210	Nguyễn Trung	Tín	0210	Nam	10	6	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp					55/60	14/30	0/100		
211	Trương Trọng	Tính	0211	Nam	08	8	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						40/60	11/30	0/100		
212	Nguyễn Văn	Tỉnh	0212	Nam	13	2	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh				40/60	14/30	0/100		
213	Nguyễn Nhật	Toàn	0213	Nam	19	4	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Cà Mau					40/60	16/30	80/100		
214	Trịnh Bảo	Toàn	0214	Nam	20	9	1990	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						47/60	19/30	87/100		
215	Ngô Đức	Tôn	0215	Nam	14	12	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh				51/60	22/30	88/100	2.5	
216	Bùi Văn	Trâm	0216	Nữ	04	4	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ					42/60	17/30	93.5/100		
217	Đàm Ngọc	Trâm	0217	Nữ	25	8	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh Vĩnh Long				35/60	13/30	0/100		
218	Lê Thị Bích	Trâm	0218	Nữ	19	6	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp					30/60	13/30	0/100	5	
219	Nguyễn Thị Bích	Trâm	0219	Nữ	24	4	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau				47/60	16/30	91.5/100		
220	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	0220	Nữ	02	6	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				44/60	19/30	94/100		
221	Mạch Thị Ngọc	Trâm	0221	Nữ	25	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				27/60	0/30	0/100		
222	Phạm Thị Huyền	Trân	0222	Nữ	25	1	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ					28/60	0/30	0/100		
223	Phạm Thị Quế	Trân	0223	Nữ	23	02	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ				26/60	0/30	0/100		
224	Triệu Thị Ngọc	Trân	0224	Nữ	18	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Cà Mau					37/60	13/30	0/100		
225	Mai Thụy Quỳnh	Trang	0225	Nữ	26	1	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						42/60	20/30	77.5/100		
226	Nguyễn Thị Diễm	Trang	0226	Nữ	2	1	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ					26/60	0/30	0/100		
227	Huỳnh Lê Anh	Trí	0227	Nam	02	8	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh Đồng Tháp				27/60	0/30	0/100		
228	Trịnh Hoàng Việt	Trình	0228	Nữ	19	8	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ					38/60	20/30	74.5/100		
229	Đoàn Quốc	Trung	0229	Nam	04	3	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						38/60	12/30	0/100		
230	Nguyễn Quang	Trường	0230	Nam	20	7	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						35/60	21/30	83.5/100		
231	Dư Anh	Tuấn	0231	Nam	14	10	1984	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						29/60	0/30	0/100	2.5	

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển							Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành			
232	Đoàn Thị Bích	Tuyền	0232	Nữ	2	10	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						0/60	0/30	0/100			
233	Lê Thị Bích	Tuyền	0233	Nữ	2	10	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp					41/60	18/30	86.5/100			
234	Nguyễn Thanh	Tuyền	0234	Nữ	22	12	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau				35/60	15/30	60/100			
235	Trương Thị Bích	Tuyền	0235	Nữ	11	11	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				34/60	9/30	0/100			
236	Lê Thị Thanh	Tuyền	0236	Nữ	02	03	1988	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				26/60	0/30	0/100			
237	Nguyễn Thị	Tuyết	0237	Nữ	10	12	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				38/60	14/30	0/100			
238	Trương Đặng Phương	Uyên	0238	Nữ	5	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ				55/60	25/30	85/100			
239	Nguyễn Hoàng Tú	Vân	0239	Nữ	19	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						23/60	0/30	0/100			
240	Nguyễn Khánh	Vân	0240	Nam	18	9	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				32/60	13/30	0/100	2.5		
241	Lê Trương Thúy	Vi	0241	Nữ	15	7	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp					25/60	0/30	0/100			
242	Phạm Văn	Việt	0242	Nam	20	02	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ					32/60	9/30	0/100			
243	Ngô Hoàng	Vinh	0243	Nam	3	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				35/60	13/30	0/100			
244	Nguyễn Thanh	Vũ	0244	Nam	19	4	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ				46/60	20/30	57.5/100			
245	Nguyễn Thị Thúy	Vy	0245	Nữ	2	7	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						31/60	17/30	71.5/100			
246	Trần Thị Tường	Vy	0246	Nữ	9	9	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh				44/60	21/30	91.5/100			
247	Nguyễn Ngọc Thuý	Vy	0247	Nữ	18	8	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ				47/60	16/30	75.5/100			
248	Nguyễn Thanh	Xuân	0248	Nam	04	01	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang						35/60	8/30	0/100			
249	Trần Như	Ý	0249	Nữ	19	01	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau				41/60	26/30	80/100			
250	Huỳnh Ngọc Cẩm	Hằng	0250	Nữ	29	02	2004	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang				51/60	26/30	92.5/100			
251	Nguyễn Chí	Nguyễn	0251	Nam	19	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						32/60	11/30	0/100			
252	Tô Minh	Tấn	0252	Nam	15	6	1986	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						43/60	23/30	87/100	5		
253	Bùi Trung	Anh	0253	Nam	12	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh				33/60	21/30	73.5/100			
254	Huỳnh	Anh	0254	Nữ	14	2	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ				39/60	22/30	59.5/100			
255	Nguyễn Lan	Anh	0255	Nữ	8	10	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						33/60	17/30	72/100			

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển							Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành			
256	Phan Trần Phương	Anh	0256	Nữ	27	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ				50/60	25/30	80.5/100			
257	Quách Tuấn	Anh	0257	Nam	25	6	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						25/60	0/30	0/100			
258	Trịnh Ngọc	Anh	0258	Nữ	24	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Vĩnh Long				48/60	25/30	87.5/100			
259	Trần Vũ	Bảo	0259	Nam	01	01	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang				24/60	0/30	0/100			
260	Trần Bé	Bảy	0260	Nam	01	10	1988	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ					36/60	21/30	79.5/100	5		
261	Đặng Danh Ngọc	Bích	0261	Nữ	05	5	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ					49/60	11/30	0/100	5		
262	Nguyễn Thùy	Ca	0262	Nữ	4	10	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						30/60	14/30	0/100			
263	Lâm Ngọc	Châm	0263	Nữ	23	9	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						40/60	14/30	0/100			
264	Bùi Thị Quyền	Chân	0264	Nữ	16	11	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long				40/60	17/30	69.5/100			
265	Tào Kim	Chi	0265	Nữ	03	9	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						23/60	0/30	0/100			
266	Trương Lan	Chi	0266	Nữ	09	3	1987	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ				45/60	13/30	0/100			
267	Nguyễn Lin	Đa	0267	Nữ	22	10	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						22/60	0/30	0/100			
268	Nguyễn Minh	Đa	0268	Nam	01	01	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang			32/60	14/30	0/100	2.5		
269	Chung Hữu	Đang	0269	Nam	21	02	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ				37/60	16/30	72.5/100			
270	Nguyễn Hải	Đăng	0270	Nam	19	3	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ				0/60	0/30	0/100			
271	Trần Thành	Đạt	0271	Nam	05	7	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						38/60	12/30	0/100			
272	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	0272	Nữ	12	8	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long			44/60	13/30	0/100			
273	Nguyễn Phong	Du	0273	Nam	22	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						46/60	16/30	84.5/100			
274	Phạm Quý	Dung	0274	Nữ	9	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Nai				38/60	16/30	85.5/100			
275	Đỗ Ngọc Đồng	Dương	0275	Nữ	06	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ					34/60	12/30	0/100			
276	Đỗ Quốc	Dương	0276	Nam	22	12	1988	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang				31/60	9/30	0/100	2.5		
277	Lý Ý	Duy	0277	Nữ	15	10	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ					40/60	15/30	88.5/100			
278	Nguyễn Khánh	Duy	0278	Nam	09	9	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long				32/60	7/30	0/100			
279	Phan Trần Khánh	Duy	0279	Nam	08	8	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ					0/60	0/30	0/100			

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Nghệ vụ chuyên ngành		
280	Trần Khánh	Duy	0280	Nam	16	6	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang				0/60	0/30	0/100		
281	Du Mỹ	Duyên	0281	Nữ	01	01	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ					43/60	13/30	0/100		
282	Dương Bảo	Hân	0282	Nữ	17	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						43/60	23/30	85.5/100		
283	Huỳnh Ngọc	Hân	0283	Nữ	20	1	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						26/60	8/30	0/100		
284	Lý Ngọc	Hân	0284	Nữ	11	3	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang				26/60	12/30	0/100		
285	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	0285	Nữ	21	10	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						13/60	0/30	0/100	5	
286	Châu Bé	Hạnh	0286	Nữ	03	10	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						26/60	0/30	0/100		
287	Nguyễn Thị Như	Háo	0287	Nữ	12	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh				36/60	10/30	0/100		
288	Phạm Kim	Hiên	0288	Nữ	07	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang				33/60	9/30	0/100		
289	Lê Thanh	Hiên	0289	Nữ	17	10	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long				33/60	15/30	64.5/100		
290	Trần Ngọc	Hiên	0290	Nữ	12	9	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						41/60	16/30	75.5/100		
291	Nguyễn Tấn	Hiệp	0291	Nam	24	12	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang				36/60	15/30	66/100	2.5	
292	Trần Công	Hiếu	0292	Nam	20	02	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						31/60	12/30	0/100		
293	Trần Khánh	Hội	0294	Nam	11	5	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ					27/60	10/30	0/100		
294	Đình Hiếu	Huy	0295	Nam	15	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ					34/60	15/30	88/100		
295	Dương Quốc	Huy	0296	Nam	2	9	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						36/60	11/30	0/100		
296	Lê Thanh	Huy	0297	Nam	08	3	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang				30/60	14/30	0/100	2.5	
297	Lê Mai	Huyền	0298	Nữ	15	12	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ				0/60	0/30	0/100		
298	Ngô Thị Như	Huyền	0299	Nữ	11	8	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh				35/60	17/30	80/100		
299	Trương Bé	Huyền	0300	Nữ	14	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang				32/60	15/30	61/100		
300	Trần Hoàng	Huỳnh	0301	Nam	01	01	1984	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						28/60	8/30	0/100		
301	Phan Thị Như	Huỳnh	0302	Nữ	03	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh An Giang					45/60	15/30	80/100		
302	Lê Minh	Kha	0303	Nam	18	4	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						41/60	14/30	0/100		
303	Nguyễn Minh	Kha	0304	Nam	13	3	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long				28/60	0/30	0/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghệ vụ chuyên ngành		
304	Bùi Việt	Khải	0305	Nam	13	02	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ				34/60	17/30	79/100		
305	Nguyễn Văn	Khang	0306	Nam	12	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ				28/60	15/30	0/100		
306	Nguyễn Văn Hoàng	Khang	0307	Nam	12	01	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang				33/60	15/30	74.5/100		
307	Bùi Duy	Khanh	0308	Nam	6	8	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ					49/60	9/30	0/100		
308	Nguyễn Thị Mai	Khanh	0309	Nữ	28	4	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						41/60	7/30	0/100		
309	Triệu Mỹ	Khanh	0310	Nữ	06	7	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh				41/60	19/30	80/100	5	
310	Trần Quốc	Khánh	0311	Nam	01	01	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ					29/60	0/30	0/100	5	
311	Tiêu Tuấn	Kiệt	0312	Nam	20	7	2004	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						55/60	18/30	85/100		
312	Dương Văn	Kinh	0313	Nam	06	6	1988	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						39/60	16/30	72.5/100		
313	Trần Thùy	Lam	0314	Nữ	06	3	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						41/60	11/30	0/100		
314	Huỳnh Vũ	Linh	0315	Nam	24	3	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ					35/60	18/30	91.5/100	2.5	
315	Liêu Thị Hương	Linh	0316	Nữ	09	8	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ					50/60	27/30	98.5/100		
316	Nguyễn Nhã	Linh	0317	Nữ	03	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang				42/60	24/30	70.5/100		
317	Trịnh Văn	Linh	0318	Nam	17	5	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ					49/60	14/30	0/100		
318	Hồ Lê	Long	0319	Nam	11	11	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ				48/60	12/30	0/100	2.5	
319	Dương Thị	Lức	0320	Nữ	11	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ				41/60	12/30	0/100		
320	Dương Chú	Ly	0321	Nữ	02	3	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ					31/60	10/30	0/100	5	
321	Lê Văn	Mị	0322	Nam	02	02	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						24/60	0/30	0/100		
322	Dương Đức	Minh	0323	Nam	10	5	1987	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						0/60	0/30	0/100		
323	Nguyễn Thị Hồng	Mơ	0324	Nữ	24	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long				50/60	17/30	88.5/100		
324	Võ Hằng	Mơ	0325	Nữ	17	9	1990	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						25/60	0/30	0/100		
325	Châu Trà	My	0326	Nữ	10	8	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long				44/60	10/30	0/100		
326	Đinh Kiều	My	0327	Nữ	03	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						50/60	14/30	0/100		
327	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ	0328	Nữ	01	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh				29/60	14/30	0/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyễn vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Nguyễn vọng 3	Nguyễn vọng 4	Nguyễn vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
328	Quách Hồng	Mỹ	0329	Nữ	5	5	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						41/60	25/30	90/100		
329	Phạm Ny	Na	0330	Nữ	13	4	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						25/60	0/30	0/100		
330	Diệp Huỳnh	Nga	0331	Nữ	31	01	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ					33/60	6/30	0/100		
331	Trần Thị Trúc	Ngân	0332	Nữ	03	01	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ					48/60	18/30	92.5/100		
332	Lý Phụng	Nghi	0333	Nữ	02	12	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long				22/60	12/30	0/100		
333	Danh Như	Ngọc	0334	Nữ	09	9	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						32/60	14/30	0/100	5	
334	Nguyễn Mộng	Ngọc	0335	Nữ	09	6	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh Tây Ninh					42/60	18/30	80.5/100		
335	Nguyễn Như	Ngọc	0336	Nữ	08	6	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ				49/60	13/30	0/100		
336	Lê Thảo	Nguyễn	0337	Nữ	21	7	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						26/60	⁰ Không ký	0/100		
337	Võ Thành	Nguyễn	0338	Nam	26	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Hồ Chí Minh				36/60	17/30	74.5/100		
338	Nguyễn Băng	Nhà	0339	Nữ	29	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						30/60	14/30	0/100		
339	Nguyễn Thanh	Nhà	0340	Nam	19	3	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						40/60	13/30	0/100		
340	Trương Mỹ	Nhân	0341	Nữ	19	02	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						0/60	0/30	0/100		
341	Nguyễn Minh	Nhật	0342	Nam	6	10	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long				32/60	9/30	0/100		
342	Nguyễn Quốc	Nhật	0343	Nữ	1	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang				31/60	18/30	66.5/100		
343	Đinh Yến	Nhi	0344	Nữ	25	9	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						30/60	23/30	74.5/100		
344	Nguyễn Ngọc	Nhi	0345	Nữ	2	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ					39/60	20/30	67.5/100		
345	Phan Yến	Nhi	0346	Nữ	17	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long				0/60	0/30	0/100		
346	Hồ Huỳnh	Như	0347	Nữ	04	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						39/60	21/30	93/100		
347	Quách Thị Yến	Như	0348	Nữ	22	8	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						41/60	10/30	0/100	2.5	
348	Từ Thị Tổ	Oanh	0349	Nữ	23	2	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						41/60	24/30	84/100		
349	Quách Giàu	Phấn	0350	Nam	07	5	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						38/60	19/30	69.5/100	5	
350	Lê Vũ	Phong	0351	Nam	26	11	1983	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ				35/60	26/30	86/100		
351	Võ Chí	Phong	0352	Nam	10	11	2004	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh An Giang					36/60	20/30	83.5/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
352	Nguyễn Diễm	Phúc	0353	Nữ	21	4	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						0/60	0/30	0/100		
353	Tiền Văn	Quân	0354	Nam	06	9	1988	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ					28/60	15/30	0/100		
354	Lê Tổ	Quyên	0355	Nữ	13	10	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang				44/60	22/30	83.5/100		
355	Trần Như	Quỳnh	0356	Nữ	31	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ				39/60	14/30	0/100		
356	Nguyễn Trúc	Son	0357	Nam	16	01	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						42/60	7/30	0/100	5	
357	Khuong Quốc	Sử	0358	Nam	02	5	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						17/60	0/30	0/100		
358	Tô Minh	Tăng	0359	Nam	10	9	1986	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ				36/60	10/30	0/100		
359	Trần Hồng	Thắm	0360	Nữ	26	8	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ					38/60	15/30	65/100		
360	Lê Thanh	Thảo	0361	Nữ	31	1	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						40/60	17/30	70/100		
361	Trần Thị Cẩm	Thị	0362	Nữ	26	01	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ					40/60	8/30	0/100		
362	Huỳnh Chí	Thoại	0363	Nam	09	4	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ					45/60	15/30	80/100		
363	Nguyễn Minh	Thoại	0364	Nam	15	8	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang				39/60	22/30	84.5/100		
364	Dương Thị Anh	Thư	0365	Nữ	09	10	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Vĩnh Long	Có 06 nguyên vọng	45/60	18/30	77.5/100		
365	Ngô Hoài	Thương	0366	Nữ	24	12	1986	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						0/60	0/30	0/100		
366	Châu Diễm	Thúy	0367	Nữ	16	6	1990	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						31/60	13/30	0/100	5	
367	Ngô Phương	Thùy	0368	Nữ	11	02	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ				31/60	13/30	0/100		
368	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	0369	Nữ	12	2	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ					31/60	15/30	65.5/100		
369	Hồ Kim	Tiền	0370	Nữ	15	7	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Hồ Chí Minh					42/60	25/30	73.5/100		
370	Nguyễn Công	Tính	0371	Nam	10	12	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ				37/60	13/30	0/100	5	
371	Huỳnh Trung	Toán	0372	Nam	21	7	1983	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						30/60	27/30	55.5/100	2.5	
372	Đặng Thị Mỹ	Trần	0373	Nữ	8	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ				50/60	17/30	91.5/100		
373	Nguyễn Bảo	Trần	0374	Nữ	25	10	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ					43/60	10/30	0/100		
374	Nguyễn Kiều Mỹ	Trần	0375	Nữ	12	3	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ					21/60	8/30	0/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghệ vụ chuyên ngành		
375	Nguyễn Ngọc	Trần	0376	Nữ	16	8	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						33/60	17/30	53.5/100		
376	Phạm Huyền	Trần	0377	Nữ	16	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						26/60	8/30	0/100		
377	Trương Thảo	Trang	0378	Nữ	05	3	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ					29/60	13/30	0/100		
378	Phan Thanh	Trạng	0379	Nam	11	4	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh An Giang				42/60	10/30	0/100	2.5	
379	Huỳnh Anh	Tuấn	0380	Nam	24	6	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang				46/60	8/30	0/100		
380	Nguyễn Mộng	Tuyền	0381	Nữ	28	3	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						46/60	13/30	0/100		
381	Thái Thị Thanh	Tuyền	0382	Nữ	16	8	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang				37/60	22/30	71/100		
382	Trần Ngọc Bích	Tuyền	0383	Nữ	07	02	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						37/60	10/30	0/100		
383	Huỳnh Trọng	Văn	0384	Nam	13	6	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ				35/60	15/30	87.5/100	2.5	
384	Lê Thị Tường	Vi	0385	Nữ	03	7	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ					27/60	8/30	0/100		
385	Nguyễn Ngọc Tường	Vi	0386	Nữ	01	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ					30/60	17/30	64/100		
386	Nguyễn Hoàng	Vinh	0387	Nam	01	7	1986	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						0/60	0/30	0/100		
387	Phạm Tiến	Vinh	0388	Nam	07	7	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ				22/60	0/30	0/100		
388	Đỗ Tuấn	Vũ	0389	Nam	26	11	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang				43/60	27/30	80.5/100	2.5	
389	Võ Văn	Vụ	0390	Nam	11	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long				46/60	14/30	0/100		
390	Mã Triệu	Vy	0391	Nữ	08	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						28/60	0/30	0/100		
391	Dương Hải	Yến	0392	Nữ	03	3	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Cà Mau						28/60	0/30	0/100		
392	Tạ Thị Ngọc	Anh	0393	Nữ	2	4	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Khánh Hòa					41/60	17/30	70/100		
393	Đoàn Lê Mỹ	Hạnh	0394	Nữ	2	1	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						39/60	27/30	87/100		
394	Nguyễn Thị Kim	Ngân	0395	Nữ	12	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS TP. Đà Nẵng				0/60	0/30	0/100		
395	Nguyễn Như	Ý	0396	Nam	21	9	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Hồ Chí Minh				29/60	12/30	0/100		
396	Bành Lưu Văn	Anh	0397	Nữ	04	07	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						27/60	0/30	0/100	5	
397	Ma Thị Hồng	Anh	0398	Nữ	1	5	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Khánh Hòa					29/60	0/30	0/100		
398	Phạm Trần Văn	Anh	0399	Nữ	09	07	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						42/60	30/30	88/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghệ vụ chuyên ngành		
399	Trần Hoàng	Anh	0400	Nam	20	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						45/60	27/30	96/100		
400	Vũ Ngọc Quỳnh	Anh	0401	Nữ	31	03	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Đồng Nai					35/60	19/30	68.5/100		
401	Đinh Thị Ngọc	Ánh	0402	Nữ	11	07	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						29/60	0/30	0/100	5	
402	Trần Thị	Ánh	0403	Nữ	28	12	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						48/60	21/30	87/100		
403	Hồ Ngọc Trần	Bảo	0404	Nam	15	03	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						0/60	0/30	0/100		
404	Phan Thúy	Bảo	0405	Nữ	20	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS TP. Hồ Chí Minh				45/60	27/30	79/100		
405	Nguyễn Thị Phú	Bình	0406	Nữ	10	06	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						53/60	27/30	85/100		
406	Lê Kim	Chi	0407	Nữ	12	12	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						27/60	9/30	0/100		
407	Nguy Thị	Đào	0408	Nữ	15	2	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						35/60	14/30	0/100		
408	Đinh Hải	Đình	0409	Nữ	07	12	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						38/60	23/30	55.5/100		
409	Bùi Minh	Đức	0410	Nam	13	06	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh				34/60	29/30	73/100		
410	Nguyễn Quang	Đức	0411	Nam	18	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Lâm Đồng				37/60	16/30	87/100		
411	Phạm Văn	Dũng	0412	Nam	22	09	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Lâm Đồng				30/60	6/30	0/100		
412	Lê Thị Mỹ	Duyên	0413	Nữ	27	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS TP. Hồ Chí Minh				28/60	0/30	0/100		
413	Phạm Võ Hương	Giang	0414	Nữ	29	5	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Hồ Chí Minh				35/60	19/30	73.5/100		
414	Phạm Thanh	Hà	0415	Nam	20	08	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						33/60	16/30	71.5/100		
415	Công Minh	Hạnh	0416	Nữ	04	02	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS TP. Hồ Chí Minh					46/60	22/30	87.5/100		
416	Hồ Thị Hồng	Hạnh	0417	Nữ	25	03	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Khánh Hòa				37/60	12/30	0/100		
417	Phạm Mỹ	Hạnh	0418	Nữ	22	11	2004	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đồng Nai				42/60	12/30	0/100	5	
418	Đỗ Thị	Hào	0419	Nữ	12	02	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						29/60	14/30	0/100		
419	Dương Trần Diệu	Hiền	0420	Nữ	5	11	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						35/60	16/30	75.5/100		
420	Nguyễn Lê Phước	Hòa	0421	Nam	19	6	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						28/60	15/30	0/100		
421	Trịnh Thị Mỹ	Hòa	0422	Nữ	1	10	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						25/60	10/30	0/100		
422	Đinh Xuân	Hồng	0423	Nam	19	11	1990	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						43/60	13/30	0/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Nghệ thuật chuyên ngành		
423	Nguyễn Phạm Minh	Huế	0424	Nữ	06	03	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Gia Lai				39/60	15/30	60.5/100		
424	Lê Thị Hồng	Huế	0425	Nữ	1	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						33/60	13/30	0/100		
425	Đặng Công	Hùng	0426	Nam	12	6	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS TP. Hồ Chí Minh				46/60	13/30	0/100		
426	Dương Thị	Hương	0427	Nữ	14	5	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Hồ Chí Minh				39/60	15/30	59/100	5	
427	Ngô Thị Thanh	Huỳnh	0428	Nữ	20	2	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						34/60	15/30	59.5/100		
428	Nguyễn Thanh	Hương	0429	Nữ	24	1	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						37/60	25/30	79.5/100		
429	Vũ Mai	Hương	0430	Nữ	08	01	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Lâm Đồng					46/60	24/30	94.5/100		
430	Triệu Quang	Huỳnh	0431	Nam	24	09	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh				42/60	17/30	77/100		
431	Đặng Quốc	Huy	0432	Nam	30	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Khánh Hòa				46/60	18/30	73.5/100		
432	Phạm Gia	Khiêm	0433	Nam	26	9	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Lâm Đồng				34/60	20/30	49/100		
433	Đỗ Dương	Kiệt	0434	Nam	19	5	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						27/60	8/30	0/100		
434	Trịnh Thị Thanh	Lam	0435	Nữ	20	11	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS TP. Đà Nẵng	THADS TP. Hồ Chí Minh				29/60	13/30	0/100		
435	Võ Đức	Lâm	0436	Nam	06	09	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Gia Lai				36/60	20/30	87.5/100		
436	Trịnh Thị	Lan	0437	Nữ	19	02	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						39/60	24/30	80.5/100		
437	Dương Phương	Linh	0438	Nữ	17	10	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						36/60	13/30	0/100		
438	Lê Huỳnh Phương	Linh	0439	Nữ	22	01	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						36/60	20/30	78/100		
439	Nguyễn Thị Diệu	Linh	0440	Nữ	16	3	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						0/60	0/30	0/100		
440	Nguyễn Thị Khánh	Linh	0441	Nữ	26	06	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh				41/60	11/30	0/100		
441	Trịnh Thị Thảo	Linh	0442	Nữ	18	02	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						43/60	20/30	91.5/100		
442	Nguyễn Tất Hải	Long	0443	Nam	19	10	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Khánh Hòa					27/60	28/30	0/100	2.5	
443	Đinh Thị Phương	Ly	0444	Nữ	27	6	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						0/60	0/30	0/100		
444	Nguyễn khánh	Ly	0445	Nữ	3	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Gia Lai				57/60	24/30	98.5/100		
445	Nguyễn Thị Bảo	Ly	0446	Nữ	10	1	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						35/60	28/30	85/100		
446	Lê Thị My	My	0447	Nữ	22	9	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						35/60	12/30	0/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
447	Lê Thị Hiếu	Ngân	0448	Nữ	02	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng				45/60	25/30	80.5/100		
448	Phan Thị Bích	Ngọc	0449	Nữ	10	09	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						42/60	19/30	90/100		
449	Huỳnh Nguyễn Trung	Nguyễn	0450	Nam	17	8	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS TP. Hồ Chí Minh					42/60	11/30	0/100		
450	Nguyễn Đức	Nhân	0451	Nam	08	08	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						28/60	0/30	0/100	2.5	
451	Nguyễn Văn	Nhân	0452	Nam	28	7	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						21/60	0/30	0/100		
452	Đỗ Thị Ngọc	Như	0453	Nữ	29	10	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						0/60	0/30	0/100		
453	Nguyễn Bích Ngọc	Như	0454	Nữ	25	11	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						40/60	23/30	79/100		
454	Y Nhật Nam Ê	Nuôi	0455	Nam	10	8	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						37/60	12/30	0/100	5	
455	Ngô Trần Đức	Phát	0456	Nam	13	2	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Gia Lai				33/60	13/30	0/100		
456	Đỗ Tấn	Phong	0457	Nam	17	9	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Gia Lai				0/60	0/30	0/100		
457	Bạch Hưng Nguyễn	Phú	0458	Nam	29	10	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						40/60	24/30	61/100	2.5	
458	Võ Hồng	Phúc	0459	Nam	13	04	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						39/60	25/30	61/100		
459	Đàm Hữu	Phước	0460	Nam	07	06	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Hồ Chí Minh	Có 06 nguyện vọng	45/60	26/30	61.5/100		
460	Nguyễn Thị	Phương	0461	Nữ	07	07	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						36/60	11/30	0/100		
461	Nguyễn Thị Thanh	Phượng	0462	Nữ	3	11	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Đà Nẵng	THADS TP. Hồ Chí Minh		44/60	26/30	85/100		
462	Dương Thị Ngọc	Quý	0463	Nữ	02	06	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Lâm Đồng				33/60	15/30	72.5/100		
463	Đỗ Châu Thảo	Quyên	0464	Nữ	18	01	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						0/60	0/30	0/100		
464	Đỗ Thị	Quỳnh	0465	Nữ	01	01	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						40/60	23/30	95.5/100		
465	Trần Minh	Sơn	0466	Nam	25	01	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						42/60	23/30	76.5/100		
466	Trần Thị Minh	Tâm	0467	Nữ	24	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						46/60	22/30	66/100		
467	Nguyễn Đình Chiến	Thắng	0468	Nam	25	12	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						37/60	15/30	69/100		
468	Lê Thị	Thảo	0469	Nữ	21	02	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS TP. Hồ Chí Minh					0/60	0/30	0/100		
469	Lê Thị Hương	Thảo	0470	Nữ	26	01	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						34/60	19/30	48/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
470	Lý Thị Thu	Thảo	0471	Nữ	29	01	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						40/60	19/30	81/100	5	
471	Nguyễn Vũ Đức	Thịnh	0472	Nam	02	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh				39/60	25/30	76/100		
472	Hoàng Thị Thân	Thương	0473	Nữ	25	5	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						42/60	21/30	83.5/100		
473	Trần Thị Thương	Thương	0474	Nữ	30	08	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						46/60	20/30	78.5/100		
474	Hồ Phương	Thủy	0475	Nữ	3	11	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						46/60	25/30	81/100		
475	Nguyễn Thị	Thùy	0476	Nữ	11	12	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	Cục Quản lý THADS					37/60	21/30	70.5/100		
476	Dương Thị	Thùy	0477	Nữ	4	5	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS TP. Hồ Chí Minh					35/60	21/30	79/100		
477	Y	Thuyền	0478	Nam	10	4	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						37/60	18/30	80.5/100	5	
478	Nguyễn Dương	Toàn	0479	Nam	17	07	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Lâm Đồng				54/60	27/30	98.5/100		
479	Phạm Thị Hoài	Trâm	0480	Nữ	24	3	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Khánh Hòa				37/60	16/30	73.5/100		
480	Lê Thị Huyền	Trần	0481	Nữ	5	11	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Gia Lai				45/60	25/30	69.5/100		
481	Lê Long	Triều	0482	Nữ	1	1	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						29/60	0/30	0/100		
482	Trần Phương	Trình	0483	Nữ	27	6	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng				50/60	23/30	70/100		
483	H'	Trình Ayün	0484	Nữ	07	06	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Lâm Đồng					40/60	18/30	65/100	5	
484	Nguyễn Phi	Trường	0485	Nam	26	11	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Lâm Đồng				39/60	16/30	82.5/100	5	
485	Huỳnh Đặng Kim	Uyên	0486	Nữ	4	6	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS TP. Hồ Chí Minh					33/60	11/30	0/100		
486	Võ Thị Thảo	Vân	0487	Nữ	25	2	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS TP. Hồ Chí Minh					36/60	25/30	84.5/100		
487	Hoàng Anh	Vũ	0488	Nam	23	09	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						42/60	17/30	82/100		
488	Võ Thị Tường	Vy	0489	Nữ	10	6	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						36/60	24/30	90.5/100		
489	Kpă Y	Zoen	0490	Nam	28	02	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						30/60	9/30	0/100	5	
490	Nông Công	Minh	0491	Nam	26	8	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Lâm Đồng			29/60	0/30	0/100	5	
491	Trần Nguyễn Phúc	Nhi	0492	Nữ	12	10	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						23/60	0/30	0/100		
492	Phan Kim	Thành	0493	Nam	26	1	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Khánh Hòa					26/60	0/30	0/100		
493	Nông Thị Thanh	Thúy	0494	Nữ	6	6	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk						44/60	22/30	64/100	5	

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển							Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành			
494	Ngô Thị Kim	Yến	0495	Nữ	29	3	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Lâm Đồng			41/60	13/30	0/100			
495	Nguyễn Thị Mỹ	Tâm	0496	Nữ	19	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh				45/60	11/30	0/100			
496	Nguyễn Thị Minh	Trâm	0497	Nữ	22	12	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Gia Lai				30/60	12/30	0/100			
497	Đỗ Quế	An	0498	Nữ	2	2	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						30/60	15/30	60.5/100			
498	Mai Thế	Anh	0499	Nam	2	6	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh					30/60	19/30	63/100			
499	Nguyễn Thị Kim	Anh	0500	Nữ	19	7	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Tây Ninh				0/60	0/30	0/100			
500	Nguyễn Thị Loan	Anh	0501	Nữ	20	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						49/60	9/30	0/100			
501	Võ Thị Hiếu	Anh	0502	Nữ	27	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh					41/60	21/30	83/100			
502	Bùi Thị	Bích	0503	Nữ	6	2	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh					37/60	15/30	59.5/100			
503	Nguyễn Gia Bảo	Châu	0504	Nữ	1	1	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						31/60	15/30	69.5/100			
504	Vũ Xuân	Đạt	0505	Nam	14	1	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						28/60	15/30	0/100			
505	Lương Ngọc	Diễm	0506	Nữ	13	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh				0/60	0/30	0/100			
506	Đoàn Đại	Diễn	0507	Nam	8	4	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Lâm Đồng				26/60	12/30	0/100			
507	Nguyễn Thiên	Diệu	0508	Nam	11	4	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh					30/60	16/30	82.5/100	2.5		
508	Hồ Sỹ	Dũng	0509	Nam	30	5	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh					36/60	3/30	0/100			
509	Lê Thị Thùy	Dương	0510	Nữ	28	9	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						20/60	19/30	66/100			
510	Hà Quang	Duy	0511	Nam	21	4	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						37/60	13/30	0/100			
511	Nguyễn Hoàng	Duy	0512	Nam	12	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh	Cục quản lý THADS				0/60	0/30	0/100			
512	Nguyễn Đoàn Hồng	Gấm	0513	Nữ	9	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						40/60	23/30	64/100			
513	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	0514	Nữ	28	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						57/60	19/30	85.5/100			
514	Hồ Thị Hương	Giang	0515	Nữ	13	4	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Đà Nẵng				33/60	25/30	73/100			
515	Trần Thái Hương	Giang	0516	Nữ	31	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh					40/60	22/30	87.5/100			
516	Khiếu Thị Thu	Hà	0517	Nữ	4	7	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						37/60	16/30	60.5/100			
517	Lê Trần Minh	Hải	0518	Nữ	9	8	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						39/60	11/30	0/100			

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
518	Bùi Nguyễn Ngọc	Hân	0519	Nữ	20	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						39/60	9/30	0/100		
519	Nguyễn Lê Thị Ngọc	Hân	0520	Nữ	7	12	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						34/60	13/30	0/100		
520	Nguyễn Thị	Hằng	0521	Nữ	28	9	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						27/60	10/30	0/100		
521	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	0522	Nữ	7	8	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh					40/60	25/30	79/100		
522	Đỗ Thị Thu	Hiền	0523	Nữ	4	5	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh					25/60	23/30	0/100		
523	Trần Thị Diệu	Hiền	0524	Nữ	16	4	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh				0/60	0/30	0/100		
524	Nguyễn Huy	Hiếu	0525	Nam	15	10	1986	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						43/60	15/30	85/100	2.5	
525	Nguyễn Minh	Hiếu	0526	Nam	6	1	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						53/60	29/30	88/100		
526	Nguyễn Minh	Hiếu	0527	Nam	22	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						27/60	0/30	0/100		
527	Nguyễn Trọng	Hiếu	0528	Nam	22	9	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						39/60	20/30	77.5/100		
528	Hồ Vĩnh	Hòa	0529	Nam	2	6	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng				15/60	6/30	0/100	2.5	
529	Nguyễn Đức	Hòa	0530	Nam	6	8	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh					26/60	13/30	0/100	2.5	
530	Bùi Vũ Huy	Hoàng	0531	Nam	1	9	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						31/60	16/30	71.5/100		
531	Phạm Huy	Hoàng	0532	Nam	7	7	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						36/60	22/30	69.5/100		
532	Phạm Ngọc	Hùng	0533	Nam	22	8	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						36/60	15/30	80/100		
533	Trần Lê Diễm	Hương	0534	Nữ	4	10	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh				34/60	11/30	0/100		
534	Đào Thanh	Huy	0535	Nam	14	6	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						31/60	16/30	56.5/100	2.5	
535	Đoàn Thế	Huy	0536	Nam	10	4	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						29/60	16/30	57.5/100		
536	Bùi Thanh	Huyền	0537	Nữ	3	8	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						44/60	21/30	94.5/100		
537	Lê Thị Thu	Huyền	0538	Nữ	9	11	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						37/60	16/30	80.5/100		
538	Nguyễn Thị	Huyền	0539	Nữ	19	10	1988	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh					31/60	15/30	70.5/100		
539	Lê Hiền	Kha	0540	Nam	13	3	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						39/60	26/30	82/100		
540	Nguyễn Mạnh	Kha	0541	Nam	1	11	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						41/60	16/30	71/100		
541	Hồ Quang	Khang	0542	Nam	17	1	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						0/60	0/30	0/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
542	Đỗ Thị Phương	Khanh	0543	Nữ	4	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						17/60	0/30	0/100		
543	Nguyễn Hoàng	Khôi	0544	Nam	31	10	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						0/60	0/30	0/100		
544	Trần Xuân	Kỳ	0545	Nữ	10	1	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh				0/60	0/30	0/100		
545	Nguyễn Phan Thị Mai	Linh	0546	Nữ	9	1	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						39/60	17/30	75/100		
546	Phạm Thị Thảo	Linh	0547	Nữ	9	8	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh					41/60	25/30	90/100		
547	Nguyễn Thị Kim	Loan	0548	Nữ	21	5	1984	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh					21/60	0/30	0/100	5	
548	Vũ Thị Ngọc	Loan	0549	Nữ	30	6	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						30/60	12/30	0/100		
549	Lê Hoàng	Long	0550	Nam	21	2	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						28/60	0/30	0/100		
550	Nguyễn Hoàng Phi	Long	0551	Nam	11	6	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						39/60	15/30	83.5/100		
551	Lê Hữu	Luân	0552	Nam	21	10	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						33/60	18/30	69/100	2.5	
552	Nguyễn Thị	Luyên	0553	Nữ	2	10	1980	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						37/60	13/30	0/100		
553	Nguyễn Thị Trà	My	0554	Nữ	27	6	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh				45/60	15/30	83/100		
554	Trương Nhật	Nam	0555	Nam	13	11	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						30/60	18/30	77/100		
555	Phan Thị Mỹ	Nga	0556	Nữ	26	11	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh					41/60	20/30	88/100	5	
556	Nguyễn Thanh	Ngân	0557	Nữ	24	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						34/60	24/30	61/100		
557	Nguyễn Diệp	Ngọc	0558	Nữ	20	2	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Đồng Tháp					33/60	12/30	0/100		
558	Đào Thị Yến	Nhi	0559	Nữ	8	2	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						33/60	13/30	0/100		
559	Huỳnh Thị Yến	Nhi	0560	Nữ	28	5	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh					35/60	20/30	65.5/100		
560	Trần Lê Yến	Nhung	0561	Nữ	27	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						40/60	13/30	0/100		
561	Nguyễn Lê Kiều	Oanh	0562	Nữ	17	8	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh				39/60	23/30	64/100		
562	Đỗ Cao	Phước	0563	Nam	9	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						42/60	11/30	0/100		
563	Nguyễn Thành	Phước	0564	Nam	29	4	1987	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh					25/60	0/30	0/100		
564	Võ Thành	Phước	0565	Nam	24	9	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh					31/60	9/30	0/100		
565	Lý Thị	Phượng	0566	Nữ	3	10	1987	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						27/60	14/30	0/100	5	

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
566	Võ Hồng	Quân	0567	Nam	9	12	1985	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh					36/60	8/30	0/100		
567	Nguyễn Trung	Quý	0568	Nam	11	8	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						0/60	0/30	0/100		
568	Đặng Hồng Kim	Tài	0569	Nữ	4	10	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Đà Nẵng				42/60	26/30	69/100		
569	Trần Thị Mỹ	Tâm	0570	Nữ	23	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						36/60	16/30	68.5/100		
570	Trần Văn	Thái	0571	Nam	9	2	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						36/60	14/30	0/100		
571	Phan Hữu	Thân	0572	Nam	3	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						31/60	13/30	0/100		
572	Nguyễn Thị Thanh	Thanh	0573	Nữ	9	9	1988	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh					34/60	10/30	0/100		
573	Thái Thị Lê	Thanh	0574	Nữ	6	12	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng				34/60	22/30	78.5/100		
574	Trần Thị Ngọc	Thanh	0575	Nữ	8	2	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						36/60	15/30	67.5/100		
575	Nguyễn Trường	Thành	0576	Nam	13	9	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh					28/60	0/30	0/100	2.5	
576	Bùi Thị	Thảo	0577	Nữ	6	12	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						24/60	0/30	0/100		
577	Lê Trần Phương	Thảo	0578	Nữ	25	10	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh					42/60	20/30	77/100		
578	Nguyễn Thanh	Thảo	0579	Nữ	9	2	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh					33/60	23/30	74.5/100		
579	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	0580	Nữ	20	9	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh					43/60	25/30	82/100		
580	Nguyễn Nhật	Thị	0581	Nam	20	5	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh				39/60	15/30	67/100		
581	Vũ Toàn	Thiện	0582	Nam	24	8	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh				35/60	23/30	80/100		
582	Ngô Huy	Thống	0583	Nam	19	2	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh					42/60	17/30	81/100		
583	Hồ Thị Minh	Thư	0584	Nữ	8	4	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh				42/60	14/30	0/100		
584	Trần Huỳnh Song	Thư	0585	Nữ	29	8	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						40/60	17/30	83/100		
585	Hoàng Minh	Thư	0586	Nữ	25	1	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh					44/60	16/30	66.5/100	5	
586	Phan Gia	Thuận	0587	Nam	24	8	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh				39/60	27/30	74/100		
587	Văn Thị Thủy	Tiên	0588	Nữ	11	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp				37/60	19/30	81/100		
588	Trần Quốc	Tín	0589	Nam	19	2	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh					32/60	12/30	0/100		
589	Hồ Phước	Toàn	0590	Nam	28	7	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Lâm Đồng				47/60	14/30	0/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển							Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành			
590	Nguyễn Lê Huỳnh	Trần	0591	Nữ	30	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						32/60	10/30	0/100			
591	Đỗ Thị Thùy	Trang	0592	Nữ	2	6	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						41/60	16/30	75/100			
592	Đoàn Thị Thu	Trang	0593	Nữ	4	6	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh					33/60	15/30	76.5/100			
593	Huỳnh Thị Thu	Trang	0594	Nữ	22	5	1990	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						0/60	0/30	0/100			
594	Lê Lương Minh	Trang	0595	Nữ	15	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Lâm Đồng				40/60	25/30	77.5/100			
595	Mai Thị Thùy	Trang	0596	Nữ	5	2	1988	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh				37/60	18/30	76.5/100			
596	Nguyễn Thị Thùy	Trang	0597	Nữ	15	6	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						33/60	20/30	44.5/100			
597	Nguyễn Thiên	Trúc	0598	Nữ	16	1	2004	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						19/60	15/30	0/100			
598	Kiểu Thế	Trường	0599	Nam	1	1	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						24/60	0/30	0/100	2.5		
599	Nguyễn Anh	Tú	0600	Nam	18	11	1969	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh					25/60	0/30	0/100			
600	Trần Bá	Tú	0601	Nam	25	6	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						42/60	25/30	90/100			
601	Trịnh Anh	Tú	0602	Nữ	26	6	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						49/60	14/30	0/100			
602	Lường Ngọc	Tuấn	0603	Nam	29	3	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						34/60	6/30	0/100			
603	Nguyễn Quang	Tuấn	0604	Nam	12	4	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh				52/60	20/30	96/100			
604	Nguyễn Thanh	Tuấn	0605	Nam	23	11	1990	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						29/60	0/30	0/100			
605	Nguyễn Thanh	Tùng	0606	Nam	17	11	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						41/60	24/30	81/100	2.5		
606	Trần Thanh	Tường	0607	Nam	17	11	1987	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh			47/60	17/30	87/100			
607	Lê Văn	Tường	0608	Nam	24	8	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						24/60	0/30	0/100			
608	Hồ Thị Thanh	Tuyền	0609	Nữ	7	8	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						35/60	17/30	82.5/100			
609	Lê Nguyên Phong	Vũ	0610	Nam	28	7	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh				39/60	24/30	77.5/100			
610	Thị	Vương	0611	Nữ	18	8	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai						26/60	10/30	0/100	5		
611	Nguyễn Lan	Vy	0612	Nữ	1	2	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng				24/60	0/30	0/100			
612	Đỗ Ngọc Như	Ý	0613	Nữ	13	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh				41/60	15/30	87/100			
613	Nguyễn Ngọc Huỳnh	Anh	0614	Nữ	8	2	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						0/60	0/30	0/100			

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
614	Nguyễn Thị Minh	Anh	0615	Nữ	27	10	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						40/60	15/30	70.5/100		
615	Nguyễn Thị Vân	Anh	0616	Nữ	8	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ				36/60	22/30	65.5/100		
616	Phạm Hoài	Anh	0617	Nam	5	6	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						46/60	19/30	63.5/100	2.5	
617	Châu Xuân	Bách	0618	Nam	9	7	1990	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						24/60	0/30	0/100		
618	Đoàn Chí	Bảo	0619	Nam	24	6	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						19/60	0/30	0/100		
619	Triệu Văn	Cần	0620	Nam	27	5	1988	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Hồ Chí Minh				29/60	14/30	0/100		
620	Phạm Huỳnh Kiều	Châu	0621	Nữ	8	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						18/60	0/30	0/100		
621	Đỗ Đình	Chương	0622	Nam	16	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Tây Ninh				41/60	30/30	74/100		
622	Lâm Hải	Đăng	0623	Nam	14	9	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Vĩnh Long				26/60	7/30	0/100	2.5	
623	Lê Hải	Đăng	0624	Nam	24	12	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						27/60	0/30	0/100		
624	Trần Thành	Đạt	0625	Nam	5	8	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Lâm Đồng				0/60	0/30	0/100		
625	Bùi Minh	Đầy	0626	Nam	16	9	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh					41/60	10/30	0/100		
626	Lê Ngọc	Diễm	0627	Nữ	12	9	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Tây Ninh				28/60	10/30	0/100		
627	Nguyễn Thị	Diệu	0628	Nam	13	5	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						37/60	11/30	0/100		
628	Nguyễn Thị Châu	Doanh	0629	Nữ	10	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Tây Ninh				49/60	27/30	86/100		
629	Trần Thị Mỹ	Dung	0630	Nữ	25	4	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh					40/60	18/30	74.5/100		
630	Nguyễn Ngọc Thùy	Dương	0631	Nữ	6	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh An Giang				45/60	21/30	85.5/100		
631	Nguyễn Thùy	Dương	0632	Nữ	16	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long				22/60	8/30	0/100		
632	Bùi Anh	Duy	0633	Nam	17	5	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Hồ Chí Minh				46/60	17/30	68/100		
633	Trần Khánh	Duy	0634	Nam	2	4	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Vĩnh Long				40/60	17/30	74.5/100		
634	Võ Thành	Duy	0635	Nam	17	4	1990	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						33/60	17/30	64/100		
635	Nguyễn Thị Kim	Duyên	0636	Nữ	14	10	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh An Giang					34/60	14/30	0/100		
636	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	0637	Nữ	22	4	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ				44/60	17/30	84.5/100		
637	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	0638	Nữ	29	6	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long					46/60	21/30	80/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghệ vụ chuyên ngành		
638	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	0639	Nữ	5	10	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						21/60	0/30	0/100		
639	Nguyễn Ngọc	Gám	0640	Nữ	28	11	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long				31/60	20/30	75/100		
640	Đỗ Thị Cẩm	Hà	0641	Nữ	8	8	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						42/60	24/30	80.5/100		
641	Nguyễn Hoàng	Hà	0642	Nam	29	5	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Tây Ninh				30/60	14/30	0/100		
642	Nguyễn Thị Kim	Hà	0643	Nữ	9	9	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						37/60	18/30	45.5/100		
643	Lê Thị Ngọc	Hân	0644	Nữ	1	10	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ				36/60	17/30	71.5/100		
644	Nguyễn Ngọc	Hân	0645	Nữ	9	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Vĩnh Long				47/60	18/30	76.5/100		
645	Huỳnh Thị Mỹ	Hạnh	0646	Nữ	12	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh				0/60	0/30	0/100		
646	Phạm Thị Như	Háo	0647	Nữ	27	11	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh An Giang					45/60	23/30	90/100		
647	Võ Trung	Hậu	0648	Nam	13	9	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						31/60	16/30	78.5/100		
648	Trần Ngô Vinh	Hiên	0649	Nam	17	4	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						48/60	25/30	87.5/100		
649	Đỗ Nguyễn Trọng	Hiếu	0650	Nam	30	12	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long					32/60	10/30	0/100		
650	Nguyễn Anh	Hoài	0651	Nam	7	6	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh				25/60	0/30	0/100		
651	Nguyễn Văn	Hùm	0652	Nam	17	10	1979	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Vĩnh Long				39/60	22/30	77/100		
652	Đoàn Thị Xuân	Hương	0653	Nữ	1	12	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long				30/60	19/30	72/100		
653	Lê Trần Quế	Hương	0654	Nữ	24	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh				30/60	14/30	0/100		
654	Nguyễn Thị Lan	Hương	0655	Nữ	25	10	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh					38/60	24/30	80.5/100		
655	Lê Nguyễn Hoàng	Huy	0656	Nam	13	7	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						0/60	0/30	0/100		
656	Nguyễn Phương	Huy	0657	Nam	5	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh				46/60	23/30	87.5/100		
657	Lê Thị Mỹ	Huyền	0658	Nữ	18	8	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						35/60	14/30	0/100		
658	Trần Thị	Huyền	0659	Nữ	2	8	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Hồ Chí Minh				38/60	10/30	0/100		
659	Trần Như	Huỳnh	0660	Nữ	30	9	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ				25/60	0/30	0/100		
660	Huỳnh Thị Mộng	Kha	0661	Nữ	26	5	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						44/60	13/30	0/100		
661	Lê Minh	Kha	0662	Nam	7	1	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh					29/60	10/30	0/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghệ vụ chuyên ngành		
662	Lê Vĩ	Khang	0663	Nam	27	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Lào Cai		34/60	7/30	0/100		
663	Nguyễn Dương	Khang	0664	Nam	29	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh				43/60	21/30	69.5/100		
664	Đoàn Nguyễn Đăng	Khoa	0665	Nam	1	10	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						49/60	28/30	94.5/100		
665	Nguyễn Đăng	Khoa	0666	Nam	2	8	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh					34/60	15/30	54.5/100		
666	Trần Đăng	Khoa	0667	Nam	16	2	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						37/60	28/30	81/100		
667	Nguyễn Tuấn	Kiệt	0668	Nam	29	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai				32/60	20/30	80/100		
668	Phan Thị Oanh	Kiều	0669	Nữ	6	8	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Tây Ninh				40/60	14/30	0/100		
669	Trương Thị Thúy	Kiều	0670	Nữ	27	4	1987	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Hồ Chí Minh				30/60	14/30	0/100		
670	Châu Ái	Liên	0671	Nữ	6	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						34/60	10/30	0/100		
671	Nguyễn Thị Kim	Liên	0672	Nữ	5	6	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						27/60	15/30	0/100		
672	Lý Nguyễn Thùy	Linh	0673	Nữ	1	8	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						49/60	23/30	94.5/100		
673	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	0674	Nữ	7	12	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						43/60	20/30	91.5/100		
674	Nguyễn Thị Trúc	Linh	0675	Nữ	2	7	1988	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Tây Ninh				45/60	13/30	0/100		
675	Trương Thị Phước	Lộc	0676	Nữ	1	5	1986	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh An Giang					37/60	11/30	0/100		
676	Đỗ Minh	Luân	0677	Nam	13	2	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh An Giang					38/60	9/30	0/100		
677	Nguyễn Nam	Luân	0678	Nam	2	2	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh				30/60	18/30	72.5/100		
678	Trần Thị Trúc	Ly	0679	Nữ	12	8	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ				34/60	12/30	0/100		
679	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	0680	Nữ	6	3	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Vĩnh Long				33/60	15/30	71.5/100		
680	Phạm Thanh	Mai	0681	Nữ	17	7	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						20/60	0/30	0/100		
681	Nguyễn Bảo	My	0682	Nữ	19	7	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ				30/60	7/30	0/100		
682	Chế Hoàng	Nam	0683	Nam	11	8	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang				51/60	10/30	0/100		
683	Hồ Thái Thành	Nam	0684	Nam	31	8	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh				50/60	20/30	90/100		
684	Lê Ngọc	Ngà	0685	Nữ	26	12	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Tây Ninh				32/60	19/30	73/100		
685	Lê Kim	Ngân	0686	Nữ	29	3	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						33/60	19/30	59.5/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyễn vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Nguyễn vọng 3	Nguyễn vọng 4	Nguyễn vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghệ vụ chuyên ngành		
686	Lê Ngọc Yến	Ngân	0687	Nữ	19	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						43/60	18/30	80/100		
687	Lê Thị Kim	Ngân	0688	Nữ	3	5	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						44/60	18/30	64.5/100		
688	Mai Thị Kim	Ngân	0689	Nữ	4	8	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long				0/60	0/30	0/100		
689	Nguyễn Thị Kim	Ngân	0690	Nữ	3	2	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long				32/60	12/30	0/100		
690	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	0691	Nữ	4	2	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ					40/60	17/30	81.5/100		
691	Nguyễn Thị Tuyết	Ngân	0692	Nữ	2	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						22/60	13/30	0/100		
692	Triệu Thị Kiều	Ngân	0693	Nữ	15	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Tây Ninh				41/60	14/30	0/100		
693	Đinh Hữu	Nghĩa	0694	Nam	26	8	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang		47/60	16/30	78.5/100		
694	Phan Minh	Nghĩa	0695	Nam	10	9	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh					33/60	17/30	82.5/100		
695	Trần Phước	Nghĩa	0696	Nam	12	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Vĩnh Long				24/60	0/30	0/100		
696	Trần Thị Kim	Ngọc	0697	Nữ	24	8	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ				38/60	11/30	0/100		
697	Hồ Thị Thảo	Nguyễn	0698	Nữ	6	6	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						31/60	15/30	60.5/100		
698	Nguyễn Thái Trung	Nguyễn	0699	Nam	12	10	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Vĩnh Long				42/60	26/30	75/100		
699	Lê Thị Yến	Nhi	0700	Nữ	8	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ				27/60	22/30	0/100		
700	Nguyễn Khoa	Nhi	0701	Nữ	5	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh					39/60	19/30	77.5/100		
701	Nguyễn Phạm Ngọc	Nhi	0702	Nữ	17	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hà Nội		35/60	12/30	0/100		
702	Huỳnh Dương Hà	Nhiên	0703	Nữ	9	10	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh					35/60	23/30	68/100		
703	Bùi Hải	Như	0704	Nữ	2	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						0 Không ký	9/30	0/100	5	
704	Phan Thiên Quỳnh	Như	0705	Nữ	24	4	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh An Giang				29/60	9/30	0/100		
705	Ngô Thị Mỹ	Nhung	0706	Nữ	28	6	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh					34/60	23/30	67/100		
706	Kiểu Công	Nhật	0707	Nam	2	1	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						45/60	18/30	86/100		
707	Nguyễn So	Ny	0708	Nữ	17	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						50/60	20/30	87/100		
708	Trương Thị Hằng	Ny	0709	Nữ	26	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Vĩnh Long				44/60	13/30	0/100		
709	Mai Châu Hoàng	Oanh	0710	Nữ	4	6	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Vĩnh Long				36/60	10/30	0/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
710	Trần Thị Thúy	Oanh	0711	Nữ	15	5	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						41/60	24/30	95.5/100		
711	Nguyễn Văn Thu	Phong	0712	Nam	3	12	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh An Giang					25/60	0/30	0/100		
712	Trần Hoài	Phong	0713	Nam	22	12	1985	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						46/60	27/30	76/100		
713	Nguyễn Thành	Phú	0714	Nam	26	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						0 Không ký	0/30	0/100		
714	Nguyễn Hoàng	Phúc	0715	Nam	4	4	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh An Giang				38/60	12/30	0/100		
715	Nguyễn Hữu	Phúc	0716	Nam	26	9	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						38/60	19/30	74.5/100		
716	Phạm Hoàng	Phúc	0717	Nam	19	1	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Vĩnh Long				29/60	0/30	0/100		
717	Huỳnh Kim	Phụng	0718	Nữ	9	10	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						0 Không ký	0/30	0/100		
718	Bùi Như	Phương	0719	Nữ	17	2	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						0/60	0/30	0/100		
719	Lê Nguyễn Hải	Phương	0720	Nam	15	9	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Vĩnh Long				39/60	13/30	0/100		
720	Lưu Hoài	Phương	0721	Nam	21	1	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long					35/60	15/30	70/100		
721	Trần Thị Trúc	Phương	0722	Nữ	26	5	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hà Nội		38/60	15/30	83.5/100		
722	Võ Thị Hồng	Phương	0723	Nữ	6	7	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long				20/60	0/30	0/100		
723	Võ Minh	Quân	0724	Nam	1	1	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Vĩnh Long				36/60	20/30	86/100		
724	Đoàn Phú	Quốc	0725	Nam	7	8	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						0 Không ký	0/30	0/100		
725	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	0726	Nữ	1	1	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Vĩnh Long				30/60	18/30	68.5/100		
726	Đào Văn Minh	Sang	0727	Nam	1	1	1987	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ			38/60	15/30	75.5/100	5	
727	Lê Thị Song	Song	0728	Nữ	19	10	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Vĩnh Long				29/60	13/30	0/100		
728	Đặng Văn	Tân	0729	Nam	11	4	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						37/60	12/30	0/100		
729	Cao Thành	Thái	0730	Nam	8	4	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Tây Ninh				50/60	22/30	72.5/100		
730	Nguyễn Quốc	Thanh	0731	Nam	3	11	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh					51/60	15/30	64.5/100		
731	Lưu Thanh	Thảo	0732	Nữ	22	10	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Vĩnh Long				44/60	29/30	73.5/100		
732	Nguyễn Thị Thiên	Thảo	0733	Nữ	15	1	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh				35/60	11/30	0/100		
733	Nguyễn Ngọc Minh	Thơ	0734	Nữ	27	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh					42/60	16/30	68.5/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
734	Trần Thị Ngọc	Thơ	0735	Nữ	30	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						40/60	12/30	0/100		
735	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	0736	Nữ	15	10	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						0 <i>Không ký</i>	0/30	0/100		
736	Nguyễn Hoàng	Thuận	0737	Nam	27	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh					32/60	21/30	70.5/100		
737	Võ Thị Ngọc	Thủy	0738	Nữ	13	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						49/60	14/30	0/100		
738	Nguyễn Thị Hồng	Thủy	0739	Nữ	11	3	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						27/60	0/30	0/100		
739	Nguyễn Thị Mỹ	Tiến	0740	Nữ	20	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh				44/60	22/30	90.5/100		
740	Phạm Thị Cẩm	Tiến	0741	Nữ	17	7	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						38/60	13/30	0/100		
741	Võ Minh Nhật	Tiến	0742	Nữ	2	4	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						31/60	16/30	79.5/100		
742	Nguyễn Hoàn	Tiến	0743	Nam	6	6	1985	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Vĩnh Long				27/60	14/30	0/100		
743	Nguyễn Minh	Tiến	0744	Nam	27	9	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ				25/60	0/30	0/100		
744	Văn Ngọc	Tiến	0745	Nam	1	1	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long					32/60	10/30	0/100		
745	Nguyễn Văn	Tiểu	0746	Nam	29	3	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Tây Ninh				36/60	12/30	0/100		
746	Nguyễn Thái Kim	Tòa	0747	Nữ	5	10	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						24/60	15/30	0/100		
747	Nguyễn Mai	Trâm	0748	Nữ	4	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Tây Ninh				0 <i>Không ký</i>	0/30	0/100		
748	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	0749	Nữ	5	1	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh					39/60	12/30	0/100		
749	Nguyễn Thị Thanh	Trâm	0750	Nữ	16	5	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						36/60	11/30	0/100		
750	Trần Ngọc Thảo	Trâm	0751	Nữ	26	8	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh					36/60	15/30	67/100		
751	Thái Mai Bảo	Trân	0752	Nữ	29	10	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ				38/60	15/30	68.5/100		
752	Trần Nhã	Trân	0753	Nữ	18	4	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ					34/60	23/30	68.5/100		
753	Trần Thị Quế	Trân	0754	Nữ	13	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						46/60	11/30	0/100		
754	Nguyễn Hà Bảo	Trân	0755	Nữ	19	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh					0 <i>Không ký</i>	0/30	0/100		
755	Phan Thị Thùy	Trang	0756	Nữ	16	8	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						39/60	20/30	76.5/100		
756	Đàm Thái	Trung	0757	Nam	20	10	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						41/60	18/30	76.5/100		
757	Đoàn Minh	Trung	0758	Nam	27	9	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						32/60	16/30	59/100	2.5	

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyễn vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Nguyễn vọng 3	Nguyễn vọng 4	Nguyễn vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
758	Phạm Toàn	Trung	0759	Nam	2	9	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh			47/60	13/30	0/100	2.5	
759	Hồ Minh	Tú	0760	Nam	6	2	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh					0/60	0/30	0/100		
760	Trương Võ Quốc	Tuấn	0761	Nam	14	10	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						48/60	10/30	0/100		
761	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	0762	Nữ	12	8	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh					39/60	22/30	78/100		
762	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	0763	Nữ	2	1	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh				47/60	14/30	0/100		
763	Nguyễn Thị Tú	Vân	0764	Nữ	21	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						40/60	22/30	59/100		
764	Võ Ngọc Yến	Văn	0765	Nữ	18	1	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Vĩnh Long				47/60	15/30	66.5/100		
765	Lê Thanh	Vàng	0766	Nam	18	11	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						30/60	14/30	0/100	5	
766	Đình Quang	Vinh	0767	Nam	9	6	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long					53/60	19/30	87.5/100		
767	Lê Quang	Vinh	0768	Nam	17	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						0 Không ký	0/30	0/100		
768	Nguyễn Thị Kiều	Vy	0769	Nữ	10	9	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						40/60	17/30	83/100		
769	Phạm Trần Khánh	Vy	0770	Nữ	19	8	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Vĩnh Long				33/60	22/30	66/100		
770	Võ Thị Trường	Vy	0771	Nữ	28	11	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp						19/60	0/30	0/100		
771	Phạm Hoàng	Yến	0772	Nữ	11	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh					33/60	16/30	65.5/100		
772	Trần Ngọc	Yến	0773	Nữ	12	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Vĩnh Long				39/60	15/30	89.5/100		
773	Hà Kiều	An	0774	Nữ	6	8	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Hồ Chí Minh					45/60	15/30	67/100		
774	Nguyễn Bá	Ân	0775	Nam	28	12	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Đà Nẵng				28/60	0/30	0/100		
775	Nguyễn Việt	Bảo	0776	Nam	25	5	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						26/60	9/30	0/100		
776	Nguyễn Trọng	Bính	0777	Nam	10	02	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Quảng Ngãi	THADS tỉnh Đắk Lắk				38/60	5/30	0/100	2.5	
777	Lê Thị Cẩm	Chi	0778	Nữ	22	02	1990	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						37/60	16/30	73.5/100	5	
778	Nguyễn Ngọc Linh	Chi	0779	Nữ	20	11	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk					44/60	25/30	87/100		
779	Nguyễn Xuân	Cường	0780	Nam	8	5	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp				26/60	11/30	0/100		
780	Nguyễn Tuyết	Đam	0781	Nữ	20	2	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đắk Lắk				30/60	16/30	62/100		
781	Đoạn Thị Kiều	Diễm	0782	Nữ	5	11	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						0/60	0/30	0/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển							Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành			
782	Phạm Thị Thủy	Diễm	0783	Nữ	19	4	1990	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						29/60	0/30	0/100			
783	Lê Huỳnh Thiên	Định	0784	Nam	06	4	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk					29/60	0/30	0/100			
784	Siu	Đụn	0785	Nữ	04	1	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS TP. Đà Nẵng				0/60	0/30	0/100	5		
785	Nguyễn Thị Thùy	Dung	0786	Nữ	22	7	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Đà Nẵng				33/60	13/30	0/100			
786	Phạm Thị Thùy	Dung	0787	Nữ	18	3	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						29/60	9/30	0/100			
787	Đoàn Thị Mỹ	Duyên	0788	Nữ	22	3	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Lâm Đồng				30/60	14/30	0/100			
788	Ngô Đặng Thùy	Duyên	0789	Nữ	9	8	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						24/60	14/30	0/100			
789	Nguyễn Hoàng	Gia	0790	Nữ	10	01	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS TP. Đà Nẵng				43/60	20/30	71/100			
790	Ksor	Gun	0791	Nam	11	9	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đắk Lắk				32/60	21/30	68/100	5		
791	Đinh Thị Việt	Hà	0792	Nữ	22	8	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Hồ Chí Minh					36/60	24/30	69.5/100			
792	Lê Hồ Ngọc	Hà	0793	Nữ	18	1	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Khánh Hòa				37/60	24/30	71.5/100			
793	Phạm Hồng	Hải	0794	Nam	19	10	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk					44/60	18/30	72.5/100	5		
794	Châu Ngọc	Hân	0795	Nữ	09	01	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						43/60	25/30	78/100	5		
795	Dương Thị	Hằng	0796	Nữ	10	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh				47/60	23/30	78.5/100			
796	Lê Nguyễn Minh	Hằng	0797	Nữ	26	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Đà Nẵng				41/60	15/30	80.5/100			
797	Nguyễn Thị	Hằng	0798	Nữ	07	8	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh				39/60	20/30	83.5/100			
798	Phạm Thị Thanh	Hằng	0799	Nữ	14	7	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Quảng Ngãi	THADS TP. Đà Nẵng				54/60	25/30	97/100			
799	Trần Thị Mỹ	Hằng	0800	Nữ	18	9	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Quảng Ngãi				25/60	10/30	0/100			
800	Phan Thị Thu	Hiền	0801	Nữ	05	01	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Khánh Hòa				45/60	21/30	85/100			
801	Nay	Hiệp	0802	Nam	16	5	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						44/60	20/30	87.5/100	5		
802	Nguyễn Anh Thảo	Hoa	0803	Nữ	30	6	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						27/60	0/30	0/100			
803	Nguyễn Thị Phương	Hoài	0804	Nữ	17	4	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Khánh Hòa				46/60	24/30	80/100			
804	Hoàng Thị	Hồng	0805	Nữ	18	02	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk					36/60	13/30	0/100			

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
805	Ung Nhật	Hung	0806	Nữ	13	6	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Quảng Ngãi	THADS TP. Đà Nẵng	Có 10 nguyện vọng	48/60	15/30	96/100		
806	Nguyễn Thị Thu	Hương	0807	Nữ	27	2	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Đà Nẵng	THADS TP. Hồ Chí Minh				42/60	17/30	72/100		
807	Phạm Trần Mai	Hương	0808	Nữ	24	2	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Hồ Chí Minh					36/60	29/30	66/100		
808	Nguyễn Thị Bích	Hường	0809	Nữ	24	10	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						38/60	20/30	69/100		
809	Trần Thị Kiều	Kha	0810	Nữ	19	5	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						30/60	21/30	70/100		
810	Rmah	Khiêm	0811	Nam	01	4	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						42/60	13/30	0/100	5	
811	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	0812	Nữ	10	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Hồ Chí Minh					20/60	11/30	0/100		
812	Nguyễn Thúy	Kiều	0813	Nữ	01	02	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS TP. Đà Nẵng				46/60	19/30	87.5/100		
813	Huỳnh Thị Kim	Lan	0814	Nữ	20	02	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Đà Nẵng				31/60	12/30	0/100		
814	Cao Trương Thùy	Linh	0815	Nữ	25	7	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Hồ Chí Minh					35/60	16/30	68.5/100		
815	Đặng Thị Trúc	Linh	0816	Nữ	13	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Hồ Chí Minh					36/60	22/30	86/100		
816	Đỗ Thị Thùy	Linh	0817	Nữ	20	9	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Hồ Chí Minh					41/60	25/30	62.5/100		
817	Nguyễn Nguyễn Diệu	Linh	0818	Nữ	21	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng				32/60	25/30	85/100		
818	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	0819	Nữ	02	7	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Quảng Ngãi	THADS TP. Đà Nẵng				45/60	25/30	71/100		
819	Nguyễn Thị Hồng	Loan	0820	Nữ	1	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Hồ Chí Minh					36/60	17/30	55/100		
820	Phạm Văn	Lộc	0821	Nam	1	8	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						37/60	23/30	67/100	2.5	
821	Lâm Gia	Long	0822	Nam	28	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						44/60	22/30	83.5/100		
822	Nguyễn Thị Thảo	Ly	0823	Nữ	26	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Đà Nẵng	THADS TP. Hồ Chí Minh				34/60	20/30	58/100		
823	Phan Ngọc	Mi	0824	Nữ	01	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp		31/60	20/30	60.5/100		
824	Bùi Nguyễn Trà	My	0825	Nữ	10	8	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Đà Nẵng					23/60	13/30	0/100		
825	Hồ Yến	My	0826	Nữ	15	10	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						27/60	18/30	0/100		
826	Nguyễn Huyền	My	0827	Nữ	27	8	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh				37/60	12/30	0/100		
827	Trần Mạnh	Nam	0828	Nam	07	10	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						26/60	14/30	0/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
828	Nguyễn Đình	Nấm	0829	Nam	30	7	1990	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						26/60	0/30	0/100	5	
829	Lê Thúy	Nga	0830	Nữ	10	3	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Khánh Hòa				37/60	24/30	69/100		
830	Rơ Ô H'	Ngân	0831	Nữ	12	3	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Lâm Đồng				53/60	12/30	0/100	5	
831	Vũ Trần Hồng	Ngân	0832	Nữ	21	2	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						37/60	15/30	68.5/100		
832	Nguyễn Phương	Nghị	0833	Nữ	30	8	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk					40/60	24/30	64/100		
833	Lê Văn	Nghĩa	0834	Nam	11	3	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS TP. Hồ Chí Minh				24/60	0/30	0/100		
834	Đỗ Thị Thu	Nguyễn	0835	Nữ	02	02	1987	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						37/60	12/30	0/100		
835	Đỗ Thị Thu	Nguyệt	0836	Nữ	19	11	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						36/60	8/30	0/100		
836	Siu H'	Nguyệt	0837	Nữ	15	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk					24/60	14/30	0/100	5	
837	Chang Thảo	Nhi	0838	Nữ	29	9	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Lâm Đồng				41/60	20/30	87.5/100	5	
838	Đinh Nguyễn Thanh	Nhi	0839	Nữ	9	11	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						42/60	21/30	78/100		
839	Lê Yến	Nhi	0840	Nữ	20	12	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						0/60	0/30	0/100		
840	Nguyễn Phạm Hoàng	Nhi	0841	Nữ	19	6	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh				37/60	12/30	0/100		
841	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	0842	Nữ	13	3	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng				36/60	23/30	60/100		
842	Trần Lê Yến	Nhi	0843	Nữ	07	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						29/60	0/30	0/100		
843	Đào Nguyễn Quỳnh	Như	0844	Nữ	18	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						24/60	15/30	0/100		
844	Hồ Thị Mỹ	Nương	0845	Nữ	30	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Đà Nẵng	THADS TP. Hồ Chí Minh				23/60	0/30	0/100		
845	Nguyễn Duy	Phong	0846	Nam	7	4	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Hồ Chí Minh					30/60	24/30	68/100		
846	Lê Thị Diễm	Phúc	0847	Nữ	18	7	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Quảng Ngãi				46/60	21/30	79.5/100		
847	Huỳnh Phi	Hùng	0848	Nam	21	12	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh				47/60	26/30	81/100		
848	Huỳnh Văn	Phụng	0849	Nam	24	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS TP. Đà Nẵng		49/60	18/30	93/100		
849	Lê Kim	Phụng	0850	Nữ	27	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Đà Nẵng				38/60	18/30	84.5/100		
850	Rơ Châm H'	Phương	0851	Nữ	09	6	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Quảng Ngãi				37/60	18/30	62/100	5	
851	Trần Thị Thu	Phương	0852	Nữ	10	6	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS TP. Hồ Chí Minh				50/60	22/30	89/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghệ vụ chuyên ngành		
852	Lý Mạnh	Quân	0853	Nam	27	6	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Đà Nẵng				25/60	0/30	0/100		
853	Đào Thị Thúy	Quỳnh	0854	Nữ	04	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đắk Lắk				53/60	16/30	95.5/100		
854	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	0855	Nữ	29	8	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Đà Nẵng	THADS TP. Hồ Chí Minh				34/60	23/30	83/100		
855	Phan Thị Nhật	Quỳnh	0856	Nữ	22	3	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						24/60	0/30	0/100		
856	Phạm Thị	Sương	0857	Nữ	12	1	1987	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						42/60	13/30	0/100		
857	Hồ Tấn	Thành	0858	Nam	7	8	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						25/60	7/30	0/100		
858	Bùi Thị Phương	Thảo	0859	Nữ	5	2	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Đà Nẵng					37/60	20/30	66/100		
859	Nguyễn Thị Thu	Thảo	0860	Nữ	31	5	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						38/60	12/30	0/100		
860	Nguyễn Trần Phương	Thảo	0861	Nữ	9	11	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Hồ Chí Minh					41/60	19/30	78/100		
861	Dương Thanh	Thị	0862	Nữ	24	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						48/60	29/30	77/100		
862	Trịnh Thị Minh	Thu	0863	Nữ	19	02	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						34/60	21/30	83/100		
863	Nguyễn Thị Phúc	Thư	0864	Nữ	14	2	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS TP. Đà Nẵng				36/60	17/30	54.5/100		
864	Nguyễn Thị Thuần	Thuần	0865	Nữ	16	1	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						40/60	17/30	53/100		
865	Nguyễn Trọng Thương	Thuật	0866	Nam	01	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Lâm Đồng				32/60	17/30	65/100		
866	Ngô Thị	Thương	0867	Nữ	25	10	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Hồ Chí Minh					32/60	18/30	61.5/100		
867	Phạm Thu	Thúy	0868	Nữ	01	3	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						50/60	9/30	0/100		
868	Phan Đăng Văn	Thùy	0869	Nữ	9	4	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS TP. Đà Nẵng				30/60	9/30	0/100		
869	Đàm Thị	Thùy	0870	Nữ	11	5	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Lâm Đồng				35/60	11/30	0/100		
870	Võ Thị Thanh	Thùy	0871	Nữ	20	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Hồ Chí Minh					42/60	24/30	84/100		
871	Nguyễn Thị Như	Tĩnh	0872	Nữ	1	3	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						33/60	16/30	68.5/100		
872	Huỳnh Công	Toàn	0873	Nam	08	2	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Đắk Lắk				34/60	6/30	0/100		
873	Phạm Đăng	Toàn	0874	Nam	10	7	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						37/60	11/30	0/100		
874	Châu Ngọc Bảo	Trâm	0875	Nữ	17	7	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						42/60	20/30	84.5/100		
875	Nguyễn Huyền	Trân	0876	Nữ	15	6	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						24/60	0/30	0/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
876	Đinh Thị Thùy	Trang	0877	Nữ	14	01	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Cần Thơ		49/60	27/30	90.5/100		
877	Dương Nữ Thùy	Trang	0878	Nữ	1	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Lâm Đồng				27/60	7/30	0/100		
878	Lê Thị Hồng	Trang	0879	Nữ	29	10	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						51/60	13/30	0/100		
879	Trần Thị Hoài	Trang	0880	Nữ	10	4	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Lâm Đồng				41/60	16/30	83.5/100		
880	Trần Đình	Tranh	0881	Nam	16	5	1990	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Quảng Ngãi	THADS TP. Hồ Chí Minh				28/60	0/30	0/100		
881	Trần Thị Tuyết	Trình	0882	Nữ	27	4	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						35/60	16/30	69.5/100		
882	Huỳnh Xuân	Trường	0883	Nam	10	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						37/60	8/30	0/100		
883	Nguyễn Quang	Tú	0884	Nam	31	8	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk					37/60	20/30	60.5/100		
884	Trần Thị Cẩm	Tú	0885	Nữ	2	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS TP. Đà Nẵng	THADS TP. Hồ Chí Minh			43/60	19/30	80/100		
885	Trịnh Thị Cẩm	Tú	0886	Nữ	28	11	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						43/60	17/30	66.5/100		
886	Phạm Quý	Tuấn	0887	Nam	13	02	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						0/60	0/30	0/100		
887	Trương Hoàng	Tùng	0888	Nam	12	12	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Đà Nẵng				38/60	14/30	0/100		
888	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	0889	Nữ	29	7	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai						30/60	14/30	0/100		
889	Võ Thị Thu	Tuyền	0890	Nữ	02	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS TP. Đà Nẵng				37/60	16/30	69.5/100		
890	Phan Thị Ánh	Tuyết	0891	Nữ	8	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Khánh Hòa				36/60	11/30	0/100		
891	Trương Triều	Uyên	0892	Nữ	13	10	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Hồ Chí Minh					35/60	26/30	60/100		
892	Nguyễn Tấn	Việt	0893	Nam	08	7	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Lâm Đồng				28/60	10/30	0/100		
893	Nguyễn Thị Lệ	Vy	0894	Nữ	12	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Hồ Chí Minh					33/60	19/30	69.5/100		
894	Nguyễn Thị Như	Ý	0895	Nữ	08	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk					38/60	17/30	84.5/100		
895	Phạm Thị	Mai	0896	Nữ	20	01	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Hưng Yên	THADS TP. Hà Nội	THADS TP. Hồ Chí Minh				35/60	19/30	89/100		
896	Nguyễn Việt	Anh	0897	Nam	26	4	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Lâm Đồng					0/60	0/30	0/100		
897	Đạo Quốc	Bình	0898	Nam	14	6	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						31/60	10/30	0/100	5	
898	Danh Thị Kim	Chung	0899	Nữ	21	12	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						39/60	16/30	84/100	5	
899	Nguyễn Linh	Đan	0900	Nữ	10	6	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Đắk Lắk					37/60	26/30	63.5/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Nghệ vụ chuyên ngành		
900	Cao Tiến	Dũng	0901	Nam	03	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Nghệ An	THADS TP. Hồ Chí Minh				29/60	11/30	0/100		
901	Đặng	Dương	0902	Nam	16	9	1988	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Lâm Đồng					44/60	24/30	79.5/100		
902	Dương Tấn	Dương	0903	Nam	15	8	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						25/60	0/30	0/100	5	
903	Lưu Ngọc Mỹ	Duyên	0904	Nữ	7	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS TP. Hồ Chí Minh					56/60	14/30	0/100		
904	Lưu Thị Ngọc	Duyên	0905	Nữ	7	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS TP. Hồ Chí Minh					49/60	21/30	94.5/100		
905	Nguyễn Lê Ngọc	Hà	0906	Nữ	8	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Lâm Đồng				0/60	0/30	0/100		
906	Nguyễn Thị Minh	Hà	0907	Nữ	10	01	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						34/60	23/30	72.5/100		
907	Trần Thị Khánh	Hà	0908	Nữ	26	11	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						26/60	13/30	0/100		
908	Lê Võ Đức	Hải	0909	Nam	06	6	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh				41/60	12/30	0/100		
909	Lương Thị Kim	Hậu	0910	Nữ	14	3	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						41/60	19/30	72/100		
910	Nguyễn Thanh Thanh	Hiền	0911	Nữ	29	9	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS TP. Hồ Chí Minh					22/60	0/30	0/100		
911	Nguyễn Trung	Hiếu	0912	Nam	28	6	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						38/60	21/30	62.5/100		
912	Trần Thị Tuấn	Hiếu	0913	Nữ	24	10	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						45/60	22/30	81/100	5	
913	Phạm Thái	Hoàng	0914	Nam	20	10	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						48/60	19/30	75/100	2.5	
914	Hán Thị Ánh	Hường	0915	Nữ	8	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						29/60	0/30	0/100	5	
915	Hoàng Nhật	Huy	0916	Nam	19	1	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Đồng Tháp				36/60	11/30	0/100		
916	Nguyễn Hữu	Huy	0917	Nam	12	9	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS TP. Hồ Chí Minh					20/60	0/30	0/100		
917	Nguyễn Thu	Huyền	0918	Nữ	18	6	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						43/60	19/30	88/100		
918	Lộ Thị Diễm	Khanh	0919	Nữ	19	8	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS TP. Hồ Chí Minh					41/60	18/30	60.5/100	5	
919	Nguyễn Thị Kim	Khanh	0920	Nữ	17	6	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						29/60	0/30	0/100	5	
920	Trương Thị Lê	Khanh	0921	Nữ	29	10	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						31/60	15/30	67.5/100		
921	Nguyễn Xuân	Khánh	0922	Nam	17	01	1988	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						29/60	0/30	0/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển							Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành			
922	Nguyễn Ngọc	Khoa	0923	Nam	11	12	1990	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh				43/60	20/30	Hủy kết quả		Đình chỉ thi môn nghiệp vụ chuyên ngành	
923	Lê Trung	Kiên	0924	Nam	02	01	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Lâm Đồng					21/60	0/30	0/100			
924	Nguyễn Thị Quỳnh	Lam	0925	Nữ	02	3	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						24/60	0/30	0/100			
925	Nguyễn Hoàng	Lâm	0926	Nam	06	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						46/60	25/30	93/100			
926	Nguyễn Thị Diễm	Lành	0927	Nữ	23	7	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						37/60	12/30	0/100			
927	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	0928	Nữ	04	04	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Lâm Đồng					37/60	23/30	72/100			
928	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	0929	Nữ	20	10	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						32/60	15/30	59/100			
929	Nguyễn Thiệu Bảo	Linh	0930	Nữ	20	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						30/60	15/30	48.5/100			
930	Phạm Tổng Khánh	Linh	0931	Nữ	2	3	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						45/60	22/30	80.5/100			
931	Hoàng Phước	Lộc	0932	Nam	26	8	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						43/60	14/30	0/100	2.5		
932	Nguyễn Công	Luận	0933	Nam	21	7	1988	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS TP. Đà Nẵng					42/60	19/30	85.5/100	2.5		
933	Lê Tuệ	Minh	0934	Nữ	25	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Đà Nẵng		43/60	25/30	69.5/100			
934	Nguyễn Vũ Hiền	Minh	0935	Nữ	09	02	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh				43/60	19/30	73/100			
935	Châu Thiên Diễm	My	0936	Nữ	10	8	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						30/60	10/30	68.5/100	5		
936	Định Thị Hòa	My	0937	Nữ	21	8	1990	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						34/60	12/30	0/100			
937	Trần Huỳnh Như Ái	Mỹ	0938	Nữ	14	6	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Đắk Lắk					41/60	14/30	0/100			
938	Nguyễn Thị Yến	Nga	0939	Nữ	26	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng				38/60	11/30	0/100			
939	Dương Hữu Yến	Ngân	0940	Nữ	05	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						28/60	0/30	0/100			
940	Lê Thị Thanh	Ngân	0941	Nữ	25	8	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						33/60	12/30	0/100			
941	Nguyễn Hồng Xuân	Ngân	0942	Nữ	2	12	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Đắk Lắk					39/60	12/30	0/100			
942	Lê Bá	Nghĩa	0943	Nam	14	01	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						32/60	15/30	79/100			
943	Trương Hồng	Ngọc	0944	Nữ	26	10	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						25/60	0/30	0/100			

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
944	Huỳnh Thị Yển	Nhi	0945	Nữ	27	4	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Đắk Lắk					51/60	18/30	88.5/100		
945	Lê Tâm	Như	0946	Nữ	23	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Tây Ninh			0/60	0/30	0/100		
946	Nguyễn Lê	Phong	0947	Nam	21	4	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						29/60	0/30	0/100		
947	Lê Kim Duy	Phước	0948	Nữ	03	9	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS TP. Hồ Chí Minh					32/60	16/30	64/100		
948	Bùi Nguyễn Như	Phương	0949	Nữ	29	4	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						45/60	18/30	77/100		
949	Lê Thị Ý	Phương	0950	Nữ	29	11	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Lâm Đồng					47/60	19/30	77/100		
950	Nguyễn Hoàng Mỹ	Phương	0951	Nữ	14	8	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						39/60	24/30	90/100		
951	Nguyễn Thị Hồ	Phương	0952	Nữ	12	1	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						33/60	12/30	0/100		
952	Lã Trúc	Quỳnh	0953	Nữ	25	6	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						27/60	15/30	56/100		
953	Trần Thanh	Sang	0954	Nam	05	7	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						27/60	0/30	0/100		
954	Đinh Văn	Tài	0955	Nam	25	9	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đồng Nai				31/60	21/30	65/100		
955	Trương Văn	Thêm	0956	Nam	10	9	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS TP. Hồ Chí Minh					30/60	11/30	0/100	5	
956	Trương Trần Thanh	Thiện	0957	Nam	02	02	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Lâm Đồng					31/60	12/30	0/100		
957	Hoàng Thị Phương	Thúy	0958	Nữ	04	4	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Lâm Đồng					41/60	18/30	80.5/100	5	
958	Tài Cao	Toàn	0959	Nam	15	4	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh				0/60	0/30	0/100	5	
959	Nguyễn Trần Huyền	Trần	0960	Nữ	18	10	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Gia Lai					37/60	22/30	81/100		
960	Phú Thị Bích	Trang	0961	Nữ	30	1	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh				41/60	19/30	78.5/100	5	
961	Thành Ngọc Quang	Trường	0962	Nam	26	8	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						45/60	18/30	80.5/100	5	
962	Nguyễn Vy	Tuyền	0963	Nữ	19	6	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đắk Lắk				36/60	12/30	0/100	5	
963	Lê Phương	Uyển	0964	Nữ	1	1	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						34/60	27/30	78.5/100		
964	Bùi Thúy	Vân	0965	Nữ	14	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						30/60	8/30	0/100		
965	Phạm Bích	Vân	0966	Nữ	1	6	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Cà Mau				46/60	18/30	87.5/100		
966	Trần Thị Anh	Vân	0967	Nữ	08	4	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh				47/60	17/30	71/100		
967	Lê Khánh	Vinh	0968	Nam	3	10	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						32/60	11/30	0/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
968	Võ Đức	Vinh	0969	Nam	20	11	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						39/60	22/30	87/100		
969	Đào Ngọc	Vũ	0970	Nam	08	02	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh				39/60	11/30	0/100		
970	Nguyễn Minh Gia	Vỹ	0971	Nữ	01	10	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng				44/60	14/30	0/100		
971	Cao Thị Hải	Yến	0972	Nữ	03	9	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Cần Thơ				35/60	13/30	0/100		
972	Huỳnh Thị Hồng	Yến	0973	Nữ	16	3	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Khánh Hòa						44/60	18/30	85.5/100		
973	Trịnh Lương Tuấn	Khải	0974	Nam	9	9	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh					34/60	26/30	64.5/100		
974	Ksor Siu	Alin	0975	Nam	4	3	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Gia Lai					20/60	0/30	0/100	5	
975	Mã Thị Kim	Ấn	0976	Nữ	18	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh					49/60	15/30	79.5/100	5	
976	Đỗ Thị Mai	Anh	0977	Nữ	2	1	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						45/60	20/30	68.5/100		
977	Lê Văn Tuấn	Anh	0978	Nam	22	11	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Gia Lai				33/60	19/30	61.5/100		
978	Nguyễn Hà Lan	Anh	0979	Nữ	29	1	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS TP. Hồ Chí Minh				40/60	22/30	86.5/100		
979	Nguyễn Tuấn	Anh	0980	Nam	15	1	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh					41/60	27/30	77/100	5	
980	Phạm Hoàng	Anh	0981	Nam	27	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						27/60	0/30	0/100		
981	Phan Thị Kim	Anh	0982	Nữ	24	2	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						32/60	15/30	63/100		
982	Thái Thảo	Anh	0983	Nữ	22	9	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai				49/60	24/30	85.5/100		
983	Trần Thị Vân	Anh	0984	Nữ	27	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						32/60	15/30	59.5/100		
984	Huỳnh Gia	Bảo	0985	Nam	08	10	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						34/60	19/30	75/100		
985	Huỳnh Phương	Bình	0986	Nữ	5	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						29/60	0/30	0/100		
986	Lê Viết	Bốn	0987	Nam	19	9	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Khánh Hòa					22/60	0/30	0/100		
987	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	0988	Nữ	4	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh					31/60	12/30	0/100		
988	Bùi Thị Kim	Chi	0989	Nữ	26	6	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh					44/60	22/30	75/100		
989	K'	Đáng	0990	Nam	2	7	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						20/60	0/30	0/100	5	
990	Phạm Thị Bích	Đào	0991	Nữ	03	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						32/60	17/30	68.5/100		
991	Lê Thành	Đạt	0992	Nam	21	8	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						38/60	19/30	71/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển							Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghệ vụ chuyên ngành			
992	Huỳnh Vũ Ái	Diễm	0993	Nữ	07	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Khánh Hòa						36/60	13/30	0/100		
993	Nguyễn Hoài	Diễm	0994	Nữ	25	4	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh						38/60	17/30	76/100		
994	Nguyễn Thị Hồng	Diệp	0995	Nữ	15	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS TP. Hồ Chí Minh					40/60	24/30	71/100		
995	Bàn Thị	Đỗ	0996	Nữ	29	12	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng							35/60	18/30	82/100	5	
996	Lê Viễn	Đông	0997	Nam	07	11	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng							29/60	13/30	0/100		
997	Nguyễn Thanh	Đông	0998	Nam	22	3	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng							30/60	10/30	0/100	2.5	
998	Trần Nguyễn Thùy	Dung	0999	Nữ	20	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh						0/60	0/30	0/100		
999	Nguyễn Văn Ngọc	Dũng	1000	Nam	08	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Gia Lai				31/60	8/30	0/100		
1000	Đoàn Ánh	Dương	1001	Nam	8	2	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Khánh Hòa					30/60	16/30	90/100		
1001	Lê Minh Khánh	Dương	1002	Nam	16	01	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Khánh Hòa					46/60	20/30	81/100		
1002	Lê Thị Thái	Dương	1003	Nữ	25	6	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng							24/60	0/30	0/100		
1003	Nguyễn Ái	Dương	1004	Nam	05	01	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh						32/60	14/30	0/100		
1004	Lê Tấn Minh	Duy	1005	Nam	05	11	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Khánh Hòa					30/60	21/30	78.5/100		
1005	Nguyễn Trịnh Hoàng	Duy	1006	Nam	19	8	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng							31/60	19/30	68.5/100		
1006	Bo Prong Ka	Duyên	1007	Nữ	31	1	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng							43/60	15/30	62.5/100	5	
1007	Thái Thanh	Giang	1008	Nam	25	6	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đồng Nai						0/60	0/30	0/100	5	
1008	Đoàn Thị	Hà	1009	Nữ	18	5	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng							32/60	22/30	86/100		
1009	Hồ Ngọc	Hà	1010	Nam	19	4	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng							35/60	10/30	0/100	2.5	
1010	Lê Thu	Hà	1011	Nữ	19	8	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng							32/60	19/30	70/100		
1011	Nguyễn Thị Hà	Hà	1012	Nữ	8	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS TP. Hồ Chí Minh					45/60	20/30	79/100		
1012	Vũ Thị Thu	Hà	1013	Nữ	23	10	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng							43/60	21/30	84/100		
1013	Nguyễn Thị	Hai	1014	Nữ	09	01	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng							42/60	9/30	0/100		
1014	Nguyễn Lê Bảo	Hân	1015	Nữ	28	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng							41/60	17/30	74/100		
1015	Đinh Thị Thanh	Hằng	1016	Nữ	02	9	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh					43/60	16/30	87/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
1016	Ka	Hằng	1017	Nữ	25	10	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						0/60	0/30	0/100	5	
1017	Phùng Thị Mỹ	Hằng	1018	Nữ	15	6	1988	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh					0/60	0/30	0/100		
1018	Trương Thị Ý	Háo	1019	Nữ	22	12	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						52/60	16/30	79/100		
1019	Trần Minh	Hậu	1020	Nam	18	9	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh				38/60	16/30	72.5/100	2.5	
1020	Đỗ Thị	Hiền	1021	Nữ	18	10	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đắk Lắk					46/60	18/30	82/100		
1021	Nguyễn Thị Thu	Hiền	1022	Nữ	9	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh				0/60	0/30	0/100		
1022	Bá Xuân	Hiệp	1023	Nam	26	6	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						34/60	10/30	0/100	5	
1023	Đỗ Minh	Hiếu	1024	Nam	24	2	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai				38/60	26/30	69.5/100		
1024	Bon Krông K	Hiệu	1025	Nam	6	12	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						52/60	20/30	92.5/100	5	
1025	Lê Thị	Hoa	1026	Nữ	1	1	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Gia Lai				39/60	12/30	0/100		
1026	Lưu Hùng	Hòa	1027	Nam	8	7	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Khánh Hòa				30/60	13/30	0/100	2.5	
1027	Lê Thị Thu	Hoài	1028	Nữ	11	01	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						38/60	17/30	78/100		
1028	Nguyễn Thị Thúy	Hoàng	1029	Nữ	28	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Đắk Lắk				38/60	23/30	89.5/100		
1029	Vũ Đình	Hoàng	1030	Nam	29	1	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Đà Nẵng				38/60	20/30	63.5/100		
1030	Phạm Thị	Hồng	1031	Nữ	26	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh					19/60	0/30	0/100		
1031	Nguyễn Thị Tuyết	Huê	1032	Nữ	26	6	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh					0/60	0/30	0/100		
1032	Nguyễn Thị Thanh	Huế	1033	Nữ	7	3	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đắk Lắk					39/60	15/30	77/100		
1033	Hoàng Thị	Hương	1034	Nữ	3	4	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Đồng Nai				31/60	12/30	0/100	5	
1034	Huỳnh Lê Thiên	Hương	1035	Nữ	12	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai				40/60	22/30	94.5/100		
1035	Nguyễn Thanh	Hương	1036	Nữ	14	8	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						51/60	18/30	87/100		
1036	Nguyễn Thị Thanh	Hương	1037	Nữ	28	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						0/60	0/30	0/100		
1037	Ân Hữu	Huy	1038	Nam	29	9	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						41/60	10/30	0/100	5	
1038	Nguyễn Minh	Huy	1039	Nam	4	12	2004	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						38/60	16/30	75.5/100		
1039	Hoàng Quốc	Khánh	1040	Nam	05	09	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						41/60	16/30	69.5/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển							Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành			
1040	Nguyễn Đăng	Khoa	1041	Nam	11	12	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Đồng Nai	Có 10 nguyện vọng	18/60	0/30	0/100			
1041	Nguyễn Minh	Khôi	1042	Nam	27	8	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Đà Nẵng			43/60	17/30	88.5/100			
1042	Võ Thị Ngọc	Lan	1043	Nữ	17	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Đà Nẵng				27/60	11/30	0/100			
1043	Đinh Thị Mộng	Lành	1044	Nữ	5	8	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Khánh Hòa				23/60	16/30	59/100			
1044	Hoàng Thị Mỹ	Linh	1045	Nữ	02	11	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh	Cục Quản lý THADS				38/60	10/30	0/100			
1045	Huỳnh Thị Trúc	Linh	1046	Nữ	17	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						25/60	0/30	0/100			
1046	Phan Thị Mỹ	Linh	1047	Nữ	10	1	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Tây Ninh					43/60	20/30	67.5/100			
1047	Phạm Minh	Long	1048	Nam	25	10	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						32/60	11/30	0/100			
1048	Nguyễn Văn	Lưu	1049	Nam	13	1	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						46/60	15/30	86/100	2.5		
1049	Lê Thị Thanh	Mai	1050	Nữ	10	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Khánh Hòa					41/60	26/30	88.5/100			
1050	Ngô Thị Quỳnh	Mai	1051	Nữ	30	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						24/60	0/30	0/100			
1051	Nguyễn Thị Hiền	Mai	1052	Nữ	08	10	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Khánh Hòa				28/60	14/30	0/100			
1052	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	1053	Nữ	5	8	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh					36/60	22/30	75/100			
1053	Trần Thị	Mai	1054	Nữ	17	10	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Gia Lai					27/60	12/30	0/100			
1054	Trần Thị Thanh	Mai	1055	Nữ	6	6	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						33/60	19/30	77.5/100			
1055	Trần Nam Duy	Minh	1056	Nam	17	7	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS TP. Hồ Chí Minh				41/60	20/30	54.5/100	2.5		
1056	Nguyễn Thị Hoàng	My	1057	Nữ	21	12	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh				31/60	24/30	77/100			
1057	Trần Phương Thảo	My	1058	Nữ	7	12	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp				24/60	12/30	0/100			
1058	Hoàng Lê Tuyết	Mỹ	1059	Nữ	04	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đắk Lắk				29/60	15/30	0/100			
1059	Dương Nguyên Hải	Nam	1060	Nam	08	02	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Khánh Hòa				33/60	14/30	0/100			
1060	Hoàng Hoài	Nam	1061	Nam	24	9	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh				23/60	0/30	0/100			
1061	Trần Thanh	Nam	1062	Nam	19	5	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						48/60	15/30	70/100			
1062	Sầm Thị Thanh	Nga	1063	Nữ	8	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						46/60	10/30	0/100	5		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghệ vụ chuyên ngành		
1063	Đỗ Nguyễn Thảo	Ngân	1064	Nữ	18	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS TP. Hồ Chí Minh				25/60	0/30	0/100		
1064	Lê Đỗ Quỳnh	Ngân	1065	Nữ	22	12	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai				52/60	15/30	53/100		
1065	K' Bia Rai K'	Nghị	1066	Nữ	10	01	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						42/60	12/30	0/100	5	
1066	Lê Hồng	Ngọc	1067	Nữ	6	3	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						49/60	27/30	84/100		
1067	Lê Thị Ánh	Nguyệt	1068	Nữ	10	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						34/60	19/30	54/100		
1068	Nguyễn Lê Trang	Nhã	1069	Nữ	23	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh					48/60	18/30	93/100		
1069	Lê Thanh	Nhân	1070	Nữ	23	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đắk Lắk					41/60	16/30	69.5/100		
1070	Võ Duy	Nhân	1071	Nam	21	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						24/60	8/30	0/100		
1071	Trần Hà	Nhi	1072	Nữ	22	8	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh					42/60	21/30	66.5/100		
1072	Trần Lê Kiều Yến	Nhi	1073	Nữ	10	7	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Hà Nội				26/60	18/30	0/100		
1073	Võ Thị Kiều	Nhi	1074	Nữ	09	01	2004	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						29/60	12/30	0/100		
1074	Nguyễn Quỳnh	Như	1075	Nữ	27	8	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh				32/60	12/30	0/100		
1075	Lê Thị Hồng	Nhung	1076	Nữ	14	5	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đắk Lắk					28/60	16/30	0/100		
1076	Lê Văn	Nữ	1077	Nam	29	12	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						40/60	14/30	0/100		
1077	Nguyễn Trần Như	Phúc	1078	Nữ	7	3	2004	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Ninh Thuận				39/60	27/30	83.5/100		
1078	Trương Quang	Phúc	1079	Nam	18	02	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						40/60	20/30	66.5/100		
1079	Nguyễn Thuận	Phước	1080	Nam	27	4	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Khánh Hòa				40/60	20/30	85/100	2.5	
1080	Phạm Thị Định	Phước	1081	Nữ	28	8	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh				43/60	16/30	82/100		
1081	Phạm Nguyễn Yến	Phương	1082	Nữ	08	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						38/60	18/30	78/100		
1082	Trần Thị Mỹ	Phương	1083	Nữ	16	11	1983	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						31/60	8/30	0/100		
1083	Nguyễn Bá	Quân	1084	Nam	29	6	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh					29/60	13/30	0/100	5	
1084	Huỳnh Nguyễn Thích Trí	Quang	1085	Nam	21	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						44/60	17/30	75.5/100		
1085	Mai Văn	Quảng	1086	Nam	4	10	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Khánh Hòa				46/60	25/30	84.5/100	5	
1086	Nguyễn Thị Thuần	Quyên	1087	Nữ	28	11	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Khánh Hòa				36/60	20/30	54/100	5	

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
1087	Phù Trúc	Quỳnh	1088	Nữ	28	7	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai				26/60	17/30	0/100		
1088	Huỳnh Tấn	Son	1089	Nam	10	3	1985	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						27/60	0/30	0/100		
1089	Dương Thị Thanh	Tâm	1090	Nữ	6	5	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						35/60	24/30	82.5/100		
1090	Lê Thị Minh	Tâm	1091	Nữ	01	01	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai				31/60	13/30	0/100		
1091	Phạm Thị Minh	Tâm	1092	Nữ	23	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						43/60	28/30	65.5/100		
1092	Phạm Hoàng	Tân	1093	Nam	26	6	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						49/60	18/30	84.5/100		
1093	Tôn Thiện	Thái	1094	Nam	25	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đồng Nai					36/60	22/30	72/100		
1094	Lê Quang	Thắng	1095	Nam	28	05	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						37/60	18/30	83/100		
1095	Lư Văn	Thành	1096	Nam	20	3	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						43/60	13/30	0/100	5	
1096	Nguyễn Thị Xuân	Thảo	1097	Nữ	23	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						29/60	7/30	0/100		
1097	Nhữ Thị Phương	Thảo	1098	Nữ	1	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						34/60	13/30	0/100		
1098	Trần Thị	Thảo	1099	Nữ	13	11	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh				37/60	17/30	79.5/100		
1099	Nguyễn Minh	Thị	1100	Nam	9	12	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh				19/60	10/30	0/100		
1100	Bình Nguyễn Kim	Thiên	1101	Nữ	10	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS TP. Hồ Chí Minh				37/60	18/30	45/100	5	
1101	Nguyễn Thị Ngọc	Thịnh	1102	Nữ	21	2	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						33/60	10/30	0/100		
1102	Lương Thị Hà	Thu	1103	Nữ	20	3	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đắk Lắk					33/60	14/30	0/100	5	
1103	Nông Thị Bích	Thu	1104	Nữ	22	10	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS TP. Hồ Chí Minh				41/60	10/30	0/100	5	
1104	Nguyễn Phan Hoàng	Thư	1105	Nữ	26	9	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS TP. Hồ Chí Minh				25/60	0/30	0/100		
1105	Trần Phạm Toàn	Thư	1106	Nữ	12	02	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Khánh Hòa					46/60	20/30	78.5/100		
1106	Hóa Anh	Thứ	1107	Nữ	13	9	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh					38/60	22/30	88.5/100		
1107	Bùi Thiện	Thuận	1108	Nam	24	2	1987	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						33/60	14/30	0/100		
1108	Văn Thị Hoài	Thương	1109	Nữ	17	8	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh					44/60	27/30	94.5/100		
1109	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	1110	Nữ	25	9	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai				33/60	11/30	0/100	5	
1110	Nguyễn Thị Kim	Thùy	1111	Nữ	10	1	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đắk Lắk					30/60	20/30	68/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghệ vụ chuyên ngành		
1111	Hồ Thủy	Tiên	1112	Nữ	17	10	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh					44/60	23/30	79/100		
1112	Nguyễn Thị Thanh	Tiền	1113	Nữ	27	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						41/60	21/30	77.5/100		
1113	Tạ Văn	Tin	1114	Nam	20	8	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Khánh Hòa				30/60	7/30	0/100	5	
1114	Ngô Minh	Tính	1115	Nam	14	9	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						30/60	14/30	0/100		
1115	Kiểu Thanh	Toàn	1116	Nam	02	10	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						34/60	10/30	0/100		
1116	Thanh Nữ Thủy	Trâm	1117	Nữ	10	8	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						30/60	10/30	0/100	5	
1117	Kinh Lượng Bảo	Trần	1118	Nữ	21	7	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh					34/60	17/30	83.5/100	5	
1118	Lâm Thụy Khánh	Trần	1119	Nữ	14	8	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Khánh Hòa				35/60	10/30	0/100		
1119	Nguyễn Thị Hồng	Trang	1120	Nữ	24	01	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						35/60	22/30	69.5/100		
1120	Nguyễn Thị Kiều	Trang	1121	Nữ	02	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Khánh Hòa				23/60	0/30	0/100		
1121	Nguyễn Thục	Trang	1122	Nữ	2	9	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						36/60	21/30	55/100		
1122	Phạm Thị Thùy	Trang	1123	Nữ	13	9	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS TP. Hồ Chí Minh				0/60	0/30	0/100		
1123	Vũ Thị	Trang	1124	Nữ	25	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						29/60	0/30	0/100		
1124	Huỳnh Thị Mai	Trình	1125	Nữ	25	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						18/60	0/30	0/100	5	
1125	Nguyễn Thị Mai	Trúc	1126	Nữ	21	1	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						42/60	25/30	75/100		
1126	Phạm Thị Tú	Trúc	1127	Nữ	5	9	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						20/60	0/30	0/100		
1127	Trương Lê Thanh	Tuấn	1128	Nam	22	8	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						36/60	17/30	68/100	5	
1128	Nguyễn Nhật Duy	Tùng	1129	Nam	05	3	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Đồng Nai	Có 10 nguyên vọng	31/60	8/30	0/100		
1129	Nguyễn An	Tường	1130	Nữ	20	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						46/60	27/30	94.5/100		
1130	Hoàng Nguyễn Thanh	Uyên	1131	Nữ	11	12	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đồng Nai					42/60	26/30	74.5/100		
1131	Trần Thảo	Uyên	1132	Nữ	3	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai				39/60	22/30	80/100		
1132	Bùi Tiến	Vinh	1133	Nam	01	7	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						27/60	0/30	0/100		
1133	Nguyễn Xuân	Vinh	1134	Nam	6	7	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Đà Nẵng	THADS TP. Hồ Chí Minh				50/60	15/30	75.5/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
1134	Dương Nguyễn Tường	Vũ	1135	Nữ	21	8	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						28/60	0/30	0/100		
1135	Phạm Phi	Vũ	1136	Nam	27	12	1985	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai				0/60	0/30	0/100	5	
1136	Bùi Thị Hạ	Vy	1137	Nữ	11	2	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						37/60	15/30	69/100		
1137	Lê Trần Khánh	Vy	1138	Nữ	08	02	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						43/60	26/30	84.5/100		
1138	Nguyễn Hoàng Uyên	Vy	1139	Nữ	31	5	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						47/60	21/30	77/100		
1139	Nguyễn Trần Hà	Vy	1140	Nữ	09	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						48/60	24/30	75/100		
1140	Mai Thị Xuân	Xương	1141	Nữ	09	02	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						32/60	10/30	0/100	5	
1141	La Thị Hoài	Xuyên	1142	Nữ	13	8	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						35/60	16/30	78.5/100	5	
1142	Đỗ Diệu	Ý	1143	Nữ	29	9	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Nai				50/60	11/30	0/100		
1143	Huỳnh Ngọc	Yên	1144	Nam	01	8	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Lâm Đồng						21/60	0/30	0/100		
1144	Từ Thị	Huệ	1145	Nữ	19	03	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Nghệ An	THADS TP. Hồ Chí Minh					36/60	10/30	0/100		
1145	Nguyễn Hoàng	Án	1146	Nam	21	9	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Quảng Ngãi	THADS TP. Đà Nẵng	THADS TP. Hồ Chí Minh				35/60	9/30	0/100	2.5	
1146	Nguyễn Quốc	Bảo	1147	Nam	10	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Quảng Ngãi	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Đà Nẵng				30/60	13/30	0/100		
1147	Đỗ Thị	Điểm	1148	Nữ	3	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Quảng Ngãi	THADS TP. Đà Nẵng	THADS TP. Hồ Chí Minh				35/60	15/30	57/100		
1148	Trần Thị Thanh	Diệu	1149	Nữ	15	12	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Quảng Ngãi	THADS tỉnh Gia Lai					29/60	0/30	0/100		
1149	Thái Tấn	Đức	1150	Nam	16	4	1990	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Quảng Ngãi	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS TP. Đà Nẵng			32/60	11/30	0/100		
1150	Phạm Vũ	Duy	1151	Nam	28	01	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Quảng Ngãi	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Đà Nẵng				33/60	17/30	59/100		
1151	Lương Công	Hạnh	1152	Nam	26	6	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Quảng Ngãi						43/60	25/30	83.5/100		
1152	Đinh Long	Hiệp	1153	Nam	24	8	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Quảng Ngãi	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk				36/60	18/30	73.5/100	5	
1153	Đinh Thị	Hồng	1154	Nữ	26	3	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Quảng Ngãi	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Gia Lai				22/60	0/30	0/100	5	
1154	Nguyễn Thị Lan	Hương	1155	Nữ	19	2	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Quảng Ngãi	THADS tỉnh Gia Lai					46/60	14/30	0/100		
1155	Lưu Anh	Khang	1156	Nam	10	1	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Quảng Ngãi	THADS TP. Đà Nẵng	THADS TP. Hồ Chí Minh				38/60	23/30	75.5/100		
1156	Lê Nguyễn Thanh	Kiều	1157	Nữ	6	1	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Quảng Ngãi	THADS TP. Hồ Chí Minh					40/60	23/30	65.5/100		
1157	Huỳnh Quốc	Long	1158	Nam	02	11	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Quảng Ngãi						34/60	16/30	64.5/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghệ vụ chuyên ngành		
1158	Võ Thị	Mỹ	1159	Nữ	17	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Quảng Ngãi	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Hồ Chí Minh				52/60	21/30	86/100		
1159	Vương Quốc	Nhật	1160	Nam	15	4	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Quảng Ngãi	THADS TP. Đà Nẵng					42/60	22/30	85/100		
1160	Phạm Y Kim	Oanh	1161	Nữ	20	3	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Quảng Ngãi						42/60	13/30	0/100	5	
1161	Mai Nguyên	Phát	1162	Nam	10	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Quảng Ngãi	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Gia Lai				52/60	25/30	86/100		
1162	Bùi Thị Thu	Phương	1163	Nữ	10	2	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Quảng Ngãi	THADS TP. Đà Nẵng					42/60	21/30	83.5/100		
1163	Hồ Thị Bích	Phương	1164	Nữ	10	5	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Quảng Ngãi						41/60	29/30	61.5/100		
1164	Thiều Thị Minh	Quỳnh	1165	Nữ	26	7	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Quảng Ngãi	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Đà Nẵng				28/60	14/30	0/100		
1165	Nguyễn Thị Tuyết	Sương	1166	Nữ	10	11	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Quảng Ngãi	THADS TP. Đà Nẵng					51/60	19/30	85.5/100		
1166	Nguyễn Văn	Tân	1167	Nam	3	8	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Quảng Ngãi						31/60	21/30	69.5/100		
1167	Võ Văn Sơn	Thất	1168	Nam	1	1	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Quảng Ngãi						30/60	14/30	0/100		
1168	Nguyễn Văn	Thiệu	1169	Nam	26	1	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Quảng Ngãi	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Đồng Nai				35/60	15/30	76/100		
1169	Lê Hạ Phương	Uyển	1170	Nữ	10	6	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Quảng Ngãi	THADS TP. Đà Nẵng	THADS TP. Hồ Chí Minh				51/60	23/30	73.5/100		
1170	Đỗ Hoàng	Vinh	1171	Nam	16	10	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Quảng Ngãi	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Gia Lai				41/60	22/30	63.5/100		
1171	Trần Thị Bảo	Yến	1172	Nữ	12	7	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Quảng Ngãi	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Hồ Chí Minh				41/60	14/30	0/100		
1172	Nguyễn Hoàng Phương	Nam	1173	Nam	15	10	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						45/60	16/30	86.5/100		
1173	Trần Nguyễn Tuấn	Ngọc	1174	Nam	23	3	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ	Có 08 nguyện vọng	37/60	12/30	0/100		
1174	Huỳnh Lê Yến	Nhi	1175	Nữ	8	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						38/60	23/30	82.5/100		
1175	Lê Thị Tuyết	Nhi	1176	Nữ	9	10	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp				41/60	16/30	93/100		
1176	Đỗ Thành	Phát	1177	Nam	2	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh					30/60	14/30	0/100		
1177	Trần Nguyễn Thanh	Thuận	1178	Nữ	4	8	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh				49/60	20/30	87/100		
1178	Nguyễn Thị Tường	Vy	1179	Nữ	7	3	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh					39/60	17/30	89/100		
1179	Nguyễn Thị Ngọc	Xuyến	1180	Nữ	5	1	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp					35/60	9/30	0/100		
1180	Bùi Khánh	An	1181	Nữ	5	7	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp					36/60	20/30	81.5/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
1181	Đặng Tấn Quốc	An	1182	Nam	28	01	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Vĩnh Long				37/60	19/30	61.5/100		
1182	Nguyễn Phú	An	1183	Nam	29	5	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh				46/60	26/30	83.5/100		
1183	Nguyễn Thụy Thúy	An	1184	Nữ	3	9	1987	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh					29/60	6/30	0/100		
1184	Trần Cẩm	An	1185	Nữ	15	10	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai				24/60	11/30	0/100		
1185	Trương Công	An	1186	Nam	28	7	1990	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						27/60	6/30	0/100		
1186	Đào Lưu Thị Mỹ	Anh	1187	Nữ	21	03	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai				51/60	16/30	82/100		
1187	Đinh Nhật Quỳnh	Anh	1188	Nữ	9	9	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						45/60	16/30	65.5/100		
1188	Lê Nguyễn Phương	Anh	1189	Nữ	2	10	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						47/60	23/30	61/100		
1189	Lê Thị Quế	Anh	1190	Nữ	22	06	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						28/60	0/30	0/100		
1190	Nguyễn Tiến	Anh	1191	Nam	14	10	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh					29/60	0/30	0/100		
1191	Võ Thị Kim	Anh	1192	Nữ	21	04	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						24/60	0/30	0/100		
1192	Huỳnh Văn	Bình	1193	Nam	30	7	1988	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						31/60	22/30	66/100		
1193	Nguyễn Trọng	Bình	1194	Nam	22	12	1990	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						0/60	0/30	0/100		
1194	Chu Văn	Bột	1195	Nam	17	9	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						0/60	0/30	0/100		
1195	Nguyễn Hồng	Cường	1196	Nam	2	1	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp					31/60	9/30	0/100		
1196	Hà Hải	Đăng	1197	Nam	09	06	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						45/60	16/30	76/100		
1197	Phạm Công	Danh	1198	Nam	21	12	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh					41/60	14/30	0/100		
1198	Nguyễn Tấn	Đạt	1199	Nam	25	8	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp					27/60	0/30	0/100	2.5	
1199	Nguyễn Tấn Quốc	Đạt	1200	Nam	13	4	1987	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long				34/60	15/30	82/100		
1200	Lâm Nguyễn Thùy	Dung	1201	Nữ	08	11	1988	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						30/60	14/30	0/100		
1201	Lê Văn	Được	1202	Nam	24	1	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp					23/60	0/30	0/100		
1202	Lê Minh	Duy	1203	Nam	31	5	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh					37/60	12/30	0/100		
1203	Nguyễn Anh	Duy	1204	Nam	30	4	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						49/60	25/30	91.5/100		
1204	Nguyễn Hùng	Duy	1205	Nam	29	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai				42/60	26/30	92/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển							Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành			
1205	Nguyễn Quỳnh	Giang	1206	Nữ	19	02	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh An Giang	Có 07 nguyện vọng	41/60	20/30	85/100			
1206	Nguyễn Thái Vũ Trường	Giang	1207	Nam	16	8	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						27/60	11/30	0/100			
1207	Huỳnh Thị Tuyết	Giao	1208	Nữ	24	9	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp					28/60	0/30	0/100			
1208	Đoàn Văn	Giàu	1209	Nam	21	7	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						45/60	12/30	0/100	2.5		
1209	Bùi Thị Thúy	Hằng	1210	Nữ	17	07	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Vĩnh Long				0/60	0/30	0/100	5		
1210	Lê Thị Hồng	Hạnh	1211	Nữ	7	3	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						32/60	16/30	70.5/100			
1211	Phan Ngọc Thiên	Hào	1212	Nam	4	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						38/60	13/30	0/100			
1212	Nguyễn Thị Như	Hào	1213	Nữ	13	8	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp				28/60	18/30	0/100			
1213	Nguyễn Văn	Hiên	1214	Nam	01	10	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai				24/60	7/30	0/100	2.5		
1214	Nguyễn Thị	Hiền	1215	Nữ	26	3	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						48/60	19/30	86.5/100			
1215	Trần Thị Thu	Hiền	1216	Nữ	22	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh					35/60	23/30	74/100			
1216	Huỳnh Minh	Hiếu	1217	Nữ	17	07	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						34/60	9/30	0/100			
1217	Lạc Thái	Hiếu	1218	Nam	16	1	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh					27/60	17/30	0/100			
1218	Trần Trung	Hiếu	1219	Nam	12	5	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai				32/60	10/30	0/100			
1219	Nguyễn Minh	Hiếu	1220	Nam	15	12	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						32/60	15/30	75/100	2.5		
1220	Trần Thái	Học	1221	Nam	23	12	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						39/60	19/30	82/100			
1221	Phạm Võ Đăng	Huân	1222	Nam	6	7	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						32/60	13/30	0/100			
1222	Đặng Thị Xuân	Hương	1223	Nữ	25	10	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh					36/60	17/30	58/100			
1223	Hồ Thị Liên	Hương	1224	Nữ	03	02	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Hồ Chí Minh				20/60	0/30	0/100			
1224	Bùi Nguyễn Đức	Huy	1225	Nam	29	8	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp					42/60	25/30	80.5/100			
1225	Nguyễn Chấn	Huy	1226	Nam	8	4	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Vĩnh Long				44/60	25/30	71.5/100			
1226	Nguyễn Khánh	Huy	1227	Nữ	08	09	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						50/60	28/30	97.5/100			
1227	Lê Như	Huỳnh	1228	Nữ	26	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS Tỉnh Tây Ninh						52/60	22/30	88.5/100			

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghệ vụ chuyên ngành		
1228	Nguyễn Quốc	Khánh	1229	Nam	10	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp				30/60	19/30	60.5/100		
1229	Huỳnh Văn	Khén	1230	Nam	20	1	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						35/60	13/30	0/100		
1230	Nguyễn Đăng	Khoa	1231	Nam	14	5	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp				44/60	16/30	87/100		
1231	Nguyễn Lê Đăng	Khoa	1232	Nam	3	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						37/60	19/30	66.5/100		
1232	Phan Thị Thúy	Kiều	1233	Nữ	10	09	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						33/60	14/30	0/100		
1233	Nguyễn Xuân	Lâm	1234	Nam	1	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long				34/60	15/30	67.5/100		
1234	Võ Thị Kiều	Lan	1235	Nữ	7	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh					34/60	15/30	89/100		
1235	Nguyễn Thanh	Liêm	1236	Nam	19	5	1984	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh					43/60	9/30	0/100		
1236	Lê Thanh Phương	Linh	1237	Nữ	23	06	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						34/60	27/30	64.5/100		
1237	Nguyễn Lê Mộng	Linh	1238	Nữ	1	9	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						53/60	25/30	84.5/100		
1238	Phan Thị Trúc	Linh	1239	Nữ	12	4	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						44/60	15/30	70/100		
1239	Trần Nguyễn Vũ	Linh	1240	Nam	11	9	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						32/60	13/30	0/100	2.5	
1240	Huỳnh Tấn	Lộc	1241	Nam	20	01	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh					35/60	15/30	73/100	2.5	
1241	Đinh Hải	Long	1242	Nam	10	3	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp					37/60	15/30	86.5/100	2.5	
1242	Trần Đức	Long	1243	Nam	29	12	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						43/60	14/30	0/100		
1243	Huỳnh Thị Tường	Ly	1244	Nữ	12	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ	Có 10 nguyên vọng	49/60	22/30	90/100		
1244	Lê	Minh	1245	Nam	7	11	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						41/60	19/30	87.5/100		
1245	Huỳnh Hoàng Tiểu	My	1246	Nữ	09	12	1990	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh					33/60	9/30	0/100		
1246	Nguyễn Ngọc Trà	My	1247	Nữ	31	7	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						30/60	9/30	0/100		
1247	Nguyễn Hoài	Nam	1248	Nam	29	5	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp					24/60	0/30	0/100	2.5	
1248	Bùi Thị Thanh	Ngân	1249	Nữ	11	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp				49/60	23/30	82/100		
1249	Đặng Thị Cẩm	Ngân	1250	Nữ	23	2	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						41/60	25/30	84.5/100		
1250	Huỳnh Ngọc	Ngân	1251	Nữ	2	7	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						31/60	15/30	55.5/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
1251	Lê Đỗ Kim	Ngân	1252	Nữ	28	08	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh					24/60	25/30	0/100		
1252	Nguyễn Thanh	Ngân	1253	Nữ	26	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Vĩnh Long				32/60	14/30	0/100		
1253	Nguyễn Thị Kim	Ngân	1254	Nữ	28	04	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						27/60	0/30	0/100		
1254	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	1255	Nữ	15	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai				49/60	20/30	87.5/100		
1255	Phan Châu	Ngọc	1256	Nữ	27	03	1990	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						26/60	13/30	0/100		
1256	Trương Minh	Ngọc	1257	Nam	28	8	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS Tỉnh Tây Ninh						30/60	22/30	69.5/100		
1257	Nguyễn Thanh	Nguyễn	1258	Nữ	27	11	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp				23/60	12/30	0/100		
1258	Võ Văn Khôi	Nguyễn	1259	Nam	25	10	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long				37/60	18/30	74/100		
1259	Bùi Thanh	Nhân	1260	Nam	30	9	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						34/60	14/30	0/100		
1260	Biện Thành	Nhân	1261	Nam	16	6	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS Tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp				35/60	11/30	0/100		
1261	Nguyễn Trần Trọng	Nhân	1262	Nam	06	04	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh An Giang				26/60	0/30	0/100		
1262	Nguyễn Trần Trọng	Nhân	1263	Nam	2	11	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp				30/60	13/30	0/100		
1263	Dương Thị Tuyết	Nhi	1264	Nữ	3	2	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						40/60	17/30	86.5/100		
1264	Lê Nguyễn Yến	Nhi	1265	Nữ	08	10	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp				39/60	21/30	83/100		
1265	Phạm Thị Hồng	Nhi	1266	Nữ	03	09	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						33/60	13/30	0/100		
1266	Phan Thảo	Nhi	1267	Nữ	29	9	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai				23/60	11/30	0/100		
1267	Lê Minh	Nhi	1268	Nam	4	11	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						25/60	0/30	0/100		
1268	Lâm Bích	Như	1269	Nữ	17	4	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						30/60	15/30	50.5/100		
1269	Lê Thị Minh	Như	1270	Nữ	20	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp				51/60	21/30	77.5/100		
1270	Nguyễn Thị Huỷnh	Như	1271	Nữ	22	08	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						41/60	21/30	89/100		
1271	Võ Quỳnh	Như	1272	Nữ	1	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						49/60	17/30	90/100		
1272	Nguyễn Hồng	Nhung	1273	Nữ	14	02	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						34/60	14/30	0/100		
1273	Lê Quốc	Nhật	1274	Nam	10	01	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						33/60	14/30	0/100		
1274	Nguyễn Ngọc Kiều	Oanh	1275	Nữ	18	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						30/60	20/30	60.5/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
1275	Lê Việt	Phát	1276	Nam	27	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						27/60	0/30	0/100		
1276	Mai Hoàng Lâm	Phát	1277	Nam	6	8	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Gia Lai					45/60	12/30	0/100		
1277	Phạm Ngọc	Phát	1278	Nam	21	08	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						32/60	14/30	0/100		
1278	Dương Hoài	Phúc	1279	Nam	11	1	1983	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp					40/60	13/30	0/100	2.5	
1279	Hồ Duy	Phúc	1280	Nam	29	02	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai				43/60	16/30	73/100		
1280	Nguyễn Thị Y	Phụng	1281	Nữ	04	01	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						36/60	21/30	85.5/100		
1281	Hồ Thị Thảo	Phương	1282	Nữ	12	1	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						41/60	20/30	79/100		
1282	Lê Minh	Phương	1283	Nữ	27	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp				42/60	20/30	88.5/100	5	
1283	Nguyễn Nguyễn	Phương	1284	Nữ	13	6	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						39/60	27/30	80/100		
1284	Phạm Thị Mai	Phương	1285	Nữ	20	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						45/60	24/30	87/100		
1285	Đặng Hữu	Quan	1286	Nam	15	8	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ			42/60	11/30	0/100		
1286	Trần Thị Tú	Quyên	1287	Nữ	26	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ				36/60	14/30	0/100		
1287	Đặng Thị	Rốp	1288	Nữ	05	06	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						35/60	15/30	52/100		
1288	Võ Tiến	Sang	1289	Nam	11	1	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long				46/60	19/30	90/100	5	
1289	Lữ Yên	Son	1290	Nam	6	12	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp				42/60	15/30	94/100	2.5	
1290	Đỗ Cao	Tài	1291	Nam	28	5	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh					34/60	17/30	82/100		
1291	Nguyễn Phát	Tài	1292	Nam	06	02	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp				35/60	15/30	76.5/100		
1292	Võ Phước	Tài	1293	Nam	25	8	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						29/60	13/30	0/100		
1293	Lê Chí	Tâm	1294	Nam	11	6	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh					25/60	14/30	0/100		
1294	Nguyễn Minh	Tâm	1295	Nam	28	03	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh					44/60	13/30	0/100		
1295	Nguyễn Duy	Tân	1296	Nam	30	3	1990	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh					39/60	14/30	0/100		
1296	Nguyễn Hoàng	Tân	1297	Nam	22	1	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						44/60	10/30	0/100		
1297	Nguyễn Hoàng	Tân	1298	Nam	11	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh					35/60	12/30	0/100		
1298	Nguyễn Thị	Thắm	1299	Nữ	16	07	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh					36/60	17/30	82.5/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển							Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành			
1299	Ngô Thị Mai	Thanh	1300	Nữ	05	07	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						29/60	15/30	0/100			
1300	Trần Nhật	Thanh	1301	Nam	14	5	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						35/60	8/30	0/100	2.5		
1301	Hoàng Đăng	Thành	1302	Nam	4	11	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long				39/60	8/30	0/100	2.5		
1302	Danh	Thảo	1303	Nam	9	10	1986	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						0/60	0/30	0/100	5		
1303	Trần Nguyễn Thanh	Thảo	1304	Nữ	4	8	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh				50/60	19/30	89.5/100			
1304	Trần Thị Thanh	Thảo	1305	Nữ	21	1	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp				38/60	11/30	0/100			
1305	Võ Thu	Thảo	1306	Nữ	26	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long		25/60	11/30	0/100			
1306	Nguyễn Phương	Thị	1307	Nữ	8	3	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh					40/60	12/30	0/100			
1307	Nguyễn Hữu	Thịnh	1308	Nam	8	12	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						32/60	13/30	0/100			
1308	Nguyễn Huy	Thọ	1309	Nam	24	10	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh					29/60	0/30	0/100			
1309	Ngô Thị Kim	Thoa	1310	Nữ	8	1	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh					30/60	12/30	0/100			
1310	Nguyễn Lê Anh	Thoại	1311	Nam	25	11	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Cà Mau	Có 06 nguyện vọng	35/60	11/30	0/100			
1311	Đặng Lê Anh	Thư	1312	Nữ	31	07	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long				37/60	28/30	59/100			
1312	Nguyễn Anh	Thư	1313	Nữ	9	5	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						36/60	14/30	0/100			
1313	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	1314	Nữ	7	1	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						36/60	17/30	71.5/100			
1314	Nguyễn Thị Minh	Thư	1315	Nữ	29	01	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh				27/60	16/30	0/100			
1315	Võ Anh	Thư	1316	Nữ	18	03	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh					37/60	20/30	72.5/100			
1316	Võ Thị Tâm	Thư	1317	Nữ	06	05	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						37/60	19/30	67/100			
1317	Thành Thanh	Thương	1318	Nữ	19	07	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh					31/60	20/30	63.5/100	5		
1318	Nguyễn Thị Kim	Thùy	1319	Nữ	04	07	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh					36/60	21/30	79/100			
1319	Nguyễn Trường Ái	Thùy	1320	Nữ	29	08	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						23/60	24/30	0/100			
1320	Nguyễn Thùy	Tiên	1321	Nữ	10	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						20/60	0/30	0/100			
1321	Phan Lê Thùy	Tiên	1322	Nữ	4	12	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long				32/60	13/30	0/100			

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển							Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành			
1322	Võ Thị Mỹ	Tiên	1323	Nữ	2	6	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp					26/60	12/30	0/100			
1323	Trương Văn	Tiến	1324	Nam	29	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Nai				35/60	14/30	0/100			
1324	Phạm Sơn	Toàn	1325	Nam	18	12	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						27/60	7/30	0/100			
1325	Phạm Thanh	Toàn	1326	Nam	22	6	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long				36/60	13/30	0/100			
1326	Nguyễn Phạm Ngọc Phương	Trâm	1327	Nữ	01	12	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp					39/60	18/30	84.5/100			
1327	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	1328	Nữ	14	2	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp					29/60	21/30	0/100			
1328	Phan Thị Bích	Trâm	1329	Nữ	27	9	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai				36/60	22/30	83.5/100			
1329	Bùi Ngọc Huyền	Trân	1330	Nữ	15	02	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh					44/60	21/30	87.5/100			
1330	Đỗ Thị Huyền	Trân	1331	Nữ	11	12	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp					37/60	15/30	54/100			
1331	Bùi Thị Huyền	Trang	1332	Nữ	23	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						31/60	23/30	76.5/100			
1332	Phạm Vũ Hồng	Trang	1333	Nữ	02	04	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh					40/60	12/30	0/100			
1333	Cao Minh	Trí	1334	Nam	22	3	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh				29/60	0/30	0/100			
1334	Hoàng Lương Huyền	Trình	1335	Nữ	18	6	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Vĩnh Long		41/60	13/30	0/100			
1335	Lê Thị Diễm	Trình	1336	Nữ	6	6	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh				51/60	15/30	79.5/100			
1336	Phùng Mỹ	Trình	1337	Nữ	8	4	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp					27/60	13/30	0/100			
1337	Nguyễn Thị	Tròn	1338	Nữ	2	12	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						29/60	18/30	0/100			
1338	Trần Minh	Trung	1339	Nam	12	11	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						28/60	0/30	0/100			
1339	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	1340	Nữ	15	01	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Đồng Tháp				26/60	0/30	0/100			
1340	Nguyễn Văn	Tú	1341	Nam	7	9	1980	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						33/60	10/30	0/100	5		
1341	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	1342	Nữ	1	6	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						42/60	22/30	59.5/100			
1342	Phan Ngọc	Tuyền	1343	Nữ	15	6	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long				40/60	10/30	0/100	5		
1343	Huỳnh Mai Phương	Uyển	1344	Nữ	02	08	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp					32/60	20/30	74/100			
1344	Nguyễn Ngọc Phương	Uyển	1345	Nữ	5	9	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ				45/60	23/30	80.5/100			
1345	Đặng Trần	Vĩ	1346	Nam	8	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						41/60	21/30	78/100			

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
1346	Đặng Hoàng	Vinh	1347	Nam	03	7	'1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						0/60	0/30	0/100	2.5	
1347	Phạm Hoàng	Vinh	1348	Nam	02	09	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh						34/60	16/30	81/100		
1348	Biện Tiểu	Vy	1349	Nữ	19	10	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh					38/60	28/30	67.5/100		
1349	Trần Thúy	Vy	1350	Nữ	5	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh				36/60	16/30	77/100		
1350	Nguyễn Lê Thanh	Xuân	1351	Nữ	5	12	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp					38/60	24/30	78.5/100		
1351	Nguyễn Thị Hồng	Yến	1352	Nữ	8	2	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh					27/60	10/30	0/100		
1352	Mạch Thị Thúy	Ái	1353	Nữ	20	12	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau				37/60	13/30	0/100		
1353	Lê Hoàng Thiên	An	1354	Nữ	2	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				55/60	21/30	90.5/100	5	
1354	Lê Khánh	An	1355	Nam	19	5	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						33/60	15/30	63.5/100		
1355	Nguyễn Thị Thúy	An	1356	Nữ	25	8	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh				40/60	12/30	0/100		
1356	Son Thị Thúy	An	1357	Nữ	11	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						37/60	15/30	59.5/100	5	
1357	Trương Thị Thúy	An	1358	Nữ	04	9	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						19/60	0/30	0/100		
1358	Lâm Tuấn	Anh	1359	Nam	06	02	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						51/60	20/30	78.5/100		
1359	Mai Diệp	Anh	1360	Nữ	12	8	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Cần Thơ	Có 12 nguyện vọng	45/60	20/30	73.5/100	5	
1360	Nguyễn Thị Vân	Anh	1361	Nữ	5	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						30/60	10/30	0/100		
1361	Trương Nguyễn Trâm	Anh	1362	Nữ	20	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						0/60	0/30	0/100		
1362	Vương Hồng	Anh	1363	Nữ	24	02	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Cần Thơ				37/60	17/30	64/100		
1363	Lê Quốc	Bảo	1364	Nam	16	01	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						27/60	15/30	0/100		
1364	Kim Thanh	Bình	1365	Nam	26	6	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						40/60	14/30	0/100	5	
1365	Nguyễn Phương Trúc	Bình	1366	Nam	20	11	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						46/60	16/30	75/100		
1366	Lê Việt	Chân	1367	Nữ	14	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang				52/60	24/30	96/100		
1367	Dương Văn	Chiến	1368	Nam	11	11	1990	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						22/60	10/30	0/100		
1368	Phạm Kim	Cương	1369	Nữ	26	8	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ				29/60	10/30	0/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
1369	Lâm Quốc	Cường	1370	Nam	09	4	1987	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				38/60	7/30	0/100	5	
1370	Thạch Thị Sô Ry	Da	1371	Nữ	16	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						27/60	13/30	0/100	5	
1371	Danh Hoàng	Đậm	1372	Nam	26	12	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh An Giang				33/60	7/30	0/100	5	
1372	Phạm Đông	Đang	1373	Nam	27	1	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau				0/60	0/30	0/100		
1373	Phạm Minh Nhựt	Đăng	1374	Nam	06	3	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				31/60	13/30	0/100		
1374	Phan Thành	Danh	1375	Nam	29	6	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						39/60	15/30	89/100	2.5	
1375	Lý Thị Kim	Đào	1376	Nữ	05	7	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp				42/60	18/30	73.5/100		
1376	Trần Giang	Điện	1377	Nam	15	5	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						39/60	16/30	80/100		
1377	Phan Thị Thanh	Diệu	1378	Nữ	27	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh		31/60	18/30	43/100		
1378	Lâm Thành	Được	1379	Nam	07	6	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ					22/60	14/30	0/100	5	
1379	Trần Huỳnh Thành	Được	1380	Nam	06	8	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						32/60	11/30	0/100		
1380	Trần Văn	Dưỡng	1381	Nam	01	01	1983	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				25/60	8/30	0/100		
1381	Hà Nhựt	Duy	1382	Nam	06	02	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ				0/60	0/30	0/100		
1382	Ma Thanh	Duy	1383	Nam	08	01	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ				32/60	9/30	0/100		
1383	Nguyễn Hữu	Duy	1384	Nam	15	8	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp				38/60	16/30	71.5/100		
1384	Nguyễn Thị Ánh	Duyên	1385	Nữ	24	3	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				50/60	14/30	0/100		
1385	Nguyễn Thị Thùy	Duyên	1386	Nữ	26	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						43/60	12/30	0/100		
1386	Đặng Quỳnh	Giao	1387	Nữ	12	1	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ				34/60	15/30	52/100		
1387	Đặng Ngọc	Giàu	1388	Nữ	22	9	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp				33/60	12/30	0/100		
1388	Nguyễn Văn	Hải	1389	Nam	16	8	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						34/60	13/30	0/100		
1389	Đoàn Ngọc	Hân	1390	Nữ	29	9	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp					28/60	12/30	0/100		
1390	Huỳnh Thị Hồng	Hân	1391	Nữ	15	8	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh An Giang		29/60	13/30	0/100		
1391	Kim Thị Ngọc	Hân	1392	Nữ	17	9	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						27/60	12/30	0/100	5	
1392	Nguyễn Thị Mĩ	Hân	1393	Nữ	09	02	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ				27/60	17/30	0/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghệ vụ chuyên ngành		
1393	Trần Thị Mỹ	Hân	1394	Nữ	24	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh An Giang			37/60	14/30	0/100		
1394	Lê Thị Diễm	Hằng	1395	Nữ	20	7	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						38/60	9/30	0/100		
1395	Phan Thị	Hằng	1396	Nữ	10	04	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				39/60	15/30	73/100		
1396	Bùi Tấn	Hậu	1397	Nam	2	12	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						34/60	17/30	57.5/100		
1397	Nguyễn Trịnh	Hậu	1398	Nam	6	7	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						42/60	14/30	0/100		
1398	Nguyễn Minh	Hiền	1399	Nam	09	01	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						31/60	11/30	0/100		
1399	Võ Thị Thu	Hiền	1400	Nữ	13	2	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp					42/60	17/30	84.5/100		
1400	Nguyễn Trung	Hiếu	1401	Nam	25	7	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						38/60	11/30	0/100		
1401	Phạm Kim	Hoàn	1402	Nữ	17	4	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						34/60	19/30	59/100		
1402	Hồng Phi	Học	1403	Nam	28	11	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				41/60	18/30	82/100		
1403	Chung Văn	Huệ	1404	Nam	11	11	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				30/60	8/30	0/100		
1404	Lê Thanh	Hùng	1405	Nam	21	9	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						21/60	0/30	0/100	2.5	
1405	Nguyễn Thế	Hưng	1406	Nam	03	12	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						41/60	17/30	84.5/100	2.5	
1406	Đỗ Trầm Nguyên	Hương	1407	Nữ	7	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ				22/60	16/30	0/100		
1407	Lê Thị Cẩm	Hương	1408	Nữ	15	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				34/60	8/30	0/100		
1408	Nguyễn Thị Diễm	Hương	1409	Nữ	26	6	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						44/60	12/30	0/100		
1409	Nguyễn Thị Huệ	Hương	1410	Nữ	25	10	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						22/60	18/30	0/100		
1410	Nguyễn Gia	Huy	1411	Nam	22	12	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Hồ Chí Minh					31/60	28/30	54/100		
1411	Nguyễn Thị Phương	Khánh	1412	Nữ	21	12	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						26/60	11/30	0/100		
1412	Phạm Duy	Khánh	1413	Nam	21	7	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						35/60	10/30	0/100		
1413	Huỳnh Đăng	Khoa	1414	Nam	05	4	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						36/60	8/30	0/100		
1414	Nguyễn Trung	Kiên	1415	Nam	15	11	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						53/60	16/30	89/100		
1415	Nguyễn Thị Mộng	Kiều	1416	Nữ	28	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						37/60	13/30	0/100		
1416	Trương Quốc	Lâm	1417	Nam	8	5	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh				29/60	11/30	0/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
1417	Nguyễn Thị Kim	Liên	1418	Nữ	06	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Nai	Có 06 nguyện vọng	31/60	22/30	77.5/100		
1418	Thạch Thị	Liên	1419	Nữ	8	9	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Hồ Chí Minh					19/60	14/30	0/100	5	
1419	Ngô Trúc	Linh	1420	Nữ	06	11	1987	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						21/60	11/30	0/100		
1420	Trương Yến	Linh	1421	Nữ	24	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						39/60	12/30	0/100		
1421	Lê Thị Trọng	Loan	1422	Nữ	09	3	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				27/60	13/30	0/100		
1422	Lê Thành	Lộc	1423	Nam	05	4	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						20/60	16/30	0/100		
1423	Đào Thị	Lụa	1424	Nữ	17	6	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						35/60	15/30	61/100		
1424	Nguyễn Thị Trúc	Ly	1425	Nữ	29	10	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				32/60	14/30	0/100		
1425	Nguyễn Trà	Mi	1426	Nữ	7	8	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						38/60	15/30	55/100		
1426	Đặng Thân Quang	Minh	1427	Nam	03	3	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						33/60	14/30	0/100		
1427	Kiều Công	Minh	1428	Nam	20	9	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh An Giang		0/60	0/30	0/100		
1428	Lê Ngọc	Minh	1429	Nam	4	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				30/60	23/30	64/100		
1429	Nguyễn Duy	Minh	1430	Nam	12	8	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp					30/60	17/30	75/100		
1430	Trần Hồng	Minh	1431	Nữ	15	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh				34/60	13/30	0/100		
1431	Hà Hoàng Trà	My	1432	Nữ	21	6	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Cần Thơ	Có 06 nguyện vọng	43/60	20/30	90/100		
1432	Nguyễn Kim	Ngân	1433	Nữ	5	4	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						29/60	14/30	0/100		
1433	Nguyễn Trần Thảo	Ngân	1434	Nữ	24	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						44/60	19/30	92/100		
1434	Phạm Thị Kim	Ngân	1435	Nữ	29	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ					20/60	10/30	0/100		
1435	Trần Thị Thanh	Ngân	1436	Nữ	12	2	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						24/60	9/30	0/100		
1436	Trương Thị Thùy	Ngân	1437	Nữ	19	2	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh				35/60	15/30	70/100		
1437	Phạm Nguyễn Gia	Nghi	1438	Nữ	5	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ				60/60	29/30	89/100		
1438	Bùi Trần Trọng	Nghĩa	1439	Nam	27	02	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						33/60	9/30	0/100		
1439	Lê Nguyễn Hiếu	Nghĩa	1440	Nam	20	3	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh				44/60	14/30	0/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
1440	Đình Bảo	Ngọc	1441	Nữ	22	7	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp					33/60	21/30	91.5/100		
1441	Lê Phan Yển	Ngọc	1442	Nữ	19	9	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh				39/60	22/30	80.5/100		
1442	Nguyễn Bảo	Ngọc	1443	Nữ	26	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ				30/60	11/30	0/100		
1443	Nguyễn Hoàng Như	Ngọc	1444	Nữ	28	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ					29/60	18/30	0/100		
1444	Nguyễn Phan Hồng	Ngọc	1445	Nữ	16	10	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						34/60	10/30	0/100		
1445	Nguyễn Thái	Ngọc	1446	Nam	11	11	1987	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						37/60	18/30	44/100	5	
1446	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	1447	Nữ	25	7	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ					45/60	27/30	81.5/100		
1447	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	1448	Nữ	31	05	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ				23/60	8/30	0/100		
1448	Nguyễn Thị Như	Ngọc	1449	Nữ	26	12	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				26/60	15/30	0/100		
1449	Phạm Thị Bảo	Ngọc	1450	Nữ	30	10	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						40/60	25/30	85/100		
1450	Phạm Võ Tổ	Ngọc	1451	Nữ	24	6	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						32/60	18/30	74/100		
1451	Nguyễn Minh	Nguyệt	1452	Nữ	18	3	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh				44/60	15/30	65/100		
1452	Đoàn Thanh	Nhân	1453	Nam	21	11	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				33/60	21/30	92.5/100		
1453	Nguyễn Hữu	Nhân	1454	Nam	12	9	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						38/60	22/30	88.5/100		
1454	Phan Thành	Nhân	1455	Nam	06	03	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang				36/60	19/30	64.5/100		
1455	Đào Thiên	Nhi	1456	Nữ	21	9	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						40/60	8/30	0/100		
1456	Huỳnh Thị Yển	Nhi	1457	Nữ	13	12	1990	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						38/60	11/30	0/100		
1457	Lê Hoàng Yển	Nhi	1458	Nữ	31	5	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						43/60	14/30	0/100		
1458	Lê Thị Yển	Nhi	1459	Nữ	20	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				49/60	21/30	87.5/100		
1459	Lê Thị Yển	Nhi	1460	Nữ	27	10	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp					20/60	13/30	0/100	5	
1460	Nguyễn Ngọc Tuyết	Nhi	1461	Nữ	08	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						34/60	16/30	55.5/100		
1461	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	1462	Nữ	4	5	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						39/60	20/30	72.5/100		
1462	Phạm Thị Bích	Nhiên	1463	Nữ	27	9	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						39/60	20/30	78/100		
1463	Cao Huỳnh Lê	Nhu	1464	Nam	23	01	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang				0/60	0/30	0/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
1464	Đỗ Quỳnh	Như	1465	Nữ	17	6	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh				31/60	15/30	64.5/100		
1465	Nguyễn Hồng Ngọc	Như	1466	Nữ	18	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ				43/60	23/30	69/100		
1466	Nguyễn Phạm Quỳnh	Như	1467	Nữ	26	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh				32/60	12/30	0/100		
1467	Trần Thị Tuyết	Nhung	1468	Nữ	15	02	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp				21/60	19/30	0/100		
1468	Phạm Thị Yến	Oanh	1469	Nữ	16	8	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Nai				35/60	15/30	68/100		
1469	Đỗ Tiến	Phát	1470	Nam	12	02	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				49/60	19/30	89.5/100		
1470	Hà Huỳnh	Phong	1471	Nam	16	5	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				33/60	14/30	0/100		
1471	Lê Vĩnh	Phúc	1472	Nam	15	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ				40/60	18/30	60/100		
1472	Nguyễn Hoàng	Phúc	1473	Nam	28	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				29/60	14/30	0/100		
1473	Nguyễn Hoàng	Phúc	1474	Nam	18	4	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						41/60	15/30	56/100	2.5	
1474	Đỗ Thị Tố	Phương	1475	Nữ	04	6	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp				21/60	10/30	0/100		
1475	Hứa Thị Minh	Phương	1476	Nữ	14	10	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						25/60	11/30	0/100		
1476	Đinh Thị Tú	Quỳnh	1477	Nữ	31	12	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						44/60	14/30	0/100		
1477	Ngô Thị Thúy	Quỳnh	1478	Nữ	02	9	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						40/60	11/30	0/100		
1478	Lê Khánh	Quỳnh	1479	Nữ	11	01	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						29/60	17/30	0/100		
1479	Huỳnh Tấn	Sang	1480	Nam	3	7	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						46/60	12/30	0/100		
1480	Trần Văn	Sang	1481	Nam	30	01	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						37/60	7/30	0/100	2.5	
1481	Thạch Lai	Sinh	1482	Nam	1	1	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						27/60	12/30	0/100	5	
1482	Phạm Thị Hồng	Son	1483	Nữ	8	4	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp					45/60	15/30	74/100		
1483	Trần Hoàng	Son	1484	Nam	29	01	1983	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						29/60	6/30	0/100		
1484	Kim Thanh	Sung	1485	Nam	15	5	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						25/60	10/30	0/100	5	
1485	Phan Thị Thảo	Sương	1486	Nữ	22	6	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						39/60	14/30	0/100		
1486	Nguyễn Thanh	Tài	1487	Nam	14	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh				34/60	10/30	0/100		
1487	Mai Võ Nhựt	Tâm	1488	Nam	23	7	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						28/60	11/30	0/100	2.5	

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển							Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành			
1488	Nguyễn Hiếu	Tâm	1489	Nam	07	8	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ				35/60	13/30	0/100			
1489	Nguyễn Phúc	Tâm	1490	Nam	12	7	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						34/60	9/30	0/100			
1490	Nguyễn Thanh	Tâm	1491	Nam	19	5	1986	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						0/60	0/30	0/100			
1491	Huỳnh Thị Tân	Tân	1492	Nữ	24	02	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ					47/60	23/30	89/100			
1492	Tạ Thị	Thắm	1493	Nữ	20	9	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ				29/60	11/30	0/100			
1493	Trần Thị Hồng	Thắm	1494	Nữ	31	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						18/60	6/30	0/100			
1494	Hồ Thị Trang	Thanh	1495	Nữ	11	10	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Tây Ninh				0/60	0/30	0/100			
1495	Nguyễn Huỳnh Kim	Thanh	1496	Nữ	05	10	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ				36/60	18/30	72/100			
1496	Nguyễn Thị Ngọc	Thanh	1497	Nữ	30	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						38/60	14/30	0/100			
1497	Hồ Xuân	Thành	1498	Nam	24	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Tây Ninh				44/60	20/30	83.5/100			
1498	Phạm Thiện	Thành	1499	Nam	15	4	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						29/60	0/30	0/100			
1499	Võ Ngọc	Thành	1500	Nam	12	6	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				40/60	9/30	0/100			
1500	Lâm Như	Thảo	1501	Nữ	6	9	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						29/60	0/30	0/100			
1501	Phạm Ngọc	Thảo	1502	Nữ	02	11	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				39/60	18/30	84/100			
1502	Thạch Hương	Thảo	1503	Nữ	7	12	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						32/60	17/30	56.5/100	5		
1503	Trần Đào Bích	Thảo	1504	Nữ	20	4	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						30/60	20/30	60.5/100			
1504	Trần Thị Thu	Thảo	1505	Nữ	26	11	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh				39/60	26/30	75.5/100			
1505	Phạm Trương Anh	Thép	1506	Nam	02	11	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						37/60	15/30	64.5/100			
1506	Đoàn Thị Mộng	Thi	1507	Nữ	27	6	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Hồ Chí Minh					43/60	16/30	59/100			
1507	Thạch Rịch	Thi	1508	Nam	17	3	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						34/60	12/30	0/100	5		
1508	Huỳnh Thị Hồng	Thơ	1509	Nữ	3	1	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						32/60	11/30	0/100			
1509	Thạch Ngọc	Thơ	1510	Nam	21	4	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						34/60	14/30	0/100	5		
1510	Trương Huyền	Thoa	1511	Nữ	28	10	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						52/60	12/30	0/100			
1511	Trần Lê Ánh	Thu	1512	Nữ	31	8	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						31/60	12/30	0/100			

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyễn vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Nguyễn vọng 3	Nguyễn vọng 4	Nguyễn vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghệ vụ chuyên ngành		
1512	Đoàn Anh	Thư	1513	Nữ	14	9	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						36/60	14/30	0/100		
1513	Nguyễn Phương	Thư	1514	Nữ	25	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ				49/60	24/30	88.5/100		
1514	Nguyễn Thị Minh	Thư	1515	Nữ	02	01	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp					35/60	18/30	68/100		
1515	Trần Anh	Thư	1516	Nữ	17	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh				44/60	20/30	68.5/100		
1516	Võ Thị Anh	Thư	1517	Nữ	30	3	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						37/60	12/30	0/100		
1517	Đào Huỳnh	Thương	1518	Nữ	31	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						34/60	23/30	75.5/100		
1518	Võ Thị Hương	Thương	1519	Nữ	16	1	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						43/60	25/30	86/100		
1519	Trương Bảo	Thuy	1520	Nam	26	11	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh				42/60	14/30	0/100		
1520	Nguyễn Thị Bích	Thùy	1521	Nữ	01	01	1988	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						23/60	0/30	0/100		
1521	Võ Thị Mai	Thy	1522	Nữ	02	3	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Lâm Đồng				31/60	20/30	60.5/100		
1522	Lê Thị Thủy	Tiên	1523	Nữ	10	10	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh				41/60	14/30	0/100		
1523	Nguyễn Thủy	Tiên	1524	Nữ	03	02	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh				45/60	17/30	59/100		
1524	Trần Thị Thắm	Tiên	1525	Nữ	01	01	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				22/60	0/30	0/100		
1525	Trịnh Tiên	Tiên	1526	Nữ	28	7	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				29/60	28/30	0/100		
1526	Huỳnh Ngọc	Tín	1527	Nam	04	3	1988	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						33/60	11/30	0/100	2.5	
1527	Nguyễn Trung	Tín	1528	Nam	18	01	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						33/60	16/30	66.5/100	2.5	
1528	Đặng Văn	Toàn	1529	Nam	07	7	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				44/60	21/30	88.5/100		
1529	Nguyễn Thanh	Toàn	1530	Nam	21	1	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						0/60	0/30	0/100		
1530	Diệp Bảo	Trâm	1531	Nữ	13	5	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh				43/60	24/30	82/100		
1531	Dương Thị Hồng	Trâm	1532	Nữ	24	12	1987	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ				28/60	11/30	0/100		
1532	Nguyễn Thị Huệ	Trâm	1533	Nữ	13	9	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						38/60	12/30	0/100		
1533	Phan Thị Ngọc	Trâm	1534	Nữ	1	12	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Hồ Chí Minh					39/60	19/30	77.5/100		
1534	La Thị Mai	Trâm	1535	Nữ	6	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						30/60	8/30	0/100		
1535	Lê Thị Bảo	Trân	1536	Nữ	19	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ				27/60	7/30	0/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghệ vụ chuyên ngành		
1536	Nguyễn Ngọc	Trần	1537	Nữ	29	9	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						21/60	12/30	0/100		
1537	Nguyễn Thị Huyền	Trần	1538	Nữ	12	10	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh				44/60	20/30	68/100		
1538	Nguyễn Lê Mai	Trang	1539	Nữ	16	09	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						30/60	14/30	0/100		
1539	Phạm Thị Kiều	Trang	1540	Nữ	23	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						22/60	12/30	0/100		
1540	Trần Minh	Trí	1541	Nam	30	7	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Hồ Chí Minh					36/60	10/30	0/100		
1541	Đoàn Thủy	Triều	1542	Nữ	13	4	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						42/60	11/30	0/100		
1542	Lê Ngọc	Trình	1543	Nữ	26	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						38/60	24/30	82.5/100	5	
1543	Nguyễn Kim	Trọng	1544	Nam	14	5	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Hồ Chí Minh					19/60	0/30	0/100		
1544	Lý Thị Bé	Trúc	1545	Nữ	01	01	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ				34/60	11/30	0/100		
1545	Tống Thị	Trúc	1546	Nữ	30	12	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						33/60	16/30	72/100		
1546	Trịnh Xuân	Trúc	1547	Nữ	19	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				39/60	21/30	73.5/100		
1547	Nguyễn Quốc	Trung	1548	Nam	24	10	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						29/60	0/30	0/100		
1548	Nguyễn Nhật	Trường	1549	Nam	15	01	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						27/60	0/30	0/100		
1549	Trần Thị Cẩm	Tú	1550	Nữ	25	6	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ					29/60	0/30	0/100		
1550	Phạm Văn	Tuân	1551	Nam	15	10	1987	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						41/60	8/30	0/100		
1551	Trần Quốc	Tuấn	1552	Nam	8	12	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh				26/60	0/30	0/100		
1552	Trương Thanh	Tuấn	1553	Nam	19	6	1988	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				24/60	0/30	0/100		
1553	Lê Ngọc Lan	Tường	1554	Nữ	27	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp				43/60	21/30	69/100		
1554	Huỳnh Thị Thảo	Vân	1555	Nữ	2	10	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp					29/60	10/30	0/100		
1555	Lê Huỳnh	Văn	1556	Nam	07	5	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						35/60	14/30	0/100	2.5	
1556	Lê Ngọc Tường	Vi	1557	Nữ	17	4	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Hồ Chí Minh					41/60	30/30	82/100		
1557	Lê Tường	Vi	1558	Nữ	4	5	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						31/60	12/30	0/100		
1558	Nguyễn Thị Tường	Vi	1559	Nữ	29	3	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				33/60	12/30	0/100		
1559	Bùi Quang	Vinh	1560	Nam	11	8	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						32/60	14/30	0/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
1560	Nguyễn Thị Thùy	Vương	1561	Nữ	14	4	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Hồ Chí Minh					36/60	18/30	63.5/100		
1561	Nguyễn Trường	Vy	1562	Nữ	30	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						37/60	19/30	76.5/100		
1562	Đoàn Mỹ	Xuyên	1563	Nữ	17	8	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ				33/60	12/30	0/100		
1563	Hoàng Như	Ý	1564	Nữ	10	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh				40/60	15/30	61/100		
1564	Phạm Thị Như	Ý	1565	Nữ	15	10	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long						46/60	21/30	76/100		
1565	Thái Kim	Yến	1566	Nữ	26	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp					31/60	24/30	62/100		
1566	Võ Thị Kim	Yến	1567	Nữ	10	9	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Tây Ninh		49/60	24/30	71.5/100		
1567	Lâm Nguyễn Ngọc	Thanh	1568	Nữ	24	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp				44/60	14/30	0/100		
1568	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	1569	Nữ	27	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long				41/60	13/30	0/100		
1569	Bùi Thị Trường	An	1570	Nữ	8	9	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang					55/60	24/30	82/100		
1570	Trần Lê Thủy	An	1571	Nữ	25	7	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh An Giang				40/60	15/30	76/100		
1571	Nguyễn Thị Trúc	Anh	1572	Nữ	22	11	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						39/60	20/30	88/100		
1572	Lê Thị Ngọc	Ánh	1573	Nữ	29	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long				52/60	18/30	97/100		
1573	Nguyễn Thị	Ánh	1574	Nữ	22	4	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp				0/60	0/30	0/100		
1574	Trần Khánh	Bằng	1575	Nam	3	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Hồ Chí Minh				45/60	25/30	91.5/100	5	
1575	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	Bích	1576	Nữ	10	7	1985	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						36/60	19/30	61/100		
1576	Võ Thanh	Bình	1577	nam	12	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						36/60	19/30	66/100		
1577	Nguyễn Văn	Cang	1578	nam	10	7	1983	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long				29/60	0/30	0/100	2.5	
1578	Võ Thị Huyền	Chân	1579	Nữ	2	10	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						31/60	13/30	0/100		
1579	Hà Thị Kim	Chi	1580	Nữ	5	5	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long					25/60	0/30	0/100		
1580	Huỳnh Văn	Chon	1581	Nam	3	11	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh Đồng Tháp	Có 08 nguyện vọng	37/60	14/30	0/100		
1581	Lê Thị Cẩm	Chúc	1582	Nữ	2	8	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp				42/60	13/30	0/100		
1582	Ngô Có	Dán	1583	nam	19	3	1985	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long					33/60	11/30	0/100	1.5	

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyễn vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Nguyễn vọng 3	Nguyễn vọng 4	Nguyễn vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
1583	Hà Văn	Đang	1584	nam	30	10	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long					29/60	0/30	0/100	2.5	
1584	Nguyễn Hải	Đăng	1585	Nam	15	10	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						37/60	15/30	72/100	2.5	
1585	Trần Hải	Đăng	1586	nam	16	7	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						49/60	22/30	83.5/100		
1586	Hồ Thanh	Danh	1587	nam	22	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						25/60	0/30	0/100		
1587	Trần Quang	Đạo	1588	nam	15	12	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp				42/60	8/30	0/100		
1588	Nguyễn Thị	Diệu	1589	Nữ	7	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp				48/60	11/30	0/100		
1589	Nguyễn Phan Châu	Đoan	1590	Nữ	21	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp				37/60	19/30	57/100		
1590	Nguyễn Thanh	Đù	1591	Nam	16	2	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Cà Mau				35/60	9/30	0/100	5	
1591	Lê Thuỳ	Dương	1592	Nữ	11	1	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau					13/60	0/30	0/100		
1592	Nguyễn Hải	Dương	1593	Nam	25	11	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						44/60	11/30	0/100		
1593	Võ Văn Quốc	Dương	1594	Nam	7	11	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Vĩnh Long				0/60	0/30	0/100		
1594	Hứa Thanh	Duy	1595	Nam	2	5	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Cà Mau				26/60	0/30	0/100	5	
1595	Trần Bá	Duy	1596	nam	20	6	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh Vĩnh Long				38/60	6/30	0/100		
1596	Lê Thị Mỹ	Duyên	1597	Nữ	4	9	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Vĩnh Long				34/60	14/30	0/100		
1597	Trần Thị Bích	Duyên	1598	Nữ	30	3	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long					39/60	13/30	0/100		
1598	Trần Thị Cẩm	Giang	1599	Nữ	16	10	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long					46/60	14/30	0/100		
1599	Triệu	Hai	1600	Nam	9	10	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						22/60	0/30	0/100	5	
1600	Tạ Hoàng Dương Chí	Hải	1601	Nam	21	10	1987	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						26/60	0/30	0/100		
1601	Đồng Thị Ngọc	Hân	1602	Nữ	10	8	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						26/60	0/30	0/100		
1602	Lê Thị Ngọc	Hân	1603	Nữ	30	7	1985	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						42/60	12/30	0/100		
1603	Lương Thị Mỹ	Hằng	1604	Nữ	19	6	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						34/60	17/30	62/100		
1604	Lê Thị Diệu	Hiền	1605	Nữ	28	9	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long					26/60	17/30	0/100		
1605	Trần Thị Cẩm	Hiền	1606	Nữ	6	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Vĩnh Long				33/60	12/30	0/100		
1606	Đặng Chí	Hiếu	1607	nam	1	8	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh An Giang				0/60	0/30	0/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyễn vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Nguyễn vọng 3	Nguyễn vọng 4	Nguyễn vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghệ vụ chuyên ngành		
1607	Đặng Song	Hồ	1608	nam	5	7	1990	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang					39/60	14/30	0/100		
1608	Nguyễn	Hoàng	1609	Nam	10	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau					34/60	6/30	0/100		
1609	Nguyễn Thị Diễm	Hương	1610	Nữ	2	8	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh				51/60	19/30	79.5/100		
1610	Nguyễn Thị Thu	Hương	1611	Nữ	6	6	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						0/60	0/30	0/100		
1611	Nguyễn Võ Kim	Hương	1612	Nữ	16	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Hồ Chí Minh				44/60	10/30	0/100		
1612	Nguyễn Chí	Hữu	1613	nam	7	11	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh An Giang				33/60	11/30	0/100		
1613	Nguyễn Minh	Huy	1614	nam	13	6	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long					36/60	17/30	90/100		
1614	Đinh Hồng Như	Huỳnh	1615	Nữ	2	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long					35/60	13/30	0/100		
1615	Võ Thị	Huỳnh	1616	Nữ	1	6	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp				33/60	14/30	0/100		
1616	Võ Thị Thúy	Huỳnh	1617	Nữ	25	10	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp				47/60	8/30	0/100		
1617	Châu Hoàng	Kết	1618	Nam	8	10	1985	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp				37/60	14/30	0/100	5	
1618	Trần Hoàng	Khải	1619	nam	11	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang					28/60	12/30	0/100		
1619	Lê Minh	Khang	1620	Nam	14	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						38/60	24/30	83/100		
1620	Lương Chí	Khang	1621	Nam	17	6	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						42/60	6/30	0/100	1.5	
1621	Đặng Tuấn	Khoa	1622	Nam	1	9	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh Vĩnh Long				47/60	18/30	89.5/100		
1622	Lê Nguyễn Đăng	Khoa	1623	nam	13	12	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh An Giang				29/60	10/30	0/100	2.5	
1623	Nguyễn Hồng	Lam	1624	Nữ	15	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long					0/60	0/30	0/100		
1624	Nguyễn Trúc	Lam	1625	Nữ	25	10	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp				30/60	19/30	54/100		
1625	Đinh Khải	Lâm	1626	Nam	9	9	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long				28/60	0/30	0/100		
1626	Hà Thị	Lanh	1627	Nữ	15	3	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long					43/60	21/30	75/100		
1627	Trần Văn Hoàng	Lê	1628	Nam	25	5	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh An Giang				32/60	11/30	0/100		
1628	Hà Thanh	Liêm	1629	Nam	1	1	1990	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Vĩnh Long				42/60	23/30	77.5/100		
1629	Đặng Vũ	Linh	1630	Nam	16	12	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Tây Ninh				37/60	14/30	0/100	2.5	
1630	Lưu Thị Nhật	Linh	1631	Nữ	16	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Cà Mau				36/60	16/30	80.5/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyễn vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Nguyễn vọng 3	Nguyễn vọng 4	Nguyễn vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghệ vụ chuyên ngành		
1631	Mạch Trần Di	Linh	1632	Nam	5	4	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Cà Mau				37/60	16/30	75.5/100		
1632	Trần Duy	Linh	1633	Nam	6	6	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp				46/60	16/30	96/100		
1633	Trương Phước	Lộc	1634	nam	30	7	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						34/60	12/30	0/100	2.5	
1634	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	1635	Nữ	16	2	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh Vĩnh Long				39/60	15/30	75/100		
1635	Nguyễn Tiết	Mai	1636	Nữ	17	9	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						39/60	20/30	76.5/100		
1636	Lê Nguyễn Đoan	Mân	1637	Nữ	24	8	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp				35/60	15/30	67/100		
1637	Lê Thị Tiểu	My	1638	Nữ	3	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Hồ Chí Minh				35/60	23/30	79.5/100		
1638	Nguyễn Thị Trà	My	1639	Nữ	20	9	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						31/60	13/30	0/100		
1639	Dương Thị Kiều	My	1640	Nữ	22	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Tây Ninh				20/60	7/30	0/100		
1640	Trương Quốc	Nam	1641	Nữ	4	4	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp				38/60	16/30	90.5/100		
1641	Ngô Thanh	Ngà	1642	nam	21	7	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau					28/60	12/30	0/100		
1642	La Thị	Ngân	1643	Nữ	28	9	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						0/60	0/30	0/100	5	
1643	Đoàn Khâ	Nghi	1644	Nữ	23	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Cà Mau				46/60	9/30	0/100		
1644	Kiều Phương	Nghi	1645	Nữ	15	1	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						31/60	28/30	62/100		
1645	Đặng Thị Cẩm	Ngoan	1646	Nữ	19	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Cà Mau				32/60	11/30	0/100		
1646	Nguyễn Thị Kim	Nguyên	1647	Nữ	7	1	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						0/60	0/30	0/100		
1647	Lý Như	Nguyễn	1648	Nữ	13	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						46/60	22/30	85.5/100		
1648	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	1649	Nữ	12	10	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh An Giang				31/60	15/30	49/100		
1649	Lê Mai Tú	Nhân	1650	Nữ	5	1	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						42/60	15/30	59.5/100		
1650	Hồ Nguyễn Nguyệt	Nhi	1651	Nữ	8	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau					22/60	0/30	0/100		
1651	Huỳnh Tuyết	Nhi	1652	Nữ	26	6	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh Vĩnh Long				52/60	16/30	83/100		
1652	La Tuyết	Nhi	1653	Nữ	1	6	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh Vĩnh Long				44/60	11/30	0/100		
1653	Nguyễn Thị Kiều	Nhi	1654	Nữ	1	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Vĩnh Long				38/60	14/30	0/100		
1654	Nguyễn Thị Tô	Nhi	1655	Nữ	28	8	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Vĩnh Long				36/60	22/30	77.5/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển							Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành			
1655	Phạm Thị Huyền	Nhi	1656	Nữ	6	11	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang					40/60	18/30	63/100			
1656	Phan Nhật Uyên	Nhi	1657	Nữ	30	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp					23/60	13/30	0/100			
1657	Trần Kim	Nhờ	1658	Nữ	10	4	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Vĩnh Long				33/60	6/30	0/100			
1658	Đoàn Thị Huỳnh	Như	1659	Nữ	15	11	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp				34/60	13/30	0/100			
1659	Danh Thảo	Như	1660	Nữ	6	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang					36/60	14/30	0/100	5		
1660	Nguyễn Tấn	Nhứt	1661	nam	30	8	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						45/60	11/30	0/100			
1661	Dương Chúc	Pha	1662	Nữ	5	5	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh					39/60	17/30	66/100	5		
1662	Nguyễn Việt	Phụng	1663	nam	16	4	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						33/60	13/30	0/100	2.5		
1663	Trương Kim	Phụng	1664	Nữ	31	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang					45/60	15/30	93/100			
1664	Danh Thị Thu	Phương	1665	Nữ	14	6	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						0/60	0/30	0/100	5		
1665	Đồ Thị	Phương	1666	Nữ	30	1	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						33/60	9/30	0/100	5		
1666	Trần Nhật	Quang	1667	nam	3	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp				28/60	0/30	0/100	5		
1667	Trịnh Thị Hồng	Quý	1668	Nữ	17	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						30/60	19/30	67/100			
1668	Đào Phan Kim	Quyên	1669	Nữ	5	12	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Vĩnh Long				35/60	14/30	0/100			
1669	Kim Thị Sa	Quyên	1670	Nữ	20	11	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hồ Chí Minh				33/60	13/30	0/100	5		
1670	Nguyễn Thị Thảo	Quyên	1671	Nữ	23	1	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang					28/60	13/30	0/100			
1671	Thạch Sa	Rây	1672	Nam	26	11	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh An Giang				28/60	0/30	0/100	5		
1672	Nguyễn Trường	Sanh	1673	nam	17	12	1984	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						21/60	0/30	0/100			
1673	Huỳnh Thanh	Son	1674	Nam	5	1	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp				28/60	6/30	0/100			
1674	Khuu Phấn	Suối	1675	Nam	6	8	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						36/60	15/30	54/100			
1675	Nguyễn Tấn	Sỹ	1676	Nam	20	11	1990	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						26/60	0/30	0/100			
1676	Nguyễn Tấn	Tài	1677	Nam	28	7	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long				53/60	21/30	93.5/100			
1677	Phan Đăng Thành	Tài	1678	Nam	11	6	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Cà Mau		39/60	17/30	64.5/100			
1678	Dương Gia	Tại	1679	Nam	15	2	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh Vĩnh Long				41/60	16/30	90/100	5		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
1679	Hà Thanh	Tam	1680	nam	13	1	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp				31/60	6/30	0/100		
1680	Trịnh Ngọc	Tâm	1681	Nữ	27	9	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Cà Mau				25/60	15/30	0/100		
1681	Nguyễn Thanh	Tân	1682	nam	14	5	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh An Giang				29/60	10/30	0/100	5	
1682	Lê Văn	Tạo	1683	nam	3	2	1984	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						41/60	13/30	0/100	5	
1683	Đặng Minh	Thái	1684	Nam	18	10	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						24/60	0/30	0/100		
1684	Nguyễn Văn Quốc	Thái	1685	Nam	15	5	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp					33/60	9/30	0/100		
1685	Dương Hồng	Thắm	1686	Nữ	17	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh Đồng Tháp				48/60	13/30	0/100		
1686	Lê Hải	Thanh	1687	nam	7	1	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						34/60	14/30	0/100		
1687	Dương Thị Thu	Thảo	1688	Nữ	3	3	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau					43/60	18/30	71/100	5	
1688	Lê Thị Phương	Thảo	1689	Nữ	6	6	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh An Giang				39/60	11/30	0/100		
1689	Lê Thu	Thảo	1690	Nữ	29	8	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						32/60	15/30	58/100		
1690	Nguyễn Thanh	Thảo	1691	Nữ	7	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						28/60	14/30	0/100		
1691	Nguyễn Thị Nhật	Thảo	1692	Nữ	10	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp				44/60	16/30	78.5/100		
1692	Hà Văn	Thêm	1693	nam	28	11	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long					26/60	16/30	0/100	2.5	
1693	Nguyễn Trí	Thiện	1694	nam	23	11	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp				39/60	7/30	0/100		
1694	Ngô Minh	Thiện	1695	Nam	19	6	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						41/60	11/30	0/100	2.5	
1695	La Hưng	Thịnh	1696	Nam	6	11	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						0/60	0/30	0/100		
1696	Trần Quang	Thịnh	1697	nam	5	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh An Giang				24/60	0/30	0/100		
1697	Võ Phước	Thịnh	1698	nam	16	6	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Cà Mau				39/60	14/30	0/100		
1698	Thị Kim	Tho	1699	Nữ	2	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Vĩnh Long				34/60	0 Không ký	0/100	5	
1699	Huỳnh Lê Anh	Thơ	1700	Nữ	11	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Hồ Chí Minh				38/60	0 Không ký	0/100		
1700	Nguyễn Thị Nhã	Thơ	1701	Nữ	24	5	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long					27/60	9/30	0/100		
1701	Nguyễn Thị Trúc	Thư	1702	Nữ	9	4	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Vĩnh Long				42/60	14/30	0/100		
1702	Phạm Anh	Thư	1703	Nữ	26	7	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh Vĩnh Long				43/60	17/30	78.5/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
1703	Phạm Thành	Thư	1704	nam	8	4	1988	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang					21/60	0/30	0/100		
1704	Lê Thị Hoài	Thương	1705	Nữ	22	8	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Cà Mau				30/60	14/30	0/100		
1705	Phạm Thị Phương	Thúy	1706	Nữ	10	10	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						32/60	10/30	0/100		
1706	Châu Ngọc Diễm	Thùy	1707	Nữ	12	7	1987	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						20/60	14/30	0/100		
1707	Ngô Nguyễn Phương	Thùy	1708	Nữ	24	12	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Vĩnh Long				40/60	20/30	68.5/100		
1708	Hồ Khả	Thy	1709	Nữ	7	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Cà Mau				38/60	12/30	0/100		
1709	Nguyễn Trang	Toàn	1710	Nam	27	5	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						26/60	14/30	0/100		
1710	Lê Phương	Trâm	1711	Nữ	25	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						36/60	22/30	53.5/100		
1711	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	1712	Nữ	9	8	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang					22/60	17/30	60/100		
1712	Cao Ngọc Bảo	Trần	1713	Nữ	3	11	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						30/60	12/30	0/100		
1713	Hứa Huỳnh	Trần	1714	Nữ	6	6	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						36/60	14/30	0/100		
1714	Nguyễn Thị Huyền	Trần	1715	Nữ	8	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Hồ Chí Minh				45/60	15/30	80/100		
1715	Nguyễn Thị Diễm	Trang	1716	Nữ	22	3	1983	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						26/60	⁰ Không ký	0/100		
1716	Võ Thị Kiều	Trang	1717	Nữ	6	12	2004	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp				47/60	19/30	84/100		
1717	Trương Thị Thu	Trang	1718	Nữ	31	5	1988	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						0/60	0/30	0/100		
1718	Phạm Minh	Trí	1719	Nam	4	11	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Vĩnh Long				0/60	0/30	0/100		
1719	Nguyễn Thị Tú	Trình	1720	Nữ	25	8	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						34/60	15/30	62.5/100		
1720	Nguyễn Hữu	Trọng	1721	Nam	9	6	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Lâm Đồng				38/60	16/30	63.5/100		
1721	Lê Thị Kim	Trúc	1722	Nữ	8	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long				28/60	16/30	0/100		
1722	Phạm Thị Ngọc	Trúc	1723	Nữ	2	9	1988	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						26/60	10/30	0/100		
1723	Trần Ngọc	Trung	1724	Nam	29	6	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh An Giang				30/60	13/30	0/100		
1724	Võ Hoàng	Tú	1725	Nam	1	10	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						39/60	14/30	0/100		
1725	Phạm Hồng	Tươi	1726	Nữ	24	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh An Giang				50/60	20/30	87.5/100		
1726	Nguyễn Thị	Tuyền	1727	Nữ	26	1	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang					36/60	12/30	0/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
1727	Đỗ Thu	Uyên	1728	Nữ	7	8	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Vĩnh Long				42/60	29/30	81/100		
1728	Võ Trí	Văn	1729	nam	15	3	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						32/60	14/30	0/100		
1729	Nguyễn Thị Hồng	Vi	1730	Nữ	28	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Hồ Chí Minh				46/60	24/30	88/100		
1730	Phan Thế	Vinh	1731	Nam	28	6	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ						34/60	12/30	0/100		
1731	Trần Phong	Vinh	1732	Nam	10	2	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Tây Ninh				31/60	14/30	0/100		
1732	Võ Quang	Vinh	1733	Nam	8	12	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Cà Mau				40/60	10/30	0/100		
1733	Nguyễn Tấn	Vương	1734	Nam	19	1	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau					43/60	20/30	85.5/100		
1734	Bùi Xuân Quỳnh	Vy	1735	Nữ	21	1	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Vĩnh Long				41/60	23/30	72.5/100		
1735	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	1736	Nữ	31	12	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh An Giang				29/60	17/30	0/100		
1736	Trương Thảo	Vy	1737	Nữ	13	6	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Cà Mau				35/60	0 Không ký	0/100		
1737	Lê Thị Thanh	Xuân	1738	Nữ	17	7	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp				37/60	0 Không ký	0/100		
1738	Huỳnh Hoàng	Yến	1739	Nữ	15	10	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Hồ Chí Minh				50/60	16/30	89.5/100		
1739	Huỳnh Kim	Yến	1740	Nữ	18	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau					48/60	14/30	0/100	5	
1740	Phan Hồ Hải	Yến	1741	Nữ	28	9	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh An Giang				40/60	10/30	0/100		
1741	Đỗ Thùy Trâm	Anh	1742	Nữ	7	4	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Gia Lai				42/60	14/30	0/100		
1742	Lê Thị Hồng	Anh	1743	Nữ	16	4	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Lâm Đồng				47/60	22/30	79.5/100		
1743	Phạm Minh	Anh	1744	Nữ	29	3	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng						39/60	17/30	86/100		
1744	Cao Đoàn Ngọc	Ánh	1745	Nữ	18	8	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng	THADS TP. Hồ Chí Minh					45/60	23/30	87/100		
1745	Đoàn Thị	Ánh	1746	Nữ	6	11	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng						42/60	11/30	0/100		
1746	Hoàng Phương	Ánh	1747	Nữ	25	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS TP. Đà Nẵng					26/60	8/30	0/100		
1747	Nguyễn Thị Như	Điểm	1748	Nữ	5	6	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Quảng Ngãi	THADS tỉnh Đắk Lắk				39/60	26/30	80/100		
1748	Thái Thị Thanh	Duyên	1749	Nữ	21	10	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng						51/60	20/30	94/100		
1749	Hồ Thị Thu	Hằng	1750	Nữ	19	7	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng						36/60	13/30	0/100	5	
1750	Cần Thị Xuân	Hiền	1751	Nữ	28	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Hà Nội				38/60	20/30	81/100	5	

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển							Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành			
1751	Huỳnh Thị Mỹ	Hoa	1752	Nữ	23	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng							33/60	20/30	86.5/100		
1752	Bùi Gia	Hung	1753	Nam	23	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh					46/60	22/30	74.5/100		
1753	Đào Bá Trọng	Khánh	1754	Nam	11	11	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng					38/60	26/30	72.5/100		
1754	Nguyễn Hữu Anh	Khoa	1755	Nam	1	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Cần Thơ	Có 07 nguyện vọng		44/60	19/30	87.5/100		
1755	Lê Thị Phương	Lan	1756	Nữ	10	8	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					43/60	21/30	81/100		
1756	Nguyễn Trường	Mừng	1757	Nam	12	5	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng							35/60	0 Không ký	0/100	2.5	
1757	Phạm Hồng Kim	Ngọc	1758	Nữ	25	7	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng					47/60	19/30	76/100		
1758	Trần	Nguyễn	1759	Nam	19	4	1988	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng							37/60	15/30	79.5/100		
1759	Đặng Yến	Nhi	1760	Nữ	10	7	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng	THADS TP. Hồ Chí Minh						32/60	0 Không ký	0/100		
1760	Phạm Bảo	Nhi	1761	Nữ	1	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng							29/60	16/30	0/100		
1761	Hồ Huỳnh	Như	1762	Nữ	2	6	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng							41/60	24/30	62.5/100		
1762	Đặng Tín	Phanh	1763	Nam	28	2	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Quảng Ngãi					54/60	17/30	97/100		
1763	Đặng Tấn	Phước	1764	Nam	13	6	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Khánh Hòa					51/60	20/30	93/100		
1764	Phạm Thị	Phương	1765	Nữ	22	10	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng	THADS TP. Hồ Chí Minh						31/60	13/30	0/100		
1765	Thái Thị Thanh	Tâm	1766	Nữ	21	10	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng							45/60	19/30	88.5/100		
1766	Lê Thị Mạnh	Tàu	1767	Nữ	25	7	1988	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng							51/60	29/30	93/100		
1767	Nguyễn Hiếu	Thành	1768	Nam	24	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Nai					31/60	13/30	0/100		
1768	Dương Thị Thanh	Thảo	1769	Nữ	1	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					46/60	15/30	93/100		
1769	Lê Gia	Thịnh	1770	Nam	10	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng							20/60	11/30	0/100		
1770	Nguyễn Thị	Thương	1771	Nữ	8	6	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng							42/60	12/30	0/100	5	
1771	Hoàng Thị Cẩm	Tiên	1772	Nữ	16	8	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng	THADS TP. Hồ Chí Minh						34/60	14/30	0/100		
1772	Phạm Thị Thảo	Tính	1773	Nữ	3	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Quảng Ngãi					43/60	15/30	75/100		
1773	Hoàng Quỳnh	Trang	1774	Nữ	1	1	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng							34/60	20/30	79/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
1774	Nguyễn Thị Huyền	Trang	1775	Nữ	1	4	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng						36/60	22/30	70/100		
1775	Nguyễn Thị Diễm	Trinh	1776	Nữ	27	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng	THADS TP. Hồ Chí Minh					35/60	8/30	0/100		
1776	Tán Đoan	Trinh	1777	Nữ	23	2	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh				27/60	12/30	0/100		
1777	Nguyễn Phan Chí	Trọng	1778	Nam	13	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Quảng Ngãi					48/60	21/30	82.5/100		
1778	Châu Thị Ngọc	Uyên	1779	Nữ	9	4	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Quảng Ngãi					44/60	22/30	72.5/100		
1779	Phan Thục	Uyên	1780	Nữ	18	2	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng	THADS TP. Hồ Chí Minh					48/60	27/30	75/100		
1780	Nguyễn Thị Thanh	Vinh	1781	Nữ	25	3	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Quảng Ngãi					50/60	14/30	0/100		
1781	Đoàn Đại	Vũ	1782	Nam	14	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Khánh Hòa					50/60	25/30	95.5/100		
1782	Phạm Trần Gia	Vương	1783	Nam	1	6	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng	THADS TP. Hồ Chí Minh					27/60	17/30	0/100		
1783	Lữ Thị Nhật	Vy	1784	Nữ	11	6	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Quảng Ngãi	THADS tỉnh An Giang				38/60	29/30	75/100		
1784	Hồ Thị Thanh	Vỹ	1785	Nữ	8	9	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Lâm Đồng				36/60	18/30	74.5/100		
1785	Văn Thị Như	Ý	1786	Nữ	30	11	2004	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh				41/60	22/30	77.5/100		
1786	Huỳnh Phạm Kim	Yến	1787	Nữ	12	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng						29/60	13/30	0/100		
1787	Nguyễn Thị	Yến	1788	Nữ	8	3	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Đà Nẵng						48/60	17/30	73/100		
1788	Nguyễn Thị	Thảo	1789	Nữ	13	01	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hà Nội	THADS tỉnh Hưng Yên	THADS tỉnh Lâm Đồng				40/60	21/30	91.5/100		
1789	Võ Hoàng	Long	1790	Nam	10	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh An Giang				39/60	15/30	80.5/100		
1790	Vũ Thị Hồng	Mỹ	1791	Nữ	20	5	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau				32/60	21/30	69.5/100		
1791	Lê Thị Mỹ	Ngọc	1792	Nữ	30	4	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						35/60	16/30	77/100		
1792	Nguyễn Thị Yến	Nhi	1793	Nữ	29	3	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Vĩnh Long					30/60	17/30	62/100		
1793	Nguyễn Thị Cẩm	Như	1794	Nữ	27	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ				47/60	20/30	69.5/100		
1794	Nguyễn Thị Thuý	Ái	1795	Nữ	12	2	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Nai				32/60	19/30	92.5/100		
1795	Cao Thị	An	1796	Nữ	16	1	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						33/60	9/30	0/100		
1796	Đồng Quang	An	1797	Nam	14	12	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh				39/60	9/30	0/100	2.5	
1797	Mai Thị Thanh	An	1798	Nữ	25	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					46/60	20/30	94.5/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyễn vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Nguyễn vọng 3	Nguyễn vọng 4	Nguyễn vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
1798	Võ Huỳnh Minh	An	1799	Nữ	16	02	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						39/60	23/30	61.5/100		
1799	Huỳnh Mai Gia	Ân	1800	Nữ	20	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						46/60	17/30	87.5/100		
1800	Bùi Đào Quỳnh	Anh	1801	Nữ	17	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Nai				36/60	16/30	58/100		
1801	Đỗ Mai Minh	Anh	1802	Nữ	31	12	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						30/60	12/30	0/100		
1802	Hà Ngọc Trâm	Anh	1803	Nữ	2	7	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS TP. Cần Thơ			39/60	22/30	66/100		
1803	Hoàng Thị Phương	Anh	1804	Nữ	4	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					42/60	26/30	66.5/100		
1804	Hoàng Võ Quỳnh	Anh	1805	Nữ	15	2	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						30/60	27/30	66/100		
1805	Lại Thuý	Anh	1806	Nữ	11	4	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						50/60	19/30	89/100		
1806	Lê Thị Quỳnh	Anh	1807	Nữ	13	8	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Đà Nẵng				49/60	25/30	73.5/100		
1807	Lê Việt	Anh	1808	Nam	20	10	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						30/60	13/30	0/100	2.5	
1808	Mai Linh Hồng	Anh	1809	Nữ	12	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					39/60	22/30	87/100		
1809	Nguyễn Đoàn Trâm	Anh	1810	Nữ	24	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Quảng Ngãi			23/60	14/30	0/100		
1810	Nguyễn Hồng	Anh	1811	Nữ	17	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						46/60	23/30	92/100		
1811	Nguyễn Lê Vy	Anh	1812	Nữ	19	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						43/60	22/30	83/100		
1812	Nguyễn Ngọc Vân	Anh	1813	Nữ	7	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Lâm Đồng				38/60	25/30	64/100		
1813	Nguyễn Thị Hồng	Anh	1814	Nữ	21	8	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Nai				45/60	15/30	66/100		
1814	Nguyễn Thị Lan	Anh	1815	Nữ	31	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						35/60	14/30	0/100		
1815	Nguyễn Thị Vân	Anh	1816	Nữ	6	7	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Nai				23/60	18/30	0/100		
1816	Nguyễn Thục Vân	Anh	1817	Nữ	2	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						52/60	25/30	79/100		
1817	Phạm Minh	Anh	1818	Nữ	9	2	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					35/60	29/30	89/100		
1818	Phạm Nhật Bảo	Anh	1819	Nam	3	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						44/60	28/30	68.5/100		
1819	Phan Nguyễn Đức	Anh	1820	Nam	13	7	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Đà Nẵng	THADS TP. Hà Nội				53/60	28/30	87/100	5	
1820	Phan Quang	Anh	1821	Nam	23	2	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						39/60	25/30	64.5/100		
1821	Tăng Nguyễn Phương	Anh	1822	Nữ	10	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Vĩnh Long					40/60	17/30	62/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
1822	Tô Thị Quế	Anh	1823	Nữ	15	2	2004	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						32/60	15/30	69.5/100		
1823	Trần Ngọc Tú	Anh	1824	Nữ	2	8	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						33/60	27/30	77/100		
1824	Trần Phương	Anh	1825	Nữ	24	7	2004	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						42/60	21/30	65/100		
1825	Trần Thị Châm	Anh	1826	Nữ	9	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Lâm Đồng				41/60	24/30	71.5/100		
1826	Trần Thị Lan	Anh	1827	Nữ	10	2	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						35/60	15/30	66.5/100		
1827	Trần Tuấn	Anh	1828	Nam	27	8	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						35/60	14/30	0/100		
1828	Trương Lê Hà	Anh	1829	Nữ	7	7	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ				47/60	18/30	87/100		
1829	Trương Lê Hoàng	Anh	1830	Nữ	10	2	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						37/60	15/30	74.5/100		
1830	Võ Thị Quế	Anh	1831	Nữ	17	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						27/60	15/30	0/100		
1831	Vũ Mai	Anh	1832	Nữ	28	10	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						34/60	23/30	68.5/100		
1832	Vương Nguyễn Châu	Anh	1833	Nữ	15	10	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Đà Nẵng	THADS TP. Cần Thơ				42/60	22/30	75.5/100		
1833	Trần Thị Ngọc	Ánh	1834	Nữ	14	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đắk Lắk					30/60	15/30	63/100		
1834	Huỳnh Kim	Bảo	1835	Nam	15	12	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						34/60	18/30	69/100		
1835	Huỳnh Tấn	Bảo	1836	Nam	09	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					34/60	13/30	0/100		
1836	Nguyễn Quốc	Bảo	1837	Nam	30	12	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Vĩnh Long				44/60	13/30	0/100		
1837	Phan Gia	Bảo	1838	Nam	7	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Lâm Đồng				47/60	25/30	79/100		
1838	Nguyễn Ngọc	Bích	1839	Nữ	6	2	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Quảng Ngãi	THADS TP. Đà Nẵng				44/60	18/30	61/100		
1839	Ngô Thị	Bích	1840	Nữ	5	7	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						48/60	19/30	70.5/100		
1840	Lâm Phước	Bình	1841	Nam	4	1	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						31/60	11/30	0/100		
1841	Lâm Quốc	Bình	1842	Nam	26	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						17/60	24/30	0/100		
1842	Lê Huy	Bình	1843	Nam	10	9	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						39/60	15/30	75.5/100		
1843	Mai Thanh	Bình	1844	Nam	23	6	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh An Giang					35/60	12/30	0/100		
1844	Nguyễn Thị	Bình	1845	Nữ	27	2	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Nai	Có 10 nguyên vọng	48/60	20/30	73.5/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển							Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành			
1845	Trần Thị Thuý	Bình	1846	Nữ	15	2	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh				47/60	18/30	86/100			
1846	Vương Mỹ	Bình	1847	Nữ	11	1	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						29/60	14/30	0/100			
1847	Trương Ngọc Phương	Bình	1848	Nữ	6	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						47/60	20/30	86.5/100			
1848	Nguyễn Minh	Cảnh	1849	Nam	12	9	1990	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh					46/60	14/30	0/100			
1849	Nguyễn Văn	Cảnh	1850	Nam	17	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp					28/60	0/30	0/100			
1850	Huỳnh Dương Mai	Châm	1851	Nữ	26	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						0/60	0/30	0/100			
1851	Hồ Kim	Châu	1852	Nữ	8	7	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						44/60	20/30	67/100			
1852	Nguyễn Dương Ngọc	Châu	1853	Nữ	29	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						42/60	14/30	0/100			
1853	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	1854	Nữ	26	11	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Nai				40/60	19/30	67/100			
1854	Phạm Minh	Châu	1855	Nữ	25	2	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Nai				30/60	20/30	65/100			
1855	Phạm Nhựt	Châu	1856	Nam	24	10	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						41/60	16/30	54.5/100	2.5		
1856	Bùi Linh	Chi	1857	Nữ	6	4	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Hải Phòng	THADS TP. Đà Nẵng				37/60	14/30	0/100			
1857	Đinh Thị Yến	Chi	1858	Nữ	25	8	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Hải Phòng	THADS tỉnh Đồng Nai				35/60	22/30	66/100			
1858	Trần Kim	Chi	1859	Nữ	2	6	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						0/60	0/30	0/100			
1859	Võ Thị Kim	Chi	1860	Nữ	19	1	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Vĩnh Long					40/60	14/30	0/100			
1860	Lê Đức	Chính	1861	Nam	17	10	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						27/60	14/30	0/100			
1861	Hoàng Đình Huy	Chương	1862	Nam	6	1	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						34/60	26/30	61.5/100			
1862	Trần Nguyên	Chương	1863	Nam	11	5	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						19/60	16/30	60/100			
1863	Nguyễn Văn	Cửa	1864	Nam	19	11	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						26/60	12/30	0/100			
1864	Từ Tiến	Cường	1865	Nam	26	2	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Tây Ninh				40/60	15/30	74.5/100			
1865	Võ Ngọc	Cường	1866	Nam	14	9	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Nai				26/60	13/30	0/100			
1866	Ngô Quốc	Đại	1867	Nam	29	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh Vĩnh Long	Có 8 nguyện vọng	42/60	14/30	0/100			
1867	Hà Văn Hải	Đăng	1868	Nam	23	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Đà Nẵng					29/60	14/30	0/100			

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyễn vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Nguyễn vọng 3	Nguyễn vọng 4	Nguyễn vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
1868	Đặng Thành	Danh	1869	Nam	23	6	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Cần Thơ				42/60	16/30	83/100	2.5	
1869	Lưu Phan Anh	Đào	1870	Nữ	22	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						27/60	22/30	0/100		
1870	Huỳnh Tấn	Đạt	1871	Nam	25	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh					38/60	11/30	0/100		
1871	Huỳnh Văn	Đạt	1872	Nam	19	6	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						29/60	13/30	0/100	2.5	
1872	Nguyễn Tấn	Đạt	1873	Nam	10	1	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						38/60	21/30	67/100		
1873	Nguyễn Tấn	Đạt	1874	Nam	19	6	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Khánh Hòa					35/60	23/30	74.5/100		
1874	Phạm Tuấn	Đạt	1875	Nam	19	7	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Hà Nội					39/60	26/30	88/100		
1875	Võ Thành	Đạt	1876	Nam	23	11	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						0/60	0/30	0/100		
1876	Lê Thị Kiều	Diễm	1877	Nữ	21	2	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh An Giang				39/60	21/30	80/100		
1877	Đặng Thị	Diệp	1878	Nữ	10	7	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Cần Thơ				47/60	22/30	82.5/100		
1878	Đinh Ngọc	Diệu	1879	Nữ	22	4	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng					32/60	26/30	77/100		
1879	Phạm Trung	Đồng	1880	Nam	12	4	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đồng Nai				0/60	0/30	0/100		
1880	Lâm Kiến	Đức	1881	Nam	2	2	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Gia Lai				28/60	0/30	0/100	5	
1881	Phạm Anh	Đức	1882	Nam	26	6	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					40/60	21/30	79/100		
1882	Phạm Phú	Đức	1883	Nam	14	9	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Đồng Nai				29/60	11/30	0/100		
1883	Cao Thị	Dung	1884	Nữ	13	2	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						37/60	15/30	78.5/100	5	
1884	Nguyễn Khánh	Dung	1885	Nữ	23	9	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						34/60	21/30	73/100		
1885	Nguyễn Thanh	Dung	1886	Nữ	13	6	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						45/60	24/30	90.5/100		
1886	Phạm Thuỳ	Dung	1887	Nữ	29	3	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						49/60	23/30	92.5/100		
1887	Trần Mỹ	Dung	1888	Nữ	26	1	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Nai				51/60	23/30	97/100		
1888	Nguyễn Huy	Dũng	1889	Nam	14	12	1988	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						44/60	12/30	0/100		
1889	Nguyễn Phú	Dũng	1890	Nam	23	10	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Vĩnh Long					0/60	0/30	0/100	5	
1890	Trần Việt	Dũng	1891	Nam	31	3	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh				33/60	18/30	65.5/100		
1891	Lê Xuân	Dũng	1892	Nam	29	8	1984	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						24/60	0/30	0/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghệ vụ chuyên ngành		
1892	Đỗ Duy	Dương	1893	Nam	28	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					40/60	15/30	84/100		
1893	Nguyễn Duy	Dương	1894	Nam	1	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng					0/60	0/30	0/100		
1894	Trần Lê Thùy	Dương	1895	Nữ	24	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Khánh Hòa				46/60	20/30	81.5/100		
1895	Bùi Anh	Duy	1896	Nam	12	8	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh				0/60	0/30	0/100		
1896	Đoàn Lê Minh	Duy	1897	Nam	19	8	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						33/60	26/30	68.5/100		
1897	Huỳnh Tôn Ngọc	Duy	1898	Nam	19	9	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						37/60	14/30	0/100		
1898	Nguyễn Anh	Duy	1899	Nam	28	3	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						33/60	18/30	82/100		
1899	Nguyễn Phước	Duy	1900	Nam	8	5	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						44/60	22/30	64.5/100		
1900	Nguyễn Thanh	Duy	1901	Nam	29	12	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						24/60	0/30	0/100	2.5	
1901	Nguyễn Xuân	Duy	1902	Nam	12	02	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						33/60	12/30	0/100		
1902	Phạm Anh	Duy	1903	Nam	27	9	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						43/60	13/30	0/100		
1903	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	1904	Nữ	2	1	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng					31/60	11/30	0/100		
1904	Phạm Thị Mỹ	Duyên	1905	Nữ	5	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						26/60	21/30	0/100		
1905	Cao Thị Kiều	Giang	1906	Nữ	29	4	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					30/60	15/30	57/100		
1906	Chế Nguyễn Hà	Giang	1907	Nữ	4	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Khánh Hòa					41/60	27/30	84.5/100		
1907	Dương Hồ Phương	Giang	1908	Nữ	21	1	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					45/60	23/30	82/100		
1908	Hồ Hương	Giang	1909	Nữ	21	11	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Lâm Đồng				23/60	20/30	0/100		
1909	Nguyễn Trần Hương	Giang	1910	Nữ	27	8	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng					30/60	14/30	0/100		
1910	Trần Nguyễn Thanh	Giang	1911	Nữ	16	2	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						48/60	24/30	80/100		
1911	Trần Thị Lệ	Giang	1912	Nữ	25	9	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh An Giang				28/60	0/30	0/100		
1912	Cao Vũ Thanh	Hà	1913	Nữ	12	10	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						31/60	28/30	77/100		
1913	Huỳnh Ngọc	Hà	1914	Nữ	8	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						33/60	22/30	53/100		
1914	Nguyễn Khánh	Hà	1915	Nữ	01	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Hà Nội				33/60	19/30	66.5/100		
1915	Nguyễn Thị Hồng	Hà	1916	Nữ	20	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						41/60	15/30	75.5/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
1916	Trần Hải	Hà	1917	Nam	20	1	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						38/60	16/30	79.5/100		
1917	Trần Thị Thu	Hà	1918	Nữ	1	8	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						39/60	20/30	80.5/100		
1918	Vũ Nguyệt	Hà	1919	Nữ	03	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						39/60	19/30	93/100		
1919	Vương Thanh	Hà	1920	Nữ	29	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						36/60	18/30	63.5/100	5	
1920	Đỗ Thị Du	Hạ	1921	Nữ	27	10	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						36/60	13/30	0/100		
1921	Trần Lê Ngọc	Hạ	1922	Nữ	20	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						45/60	24/30	75.5/100		
1922	Nguyễn Hoàng	Hải	1923	Nam	11	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						31/60	6/30	0/100		
1923	Nguyễn Lý	Hải	1924	Nam	07	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng					46/60	17/30	86/100		
1924	Nguyễn Thị	Hải	1925	Nữ	7	6	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh					35/60	14/30	0/100		
1925	Phan Thị Thanh	Hải	1926	Nữ	21	12	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						29/60	0/30	0/100		
1926	Trần Minh	Hải	1927	Nam	29	12	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Nai				29/60	0/30	0/100	2.5	
1927	Huỳnh Phương Gia	Hân	1928	Nữ	4	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	Cục Quản lý THADS				37/60	27/30	81.5/100		
1928	Nguyễn Lê Xuân	Hân	1929	Nữ	06	2	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						38/60	23/30	69.5/100		
1929	Nguyễn Thị Kim	Hân	1930	Nữ	19	2	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp					35/60	22/30	90.5/100		
1930	Phan Thị Mỹ	Hân	1931	Nữ	16	3	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Đà Nẵng				44/60	20/30	87.5/100		
1931	Trần Cao Ngọc	Hân	1932	Nữ	31	5	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Tây Ninh				41/60	16/30	70/100		
1932	Vũ Ngọc Bảo	Hân	1933	Nữ	28	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						30/60	18/30	73.5/100		
1933	Huỳnh Thị Mỹ	Hằng	1934	Nữ	16	1	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Tây Ninh				42/60	29/30	59.5/100		
1934	Khuất Diệu	Hằng	1935	Nữ	13	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng					45/60	25/30	80/100		
1935	Lê Thị Cẩm	Hằng	1936	Nữ	20	9	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp				35/60	15/30	63/100		
1936	Nguyễn Thị	Hằng	1937	Nữ	8	7	2004	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						46/60	21/30	74/100		
1937	Phạm Thị	Hằng	1938	Nữ	7	7	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Hà Nội				47/60	26/30	71/100		
1938	Phạm Thị Thu	Hằng	1939	Nữ	16	8	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						46/60	26/30	87/100		
1939	Phùng Thị Thanh	Hằng	1940	Nữ	23	8	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh				46/60	28/30	76/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghệ vụ chuyên ngành		
1940	Vũ Ngọc Mỹ	Hằng	1941	Nữ	18	11	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						35/60	15/30	71/100		
1941	Đặng Hồng	Hạnh	1942	Nữ	26	6	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Đắk Lắk				26/60	11/30	0/100		
1942	Đỗ Thị Mỹ	Hạnh	1943	Nữ	17	11	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						41/60	22/30	90.5/100		
1943	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	1944	Nữ	1	6	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						36/60	30/30	95.5/100		
1944	Đặng Minh	Hào	1945	Nam	08	10	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Đà Nẵng			51/60	28/30	94.5/100		
1945	Nguyễn Thị Ngọc	Hào	1946	Nữ	12	5	2004	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						34/60	25/30	63/100		
1946	Đào Lê Trọng	Hậu	1947	Nam	25	11	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long				32/60	21/30	55/100		
1947	Đạt Xuân	Hậu	1948	Nam	2	1	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Khánh Hòa					0/60	0/30	0/100	5	
1948	Nguyễn Minh	Hậu	1949	Nam	14	5	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						36/60	22/30	60/100		
1949	Trần Đình	Hậu	1950	Nam	21	2	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đồng Nai				30/60	7/30	0/100		
1950	Võ Phúc	Hậu	1951	Nam	1	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Tây Ninh			0/60	0/30	0/100		
1951	Lê Hoàng Thu	Hiền	1952	Nữ	21	10	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Đồng Nai				34/60	19/30	74.5/100		
1952	Lê Thúy	Hiền	1953	Nữ	25	1	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh				25/60	21/30	0/100		
1953	Lưu Thị Thu	Hiền	1954	Nữ	18	3	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Gia Lai				0/60	0/30	0/100		
1954	Nguyễn Thị Thu	Hiền	1955	Nữ	13	10	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp				45/60	24/30	88/100		
1955	Nguyễn Thu	Hiền	1956	Nữ	15	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Hưng Yên					40/60	20/30	90/100		
1956	Trương Thuý	Hiền	1957	Nữ	21	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh				48/60	28/30	92/100		
1957	Lê Khắc	Hiền	1958	Nam	01	12	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						30/60	20/30	75.5/100		
1958	Trần Thị Ngọc	Hiền	1959	Nữ	15	8	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						35/60	24/30	85.5/100		
1959	Dương Đình	Hiếu	1960	Nam	20	2	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng					33/60	19/30	74/100		
1960	Ngô Quang	Hiếu	1961	Nam	10	9	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					39/60	20/30	84.5/100		
1961	Nguyễn Trọng	Hiếu	1962	Nam	6	1	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						37/60	15/30	77/100		
1962	Phan Thanh	Hiếu	1963	Nam	1	3	1990	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						22/60	0/30	0/100		
1963	Trần Châu Trung	Hiếu	1964	Nam	7	10	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					31/60	17/30	73.5/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
1964	Trần Chí	Hiếu	1965	Nam	4	1	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						30/60	8/30	0/100		
1965	Võ Minh	Hiếu	1966	Nam	19	6	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Đắk Lắk				41/60	28/30	91.5/100		
1966	Đoàn Thị Thúy	Hoa	1967	Nữ	8	9	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						43/60	26/30	73.5/100		
1967	Phùng Thị Thanh	Hoa	1968	Nữ	3	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh					43/60	22/30	73.5/100		
1968	Trần Kim Mỹ	Hòa	1969	Nữ	21	9	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đắk Lắk					36/60	18/30	78/100		
1969	Trịnh Hải	Hòa	1970	Nam	5	8	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Quảng Ngãi				37/60	25/30	74.5/100		
1970	Nguyễn Thanh	Hoài	1971	Nữ	1	1	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						33/60	22/30	65.5/100		
1971	Trần Nhật	Hoài	1972	Nam	9	12	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						31/60	13/30	0/100		
1972	Trương Quang	Hoài	1973	Nam	21	10	1986	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Nai				27/60	28/30	0/100		
1973	Đặng Minh	Hoàng	1974	Nam	16	2	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					20/60	0/30	0/100		
1974	Đỗ Nguyên	Hoàng	1975	Nam	1	4	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						44/60	26/30	73.5/100		
1975	Lê Minh	Hoàng	1976	Nam	20	10	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Gia Lai	Có 10 nguyên vọng	35/60	18/30	59.5/100	2.5	
1976	Lê Võ Đại	Hoàng	1977	Nam	04	7	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp				45/60	25/30	96/100		
1977	Nguyễn Duy	Hoàng	1978	Nam	11	4	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh					33/60	28/30	50/100		
1978	Nguyễn Minh	Hoàng	1979	Nam	21	1	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Nai				35/60	8/30	0/100		
1979	Trương Minh	Hoàng	1980	Nam	28	8	1990	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						45/60	19/30	81.5/100		
1980	Phan Thế	Hội	1981	Nam	4	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						0/60	0/30	0/100		
1981	Lý Kim	Hồng	1982	Nữ	30	6	1984	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh					19/60	0/30	0/100	5	
1982	Trần Thị	Hồng	1983	Nữ	8	1	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Lâm Đồng				39/60	14/30	0/100		
1983	Vũ Thị	Hồng	1984	Nữ	7	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Hà Nội					47/60	22/30	74.5/100		
1984	Lê Thị	Hợp	1985	Nữ	23	2	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Đắk Lắk				41/60	22/30	74/100		
1985	Lư Minh	Hu	1986	Nam	7	1	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Tây Ninh				47/60	22/30	89.5/100	5	
1986	Lò Thị Thanh	Tuệ	1987	Nữ	25	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						52/60	27/30	74/100	5	

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghệ vụ chuyên ngành		
1987	Trần Thị Thanh	Huệ	1988	Nữ	30	4	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Cà Mau				32/60	16/30	68/100		
1988	Lê Quang	Hùng	1989	Nam	19	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh				46/60	21/30	85/100		
1989	Nhâm Quân	Hùng	1990	Nam	13	11	1982	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						30/60	8/30	0/100		
1990	Phạm Quốc	Hùng	1991	Nam	25	2	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Lâm Đồng				22/60	13/30	0/100		
1991	Nguyễn Nhật Long	Hùng	1992	Nam	23	2	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						36/60	13/30	0/100		
1992	Trần Duy	Hùng	1993	Nam	23	1	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Đà Nẵng				39/60	20/30	80.5/100		
1993	Lý Mỹ	Hương	1994	Nữ	22	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Vĩnh Long				43/60	26/30	69/100	5	
1994	Nguyễn Mai	Hương	1995	Nữ	2	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Đồng Nai				35/60	29/30	81.5/100		
1995	Nguyễn Thị	Hương	1996	Nữ	19	1	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						41/60	14/30	0/100		
1996	Nguyễn Thị Kim	Hương	1997	Nữ	3	7	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp					52/60	21/30	92/100		
1997	Nguyễn Thị Lan	Hương	1998	Nữ	2	3	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						24/60	0/30	0/100		
1998	Nguyễn Thị Thu	Hương	1999	Nữ	8	10	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh					34/60	10/30	0/100		
1999	Nguyễn Trịnh Thanh	Hương	2000	Nữ	5	10	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						39/60	28/30	71.5/100		
2000	Phạm Thị Thiên	Hương	2001	Nữ	13	1	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						44/60	27/30	78/100		
2001	Phan Thị Quỳnh	Hương	2002	Nữ	15	11	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh					35/60	20/30	65/100		
2002	Phan Thị Thu	Hương	2003	Nữ	8	10	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						42/60	13/30	0/100		
2003	Thái Ngọc	Hương	2004	Nữ	10	2	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						34/60	17/30	58.5/100		
2004	Đặng Thị	Hường	2005	Nữ	20	6	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						0/60	0/30	0/100		
2005	Hồ Si	Huy	2006	Nam	2	8	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						23/60	0/30	0/100		
2006	La Thanh	Huy	2007	Nam	17	10	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Khánh Hòa				44/60	14/30	0/100		
2007	Mai Nguyễn Gia	Huy	2008	Nam	8	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Đà Nẵng				26/60	10/30	0/100		
2008	Nguyễn Đình	Huy	2009	Nam	21	9	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						28/60	0/30	0/100		
2009	Nguyễn Quốc	Huy	2010	Nam	21	2	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long				36/60	18/30	85/100		
2010	Nguyễn Văn	Huy	2011	Nam	20	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Đà Nẵng				48/60	19/30	95.5/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển							Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành			
2011	Phan Văn	Huy	2012	Nam	1	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Đà Nẵng					42/60	14/30	0/100			
2012	Huỳnh Hồ Ngọc	Huyền	2013	Nữ	12	6	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Cần Thơ		38/60	18/30	65/100			
2013	Lại Thị Ngọc	Huyền	2014	Nữ	24	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Đà Nẵng				36/60	13/30	0/100			
2014	Lê Dương Khánh	Huyền	2015	Nữ	21	5	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						0/60	0/30	0/100			
2015	Mai Thu	Huyền	2016	Nữ	15	9	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						44/60	23/30	78/100			
2016	Nguyễn Dương Khánh	Huyền	2017	Nữ	2	9	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						40/60	16/30	78/100			
2017	Nguyễn Thị Thương	Huyền	2018	Nữ	15	6	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					23/60	0/30	0/100			
2018	Phan Thị Ngọc	Huyền	2019	Nữ	29	9	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						45/60	20/30	83/100			
2019	Phan Thị Ngọc	Huyền	2020	Nữ	14	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						28/60	0/30	0/100			
2020	Tạ Trường	Kha	2021	Nam	11	9	1985	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						33/60	10/30	0/100			
2021	Trần Lê Quốc	Khải	2022	Nam	14	1	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Gia Lai				24/60	0/30	0/100			
2022	Trần Quang	Khải	2023	Nam	3	10	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ			55/60	26/30	94.5/100			
2023	Đoàn Hoàng	Khang	2024	Nam	13	9	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Cà Mau				41/60	10/30	0/100			
2024	Nguyễn Hữu	Khang	2025	Nam	3	4	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long				0/60	0/30	0/100			
2025	Lâu Văn	Khanh	2026	Nam	12	9	1990	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						21/60	0/30	0/100	2.5		
2026	Lương Xuân	Khánh	2027	Nam	25	4	1984	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Tây Ninh				31/60	19/30	66.5/100	2.5		
2027	Nguyễn Minh	Khánh	2028	Nữ	31	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						40/60	24/30	86/100			
2028	Phạm Trần Văn	Khánh	2029	Nữ	11	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						36/60	24/30	64/100			
2029	Nguyễn Thanh Đăng	Khoa	2030	Nam	13	5	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Nai				48/60	25/30	87.5/100			
2030	Trần Anh	Khoa	2031	Nam	16	6	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Nai				40/60	10/30	0/100			
2031	Nguyễn Minh	Khôi	2032	Nam	19	3	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Nai				41/60	22/30	59.5/100			
2032	Phạm Tuấn	Khôi	2033	Nam	30	12	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Khánh Hòa					37/60	14/30	0/100			
2033	Võ Thanh Tuấn	Khôi	2034	Nam	19	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp					43/60	21/30	84.5/100			
2034	Nguyễn Hoàng Đan	Khuyên	2035	Nữ	15	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						31/60	25/30	78/100			

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
2035	Đình Trung	Kiên	2036	Nam	29	4	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						22/60	11/30	0/100	2.5	
2036	Huỳnh Trung	Kiên	2037	Nam	30	7	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						42/60	18/30	68/100		
2037	Nguyễn Mạnh	Kiên	2038	Nam	22	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Quảng Ngãi					31/60	22/30	63.5/100		
2038	Nguyễn Tân	Kiên	2039	Nam	21	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Quảng Ngãi	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Đồng Nai			33/60	25/30	80.5/100		
2039	Nguyễn Tấn	Kiệt	2040	Nam	30	11	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						25/60	0/30	0/100	2.5	
2040	Phan Hào	Kiệt	2041	Nam	9	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						46/60	29/30	83/100		
2041	Bùi Thị	Kiều	2042	Nữ	5	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Gia Lai					27/60	0/30	0/100		
2042	Nguyễn Thị Tuyết	Kiều	2043	Nữ	25	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						35/60	12/30	0/100		
2043	Đỗ Nguyễn Thiên	Kim	2044	Nữ	12	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng					26/60	0/30	0/100		
2044	Nguyễn Phạm Thiên	Kim	2045	Nữ	18	6	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						42/60	11/30	0/100		
2045	Đào Ngọc	Lam	2046	Nữ	24	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					32/60	26/30	61/100		
2046	Trần Thụy Hồng	Lam	2047	Nữ	25	12	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Khánh Hòa					42/60	23/30	83.5/100		
2047	Võ Hoàng	Lam	2048	Nam	20	2	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Vĩnh Long				42/60	17/30	69.5/100		
2048	Võ Hoàng	Lâm	2049	Nam	15	9	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						37/60	13/30	0/100		
2049	Bùi Thị Trúc	Lan	2050	Nữ	30	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh					36/60	18/30	80/100		
2050	Hồ Tâm Thúy	Lan	2051	Nữ	6	9	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Gia Lai				42/60	25/30	75.5/100		
2051	Sử Phương	Lan	2052	Nữ	9	4	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						40/60	10/30	0/100		
2052	Trần Thị Thanh	Lan	2053	Nữ	16	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						37/60	18/30	67.5/100		
2053	Vũ Hoàng	Lân	2054	Nam	8	7	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Bắc Ninh			39/60	14/30	0/100		
2054	Nguyễn Chánh	Liêm	2055	Nam	26	7	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp					45/60	22/30	85/100		
2055	Bùi Thị Thuý	Linh	2056	Nữ	2	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đắk Lắk				34/60	16/30	53.5/100		
2056	Đỗ Phương	Linh	2057	Nữ	17	4	1990	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Lâm Đồng				25/60	0/30	0/100		
2057	Đỗ Trúc	Linh	2058	Nữ	24	2	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh					43/60	22/30	93/100		
2058	Dương Ngọc	Linh	2059	Nữ	4	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh				26/60	22/30	0/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghệ vụ chuyên ngành		
2059	Hà Thu	Linh	2060	Nữ	28	8	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						38/60	21/30	86.5/100		
2060	Hồ Thị	Linh	2061	Nữ	27	7	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Nghệ An				39/60	17/30	76/100		
2061	Hồ Thị Mỹ	Linh	2062	Nữ	20	10	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						31/60	15/30	55.5/100		
2062	Lê Thị Mỹ	Linh	2063	Nữ	25	3	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						38/60	22/30	67/100		
2063	Lê Thị Thủy	Linh	2064	Nữ	2	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					36/60	24/30	60.5/100		
2064	Lê Thị Thủy	Linh	2065	Nữ	22	3	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						29/60	20/30	0/100		
2065	Nguyễn Thị Au	Linh	2066	Nữ	29	9	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Lâm Đồng				45/60	20/30	84/100		
2066	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	2067	Nữ	22	11	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh			0/60	0/30	0/100		
2067	Trần Thị	Linh	2068	Nữ	21	1	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						0/60	0/30	0/100		
2068	Vũ Ngọc Yến	Linh	2069	Nữ	5	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					44/60	19/30	71/100		
2069	Nguyễn Thị Hồng	Loan	2070	Nữ	6	6	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh					37/60	16/30	66.5/100		
2070	Phan Thị	Loan	2071	Nữ	13	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Đà Nẵng					31/60	16/30	56.5/100		
2071	Bùi Hữu	Lộc	2072	Nam	21	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp				31/60	14/30	0/100	5	
2072	Mai Tiến	Lộc	2073	Nam	23	11	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						37/60	14/30	0/100		
2073	Nguyễn Lê Thành	Lộc	2074	Nam	21	10	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đồng Nai				38/60	16/30	86.5/100		
2074	Hồ Văn	Lợi	2075	Nam	9	5	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh An Giang				34/60	21/30	89.5/100		
2075	Nguyễn Thị Ngọc	Lợi	2076	Nữ	14	1	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						0/60	0/30	0/100	5	
2076	Trần Phạm Ngọc	Lợi	2077	Nam	6	3	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						35/60	16/30	69/100		
2077	Đào Thanh	Long	2078	Nam	27	4	1978	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ	Có 06 nguyên vọng	48/60	27/30	80/100		
2078	Trần Thị Mai	Long	2079	Nữ	22	4	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						42/60	28/30	72/100		
2079	Châu Minh	Luân	2080	Nam	12	1	1985	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						34/60	17/30	69.5/100		
2080	Hồ Phúc	Luân	2081	Nam	13	12	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						31/60	24/30	63/100		
2081	Lê Thị Cẩm	Ly	2082	Nữ	24	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Đà Nẵng					38/60	26/30	55/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
2082	Nguyễn Thị Mai	Ly	2083	Nữ	11	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						24/60	0/30	0/100		
2083	Nguyễn Thị Thảo	Ly	2084	Nữ	06	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						32/60	20/30	65.5/100		
2084	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	2085	Nữ	5	5	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						34/60	13/30	0/100	5	
2085	Nguyễn Trần Bạch	Mai	2086	Nữ	21	6	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						32/60	15/30	66/100		
2086	Nguyễn Trúc	Mai	2087	Nữ	25	6	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh An Giang				52/60	19/30	88.5/100		
2087	Nguyễn Trần Xuân	Mai	2088	Nữ	14	10	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh				48/60	20/30	93/100		
2088	Nguyễn Hoàng	Mãn	2089	Nam	17	02	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						39/60	19/30	60/100		
2089	Nguyễn Thanh	Mạnh	2090	Nam	17	1	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						34/60	19/30	60/100		
2090	Nguyễn Thị Du	Mi	2091	Nữ	01	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh				40/60	12/30	0/100		
2091	Lâm Cao	Minh	2092	Nữ	17	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						33/60	17/30	53.5/100		
2092	Lâm Phạm Yến	Minh	2093	Nữ	18	6	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						44/60	15/30	86/100		
2093	Võ Ngọc	Minh	2094	Nữ	25	4	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Quảng Ngãi				45/60	29/30	78.5/100		
2094	Đặng Hữu Hùng	Minh	2095	Nam	23	2	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Đà Nẵng				0/60	0/30	0/100		
2095	Hà	My	2096	Nữ	11	5	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						32/60	15/30	65.5/100	5	
2096	Lê Ngọc	My	2097	Nữ	3	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Nai				43/60	13/30	0/100		
2097	Lê Thị Hoài	My	2098	Nữ	5	1	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					39/60	17/30	88/100		
2098	Lê Thị Trà	My	2099	Nữ	19	2	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hải Phòng	THADS TP. Cần Thơ	Có 06 nguyên vọng	40/60	21/30	93/100		
2099	Nguyễn Diệu	My	2100	Nữ	3	1	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						44/60	23/30	85.5/100		
2100	Nguyễn Trà	My	2101	Nữ	24	12	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						38/60	24/30	55/100		
2101	Lê Thị Hồng	Mỹ	2102	Nữ	9	9	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Lâm Đồng				44/60	16/30	82/100		
2102	Hồ Hải	Nam	2103	Nam	3	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						31/60	15/30	71/100		
2103	Nguyễn Hoàng	Nam	2104	Nam	17	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						37/60	22/30	82/100		
2104	Nguyễn Xuân	Nam	2105	Nam	09	2	1987	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						43/60	20/30	66/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển							Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghệ vụ chuyên ngành			
2105	Phạm Nguyễn An	Nam	2106	Nữ	17	12	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					30/60	24/30	64.5/100			
2106	Phạm Thị	Nga	2107	Nữ	18	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Gia Lai	Có 06 nguyện vọng	42/60	21/30	78.5/100			
2107	Hoàng Thị Kim	Ngân	2108	Nữ	8	5	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						47/60	28/30	91.5/100			
2108	Lê Nguyễn Hoàng	Ngân	2109	Nữ	1	10	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh				29/60	18/30	0/100			
2109	Lương Thanh	Ngân	2110	Nữ	12	6	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						37/60	12/30	0/100			
2110	Lương Thị Thúy	Ngân	2111	Nữ	09	01	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					42/60	19/30	82/100			
2111	Ngô Thị Thanh	Ngân	2112	Nữ	25	6	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp					25/60	0/30	0/100			
2112	Nguyễn Kim	Ngân	2113	Nữ	20	10	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						35/60	18/30	67/100			
2113	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	2114	Nữ	21	11	2004	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Đà Nẵng					23/60	0/30	0/100			
2114	Nguyễn Thu	Ngân	2115	Nữ	25	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Nai				35/60	14/30	0/100			
2115	Nguyễn Thùy Kim	Ngân	2116	Nữ	20	8	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Nai				30/60	13/30	0/100			
2116	Phạm Hứa Trinh	Ngân	2117	Nữ	27	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Nai				51/60	21/30	77.5/100			
2117	Phạm Thị Kiều	Ngân	2118	Nữ	13	9	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						37/60	18/30	59/100			
2118	Trần Ngọc Thanh	Ngân	2119	Nữ	14	9	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						28/60	0/30	0/100			
2119	Trương Ái	Ngân	2120	Nữ	22	12	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						41/60	13/30	0/100			
2120	Trương Lê Thanh	Ngân	2121	Nữ	13	7	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Nai				30/60	16/30	56/100			
2121	Lâm Phương	Nghi	2122	Nữ	7	5	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh					38/60	17/30	77/100			
2122	Trịnh Ngọc Xuân	Nghi	2123	Nữ	29	1	2004	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						31/60	12/30	0/100			
2123	Phan Huệ	Nghiêm	2124	Nam	5	8	1979	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh				37/60	20/30	77.5/100			
2124	Đinh Hồng	Ngọc	2125	Nữ	3	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						42/60	19/30	75/100			
2125	Đỗ Bảo	Ngọc	2126	Nữ	2	6	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						46/60	19/30	77.5/100			
2126	Hà Thị Minh	Ngọc	2127	Nữ	14	2	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						35/60	18/30	67.5/100	5		
2127	Huỳnh Trần Thanh	Ngọc	2128	Nữ	5	7	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						41/60	24/30	89.5/100			

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển							Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành			
2128	Lê Hồng	Ngọc	2129	Nam	4	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					38/60	21/30	81.5/100			
2129	Lê Thị	Ngọc	2130	Nữ	29	7	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Đà Nẵng	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Lâm Đồng	Có 09 nguyện vọng	30/60	18/30	77/100			
2130	Lưu Minh	Ngọc	2131	Nam	6	9	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Khánh Hòa					37/60	17/30	82/100			
2131	Ngô Thị Hồng	Ngọc	2132	Nữ	10	2	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Hà Nội	THADS tỉnh Tây Ninh				51/60	21/30	91/100			
2132	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	2133	Nữ	28	3	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Cà Mau					42/60	18/30	75.5/100			
2133	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	2134	Nữ	3	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						38/60	15/30	63.5/100			
2134	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	2135	Nữ	15	9	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					24/60	0/30	0/100			
2135	Nguyễn Văn	Ngọc	2136	Nữ	12	3	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh				41/60	0 Không ký	0/100			
2136	Nguyễn Ý	Ngọc	2137	Nữ	26	10	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						48/60	25/30	71/100			
2137	Phạm Trần Mai	Ngọc	2138	Nữ	13	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	Cục Quản lý THADS	THADS tỉnh Quảng Ninh				39/60	21/30	84/100			
2138	Võ Thị Bích	Ngọc	2139	Nữ	28	10	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						32/60	25/30	71/100			
2139	Hồ Lê Thảo	Nguyễn	2140	Nữ	17	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						0/60	0/30	0/100			
2140	Cao Văn	Nhã	2141	Nam	17	1	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Gia Lai					41/60	21/30	81.5/100			
2141	Nguyễn Trương	Nhã	2142	Nữ	17	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Quảng Ngãi					31/60	16/30	78/100			
2142	Nguyễn Hoàng Thanh	Nhã	2143	Nữ	18	1	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ					33/60	14/30	0/100			
2143	Nguyễn Thị	Nhàn	2144	Nữ	26	2	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đắk Lắk					40/60	20/30	92.5/100			
2144	Bùi Thị Mai	Nhàn	2145	Nữ	07	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						36/60	20/30	75.5/100			
2145	Nguyễn Thành	Nhàn	2146	Nam	13	8	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp				29/60	0/30	0/100			
2146	Nguyễn Đoàn Quang	Nhật	2147	Nam	10	12	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Gia Lai					24/60	0/30	0/100			
2147	Nguyễn Thái	Nhật	2148	Nam	24	1	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh				26/60	22/30	0/100			
2148	Trần Hồng	Nhật	2149	Nam	19	10	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh				46/60	26/30	94/100			
2149	Trần Quang Minh	Nhật	2150	Nam	11	5	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						38/60	25/30	67.5/100			
2150	Lê Trần Quang	Nhật	2151	Nam	9	8	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long				33/60	9/30	0/100			

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
2151	Đỗ Hạnh Yến	Nhi	2152	Nữ	10	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						31/60	21/30	49.5/100	5	
2152	Đoàn Uyên	Nhi	2153	Nữ	8	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng					45/60	25/30	84/100		
2153	Dương Ngọc	Nhi	2154	Nữ	15	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Tây Ninh			48/60	21/30	88.5/100		
2154	Dương Ngọc Yến	Nhi	2155	Nữ	14	2	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						29/60	16/30	0/100		
2155	Nguyễn Gia Yến	Nhi	2156	Nữ	19	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						44/60	21/30	69/100		
2156	Nguyễn Ngọc Bảo	Nhi	2157	Nữ	11	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Nai				30/60	25/30	73.5/100		
2157	Nguyễn Thị Bình	Nhi	2158	Nữ	8	2	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh An Giang					35/60	17/30	87.5/100		
2158	Nguyễn Thị Phương	Nhi	2159	Nữ	23	11	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Cần Thơ				39/60	22/30	78.5/100		
2159	Trần Thị Yến	Nhi	2160	Nữ	19	2	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ					50/60	19/30	90/100		
2160	Trần Yến	Nhi	2161	Nữ	10	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						35/60	24/30	84.5/100		
2161	Trương Uyên	Nhi	2162	Nữ	17	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						48/60	23/30	90/100		
2162	Võ Huỳnh Tuyết	Nhi	2163	Nữ	10	7	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						43/60	26/30	59/100		
2163	Vũ Thị Yến	Nhi	2164	Nữ	8	8	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						56/60	22/30	96/100		
2164	Đỗ Lê	Nhớ	2165	Nam	7	7	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đồng Nai				37/60	16/30	80/100	2.5	
2165	Nguyễn Thị Hồng	Nhu	2166	Nữ	02	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	Có 09 nguyện vọng	39/60	20/30	78.5/100		
2166	Đỗ Phúc Phụng	Như	2167	Nữ	5	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Khánh Hòa					58/60	28/30	87.5/100		
2167	Lê Thảo	Như	2168	Nữ	9	9	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh An Giang					36/60	30/30	68.5/100		
2168	Lê Thị Tuyết	Như	2169	Nữ	5	5	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						37/60	19/30	69/100		
2169	Nguyễn Bùi Ánh	Như	2170	Nữ	15	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						37/60	20/30	88.5/100		
2170	Nguyễn Quỳnh	Như	2171	Nữ	23	6	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Vĩnh Long				28/60	16/30	0/100		
2171	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	2172	Nữ	21	4	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						30/60	0 Không ký	0/100		
2172	Phạm Hồng	Như	2173	Nữ	17	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						26/60	0/30	0/100		
2173	Tổng Thị Huỳnh	Như	2174	Nữ	18	8	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ				40/60	20/30	76.5/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
2174	Trần Lâm Tâm	Như	2175	Nữ	2	1	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					41/60	21/30	83.5/100		
2175	Trần Thị Quỳnh	Như	2176	Nữ	30	1	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Hà Nội	THADS TP. Đà Nẵng				32/60	10/30	0/100		
2176	Huỳnh Khánh	Như	2177	Nữ	19	2	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						45/60	21/30	78/100	5	
2177	Trương Thị Tố	Như	2178	Nữ	3	4	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Vĩnh Long		37/60	12/30	0/100		
2178	Đoàn Minh	Nhựt	2179	Nam	5	7	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						29/60	0/30	0/100	2.5	
2179	Lê Vũ Kiều	Oanh	2180	Nữ	22	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						42/60	15/30	73/100		
2180	Phan Thị Kim	Oanh	2181	Nữ	10	2	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Cà Mau					33/60	19/30	59.5/100		
2181	Phan Thị Yến	Oanh	2182	Nữ	23	1	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp					32/60	18/30	73.5/100		
2182	Trần Công	Pha	2183	Nam	5	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Tây Ninh				28/60	0/30	0/100		
2183	Hoàng Tiến	Phát	2184	Nam	17	5	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						46/60	28/30	90/100		
2184	Lê Công Tấn	Phát	2185	Nam	5	1	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Cần Thơ				0/60	0/30	0/100		
2185	Đỗ Nhật	Phong	2186	Nam	30	9	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						0/60	0/30	0/100		
2186	Huỳnh Tấn	Phong	2187	Nam	4	1	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Cần Thơ			42/60	21/30	77.5/100		
2187	Nguyễn Khánh	Phú	2188	Nam	9	6	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						46/60	17/30	74/100		
2188	Phạm Quang	Phú	2189	Nam	4	12	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Vĩnh Long				45/60	16/30	66.5/100		
2189	Lê Nguyễn Hồng	Phúc	2190	Nữ	10	11	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						32/60	22/30	62.5/100		
2190	Nguyễn Thanh	Phúc	2191	Nữ	6	12	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						51/60	30/30	85/100		
2191	Võ Thanh	Phúc	2192	Nam	20	10	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						36/60	12/30	0/100		
2192	Phan Trọng	Phúc	2193	Nam	21	1	1986	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					39/60	23/30	95.5/100	5	
2193	Đặng Kim	Phụng	2194	Nữ	13	1	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						37/60	24/30	82.5/100		
2194	Trần Thanh	Phụng	2195	Nam	26	5	1988	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						31/60	19/30	46/100	5	
2195	Thái Minh	Phương	2196	Nam	1	8	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						33/60	15/30	52/100	5	
2196	Dương Bình	Phương	2197	Nam	14	8	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh					30/60	26/30	87/100		
2197	Hồ Hà	Phương	2198	Nữ	18	5	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						50/60	27/30	90.5/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyễn vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyễn vọng 1	Nguyễn vọng 2	Nguyễn vọng 3	Nguyễn vọng 4	Nguyễn vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
2198	La Ngọc Uyên	Phương	2199	Nữ	22	3	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						38/60	14/30	0/100		
2199	Lê Hà Nguyên	Phương	2200	Nữ	1	2	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						38/60	28/30	61/100		
2200	Nguyễn Hoàng Nam	Phương	2201	Nữ	26	2	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						29/60	0/30	0/100		
2201	Nguyễn Thị Lan	Phương	2202	Nữ	9	10	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Nai				39/60	25/30	94.5/100		
2202	Nguyễn Việt	Phương	2203	Nữ	20	10	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						24/60	23/30	0/100		
2203	Trịnh Bích	Phương	2204	Nữ	7	2	2004	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Khánh Hòa					45/60	17/30	79.5/100		
2204	Dương Thị Ngọc	Phượng	2205	Nữ	7	7	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						32/60	19/30	54.5/100		
2205	Lương Vũ Hoàng	Phượng	2206	Nữ	23	05	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Gia Lai					45/60	19/30	80/100		
2206	Trương Minh	Quân	2207	Nam	18	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng					47/60	30/30	88.5/100		
2207	Lâm Mai Nhứt	Quang	2208	Nam	28	10	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Nai				37/60	12/30	0/100		
2208	Võ Thanh	Quốc	2209	Nam	2	1	1983	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						38/60	16/30	76.5/100		
2209	Nguyễn Hoàng	Quyên	2210	Nữ	26	6	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Quảng Ngãi				38/60	22/30	81.5/100		
2210	Trần Thị	Quyên	2211	Nữ	10	9	1984	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						36/60	12/30	0/100		
2211	Võ Thị Kim	Quyên	2212	Nữ	30	9	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Tây Ninh				44/60	13/30	0/100		
2212	Nguyễn Thị	Quỳnh	2213	Nữ	16	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Khánh Hòa					44/60	25/30	77.5/100		
2213	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	2214	Nữ	2	1	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Đắk Lắk				31/60	16/30	65/100		
2214	Phạm Ngọc Diễm	Quỳnh	2215	Nữ	16	1	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Nai				34/60	28/30	73/100		
2215	Trần Thị Diễm	Quỳnh	2216	Nữ	4	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						38/60	20/30	76/100		
2216	Trịnh Khánh	Quỳnh	2217	Nữ	10	8	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đắk Lắk					31/60	23/30	75.5/100		
2217	Huỳnh Văn Tấn	Sang	2218	Nam	19	7	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						41/60	19/30	70.5/100		
2218	Phan Kim	Sang	2219	Nữ	3	4	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						42/60	13/30	0/100		
2219	Trịnh Thanh	Sang	2220	Nam	20	3	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						39/60	19/30	59/100		
2220	Trần Văn	Sáng	2221	Nam	18	1	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Hà Tĩnh				34/60	14/30	0/100		
2221	Nghiêm Hoàng	Son	2222	Nam	13	2	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						33/60	14/30	0/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
2222	Giảng A	Súa	2223	Nam	28	7	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						0/60	0/30	0/100	5	
2223	Nguyễn Ngọc	Sum	2224	Nam	17	9	1986	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Đắk Lắk				20/60	0/30	0/100		
2224	Hồ Huỳnh	Sương	2225	Nữ	25	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Cà Mau				32/60	25/30	72.5/100		
2225	Lai Thành	Tài	2226	Nam	1	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						0/60	0/30	0/100		
2226	Lê Thành	Tài	2227	Nam	10	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Nai				54/60	21/30	87.5/100		
2227	Nguyễn Thị Ngọc	Tài	2228	Nữ	1	1	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						42/60	27/30	82/100		
2228	Phan Thanh	Tài	2229	Nam	5	8	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						21/60	0/30	0/100		
2229	Trần Hữu	Tài	2230	Nam	15	1	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						35/60	9/30	0/100		
2230	Huỳnh Thanh	Tâm	2231	Nữ	28	10	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh				28/60	12/30	0/100		
2231	Châu Giang	Tân	2232	Nam	02	8	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ			46/60	27/30	87.5/100		
2232	Huỳnh Nhật	Tân	2233	Nam	10	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Cần Thơ				40/60	24/30	86.5/100		
2233	Nguyễn Minh	Tấn	2234	Nam	15	2	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						41/60	9/30	0/100	2.5	
2234	Cao Hoàng	Thái	2235	Nam	23	10	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp					30/60	15/30	71/100		
2235	Huỳnh Quang	Thái	2236	Nam	12	4	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						25/60	23/30	0/100		
2236	Dương Thị Hồng	Thắm	2237	Nữ	25	12	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Quảng Ngãi	THADS TP. Đà Nẵng				50/60	15/30	71/100		
2237	Mai Thị Hồng	Thắm	2238	Nữ	25	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp					40/60	6/30	0/100		
2238	Lý Ngọc	Thắng	2239	Nam	3	1	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh					36/60	22/30	66.5/100		
2239	Nguyễn Quang	Thắng	2240	Nam	9	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						37/60	29/30	66/100		
2240	Bùi Thiên	Thanh	2241	Nữ	26	8	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						37/60	20/30	74.5/100		
2241	Lý Thị Thu	Thanh	2242	Nữ	26	9	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Vĩnh Long					35/60	24/30	61/100		
2242	Lê Minh	Thành	2243	Nam	17	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ					47/60	15/30	61/100		
2243	Nguyễn Hiền	Thành	2244	Nam	12	7	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						31/60	16/30	60/100		
2244	Nguyễn Xuân	Thành	2245	Nam	15	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh				33/60	16/30	60.5/100		
2245	Nguyễn Thị Chí	Thạnh	2246	Nữ	20	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Khánh Hòa					35/60	17/30	74.5/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
2246	Lê Ngọc	Thảo	2247	Nam	23	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Vĩnh Long					34/60	16/30	67.5/100		
2247	Nguyễn Lê Phương	Thảo	2248	Nữ	14	2	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Lâm Đồng			21/60	22/30	0/100		
2248	Nguyễn Ngọc	Thảo	2249	Nữ	1	11	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						36/60	22/30	83.5/100		
2249	Nguyễn Thị Trúc	Thảo	2250	Nữ	24	9	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	Cục Quản lý THADS	THADS tỉnh Đồng Nai				29/60	21/30	0/100		
2250	Nguyễn Thu	Thảo	2251	Nữ	2	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						45/60	21/30	74/100		
2251	Phan Lê Minh	Thảo	2252	Nữ	7	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						29/60	20/30	0/100		
2252	Phan Thị Thu	Thảo	2253	Nữ	10	11	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh					34/60	18/30	64.5/100		
2253	Thuận Thị	Thảo	2254	Nữ	4	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						40/60	13/30	0/100	5	
2254	Trần Huỳnh Kim	Thảo	2255	Nữ	10	7	1989	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh					29/60	14/30	0/100		
2255	Trần Phương	Thảo	2256	Nữ	6	8	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Đồng Nai				33/60	23/30	64.5/100		
2256	Trần Thị Thanh	Thảo	2257	Nữ	18	7	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						32/60	20/30	59.5/100		
2257	Nguyễn Thụy Thu	Thảo	2258	Nữ	25	7	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						31/60	15/30	59.5/100	5	
2258	Phạm Xuân	Thảo	2259	Nữ	01	4	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						0/60	0/30	0/100		
2259	Phạm Kiều Đan	Thị	2260	Nữ	12	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						46/60	27/30	79.5/100		
2260	Phạm Ngọc	Thiện	2261	Nam	5	8	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Nai				40/60	17/30	75/100		
2261	Tạ Thanh	Thiện	2262	Nữ	23	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						32/60	21/30	73/100		
2262	Nguyễn Phú	Thịnh	2263	Nam	15	11	1990	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						37/60	27/30	86.5/100		
2263	Nguyễn Quốc	Thịnh	2264	Nam	16	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						38/60	22/30	75/100		
2264	Nguyễn Xuân	Thịnh	2265	Nam	31	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh				33/60	18/30	78.5/100		
2265	Trần Quang	Thịnh	2266	Nam	9	2	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh					44/60	12/30	0/100		
2266	Lê Văn	Thọ	2267	Nam	02	02	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Vĩnh Long					32/60	14/30	0/100	2.5	
2267	Phan Thị Kim	Thoa	2268	Nữ	30	1	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Tây Ninh				30/60	16/30	64.5/100		
2268	Hà Công	Thoại	2269	Nam	3	6	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh				53/60	22/30	83.5/100		
2269	Lê Quang	Thông	2270	Nam	28	7	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh				29/60	19/30	0/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
2270	Trần Đình	Thống	2271	Nam	6	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh				38/60	17/30	74.5/100		
2271	Nguyễn Lê Hà	Thu	2272	Nữ	24	9	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Đà Nẵng				52/60	26/30	97/100		
2272	Nguyễn Thị Ái	Thu	2273	Nữ	18	3	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh					39/60	21/30	92/100		
2273	Hoàng Ngọc Anh	Thư	2274	Nữ	11	3	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						33/60	17/30	64.5/100		
2274	Lê Đỗ Minh	Thư	2275	Nữ	15	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						27/60	0/30	0/100		
2275	Lê Thị Minh	Thư	2276	Nữ	16	7	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh					32/60	20/30	61.5/100		
2276	Mai Thị Hoài	Thư	2277	Nữ	16	2	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						37/60	23/30	79.5/100		
2277	Nguyễn Minh	Thư	2278	Nữ	8	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						26/60	15/30	0/100		
2278	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	2279	Nữ	25	10	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh					36/60	15/30	68.5/100		
2279	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	2280	Nữ	17	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					34/60	22/30	76/100		
2280	Nguyễn Trịnh Anh	Thư	2281	Nữ	24	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					46/60	23/30	86/100		
2281	Phạm Nguyễn Anh	Thư	2282	Nữ	11	8	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh				28/60	16/30	0/100		
2282	Phan Anh	Thư	2283	Nữ	5	10	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					39/60	24/30	89.5/100		
2283	Phan Minh	Thư	2284	Nữ	14	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh				43/60	17/30	90/100		
2284	Trần Lê Minh	Thư	2285	Nữ	25	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						32/60	18/30	57.5/100		
2285	Trần Văn	Thuật	2286	Nam	16	12	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Đồng Nai				0/60	0/30	0/100		
2286	Lâm Minh	Thức	2287	Nam	16	1	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						43/60	22/30	85/100		
2287	Dương Thị Huyền	Thương	2288	Nữ	21	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					0/60	0/30	0/100		
2288	Ngô Thị Hoài	Thương	2289	Nữ	15	8	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Đồng Nai				0/60	0/30	0/100		
2289	Phan Thị Thân	Thương	2290	Nữ	26	9	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Nai				43/60	26/30	61/100		
2290	Nguyễn Mậu Diệp	Thuy	2291	Nữ	22	3	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						31/60	23/30	81.5/100		
2291	Huỳnh Thị Thanh □	Thuy	2292	Nữ	16	9	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					24/60	18/30	0/100		
2292	Nguyễn Quan Phúc	Thuy	2293	Nam	5	1	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						37/60	15/30	73.5/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
2293	Nguyễn Diễm	Thùy	2294	Nữ	28	1	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Vĩnh Long				41/60	16/30	61.5/100		
2294	Nguyễn Thị Minh	Thùy	2295	Nữ	29	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Quảng Ngãi	THADS TP. Đà Nẵng				35/60	23/30	61/100	2.5	
2295	Nguyễn Vũ Thanh	Thùy	2296	Nữ	18	6	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						41/60	21/30	80/100		
2296	Nguyễn Hoàng Nhật	Thùy	2297	Nữ	21	3	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						39/60	19/30	85.5/100		
2297	Nguyễn Thị Bích	Thùy	2298	Nữ	29	11	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						0/60	0/30	0/100		
2298	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	2299	Nữ	5	12	1972	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh				33/60	17/30	84.5/100	5	
2299	Nguyễn Thu	Thùy	2300	Nữ	26	5	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh				23/60	0/30	0/100		
2300	Phạm Thị Thu	Thùy	2301	Nữ	20	8	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đắk Lắk					41/60	18/30	70/100		
2301	Phan Thanh	Thùy	2302	Nữ	9	8	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						0/60	0/30	0/100		
2302	Phan Thị Xuân	Thùy	2303	Nữ	24	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh				46/60	28/30	85.5/100		
2303	Nguyễn Bảo	Thy	2304	Nữ	23	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Lâm Đồng				32/60	19/30	52.5/100		
2304	Trần Thị Mai	Thy	2305	Nữ	24	11	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						34/60	9/30	0/100		
2305	Đặng Thị Thùy	Tiên	2306	Nữ	18	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						47/60	29/30	72/100		
2306	Huỳnh Ngọc Thuý	Tiên	2307	Nữ	23	8	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						37/60	25/30	72.5/100		
2307	Nguyễn Thị	Tiên	2308	Nữ	1	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						34/60	15/30	82.5/100		
2308	Nguyễn Vũ Thùy	Tiên	2309	Nữ	06	02	2004	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						28/60	16/30	0/100		
2309	Nguyễn Cao	Tiến	2310	Nam	8	8	1986	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						27/60	10/30	0/100		
2310	Nguyễn Thị Kim	Tiến	2311	Nữ	12	10	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					39/60	14/30	0/100		
2311	Trần Thanh	Tiến	2312	Nam	15	9	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						42/60	21/30	66.5/100	1.5	
2312	Trần Huỳnh Sĩ	Tiền	2313	Nam	24	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					39/60	10/30	0/100		
2313	Thống Hý	Tín	2314	Nam	7	2	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						0/60	0/30	0/100	5	
2314	Huỳnh Lê Trung	Tính	2315	Nam	6	5	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						31/60	23/30	75/100	2.5	
2315	Nguyễn Văn	Tính	2316	Nam	1	2	1983	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						47/60	22/30	90/100	5	
2316	Nguyễn Hồng Khánh	Toàn	2317	Nam	12	3	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						40/60	17/30	87/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghệ vụ chuyên ngành		
2317	Nguyễn Trọng	Toàn	2318	Nam	28	11	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Hưng Yên					32/60	15/30	82.5/100	2.5	
2318	Thạch Bá	Toàn	2319	Nam	07	01	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long				35/60	11/30	0/100	5	
2319	Châu Ngọc Bích	Trâm	2320	Nữ	27	4	1990	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						26/60	22/30	0/100		
2320	Đoàn Thị Ngọc	Trâm	2321	Nữ	13	10	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh					39/60	18/30	79.5/100		
2321	Huỳnh Ngọc Quỳnh	Trâm	2322	Nữ	16	2	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng					32/60	22/30	70.5/100		
2322	Lê Thị Tuyết	Trâm	2323	Nữ	7	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Đắk Lắk				42/60	26/30	91/100		
2323	Ngô Thị Bảo	Trâm	2324	Nữ	21	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						35/60	14/30	0/100		
2324	Nguyễn Hữu Mai	Trâm	2325	Nữ	17	1	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						42/60	24/30	90/100		
2325	Nguyễn Thị Bích	Trâm	2326	Nữ	9	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh				28/60	13/30	0/100		
2326	Huỳnh Quế	Trần	2327	Nữ	14	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						45/60	26/30	92/100		
2327	Phạm Trần Quế	Trần	2328	Nữ	24	1	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Cà Mau				25/60	0/30	0/100		
2328	Võ Phụng	Trần	2329	Nữ	27	11	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					31/60	18/30	72.5/100		
2329	Bùi Thị Ngọc	Trang	2330	Nữ	8	10	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						30/60	15/30	60/100		
2330	Hoàng Hà	Trang	2331	Nữ	12	7	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						38/60	21/30	58/100		
2331	Huỳnh Thị Thùy	Trang	2332	Nữ	13	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ				34/60	15/30	51.5/100		
2332	Lý Hồng	Trang	2333	Nữ	13	1	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Quảng Ngãi					38/60	13/30	0/100		
2333	Ngô Thị Quỳnh	Trang	2334	Nữ	26	2	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Lâm Đồng				24/60	24/30	0/100		
2334	Nguyễn Phương	Trang	2335	Nữ	30	6	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						30/60	18/30	85.5/100		
2335	Nguyễn Thị	Trang	2336	Nữ	22	1	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						30/60	23/30	77.5/100		
2336	Nguyễn Thị Hoàng	Trang	2337	Nữ	4	10	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						35/60	19/30	44.5/100		
2337	Nguyễn Thị Huyền	Trang	2338	Nữ	27	7	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng					33/60	11/30	0/100		
2338	Nguyễn Thị Phương	Trang	2339	Nữ	7	4	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						39/60	17/30	78/100		
2339	Nguyễn Thị Thùy	Trang	2340	Nữ	27	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						28/60	0/30	0/100		
2340	Nguyễn Thị Thùy	Trang	2341	Nữ	16	9	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Lâm Đồng				41/60	22/30	93/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển							Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành			
2341	Trương Phương	Trang	2342	Nữ	1	9	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh					48/60	17/30	70/100			
2342	Võ Thị Thùy	Trang	2343	Nữ	5	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Quảng Ngãi				39/60	27/30	79/100			
2343	Lê Thị Thùy	Trang	2344	Nữ	23	1	1991	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						38/60	14/30	0/100			
2344	Nguyễn Thị Thùy	Trang	2345	Nữ	04	7	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						40/60	18/30	75/100			
2345	Nguyễn Thùy	Trang	2346	Nữ	15	9	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Cà Mau					34/60	18/30	70/100			
2346	Lý Minh	Triết	2347	Nam	27	1	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ	Có 07 nguyện vọng	38/60	14/30	0/100			
2347	Võ Thị Thanh	Triều	2348	Nữ	12	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh					29/60	12/30	0/100			
2348	Đinh Thị Mỹ	Trình	2349	Nữ	16	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Lâm Đồng				32/60	20/30	64/100			
2349	Lê Đỗ Ngọc	Trình	2350	Nữ	8	8	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						37/60	23/30	74/100			
2350	Lê Thị Tuyết	Trình	2351	Nữ	16	8	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đồng Nai				0/60	0/30	0/100			
2351	Liêu Ngọc Phương	Trình	2352	Nữ	26	12	2004	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						50/60	17/30	92/100			
2352	Phạm Việt	Trình	2353	Nữ	12	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						0/60	0/30	0/100			
2353	Phùng Thị	Trình	2354	Nữ	7	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh					32/60	24/30	62.5/100			
2354	Trần Thị Mai	Trình	2355	Nữ	21	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng					40/60	12/30	0/100			
2355	Trần Thị Mỹ	Trình	2356	Nữ	5	6	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						15/60	14/30	0/100			
2356	Ngô Văn	Trọng	2357	Nam	18	8	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						0/60	0/30	0/100	1.5		
2357	Lê Thị Diễm	Trúc	2358	Nữ	19	4	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Nai				37/60	18/30	66.5/100			
2358	Đặng Trần	Trung	2359	Nam	28	5	1984	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						0/60	0/30	0/100			
2359	Lê Quang	Trung	2360	Nam	11	8	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh			0/60	0/30	0/100	2.5		
2360	Trần	Trung	2361	Nam	15	10	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						49/60	29/30	93.5/100			
2361	Trần Đình	Trung	2362	Nam	19	2	1984	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						31/60	15/30	79.5/100	5		
2362	Võ Lê Thành	Trung	2363	Nam	21	7	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh					32/60	15/30	57/100			
2363	Lê Anh	Trung	2364	Nam	20	7	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						42/60	21/30	83/100			

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Nghệ vụ chuyên ngành		
2364	Bành Thanh	Tú	2365	Nam	25	11	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						43/60	14/30	0/100		
2365	Lý Thị Cẩm	Tú	2366	Nữ	27	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						47/60	22/30	83/100		
2366	Nguyễn Đình Mạnh	Tú	2367	Nam	12	12	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh				47/60	20/30	89.5/100		
2367	Nguyễn Thị Mỹ	Tú	2368	Nữ	7	11	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						32/60	24/30	88.5/100		
2368	Phan Thị Cẩm	Tú	2369	Nữ	7	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						36/60	19/30	67.5/100		
2369	Đoàn Quốc	Tuấn	2370	Nam	12	9	1986	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						39/60	12/30	0/100		
2370	Dương Quốc	Tuấn	2371	Nam	19	12	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						25/60	9/30	0/100	2.5	
2371	Nguyễn Anh	Tuấn	2372	Nam	20	8	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						34/60	21/30	81/100		
2372	Nguyễn Thanh	Tuấn	2373	Nam	02	7	1981	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						21/60	17/30	41/100		
2373	Nguyễn Trần Trung	Tuấn	2374	Nam	5	12	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						0/60	0/30	0/100		
2374	Ngô Thanh	Tùng	2375	Nam	18	2	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Tây Ninh				31/60	25/30	67/100		
2375	Nguyễn Minh	Tùng	2376	Nam	1	6	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						43/60	20/30	57/100	5	
2376	Nguyễn Thanh	Tùng	2377	Nam	25	5	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						28/60	16/30	0/100	2.5	
2377	Nguyễn Thanh	Tùng	2378	Nam	20	10	1984	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh				29/60	0/30	0/100		
2378	Nguyễn Huỳnh Phước	Tường	2379	Nam	13	5	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					33/60	27/30	62.5/100		
2379	Nguyễn Kiến	Tường	2380	Nam	12	12	1993	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						32/60	13/30	0/100		
2380	Nguyễn Minh	Tường	2381	Nam	26	6	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Đồng Nai		34/60	16/30	63.5/100		
2381	Trần Thị Mỹ	Tường	2382	Nữ	6	11	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					37/60	16/30	84/100		
2382	Nguyễn Thị	Tuyền	2383	Nữ	17	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Gia Lai					54/60	20/30	93.5/100		
2383	Lê Thanh	Tuyền	2384	Nữ	19	11	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						35/60	19/30	71/100		
2384	Bùi Nguyễn Phương	Uyển	2385	Nữ	6	12	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh					46/60	17/30	86.5/100		
2385	Đặng Thu	Uyển	2386	Nữ	2	9	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						51/60	25/30	94.5/100		
2386	Lê Nguyễn Phương	Uyển	2387	Nữ	20	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Đà Nẵng				36/60	25/30	81.5/100		
2387	Nguyễn Phương	Uyển	2388	Nữ	17	11	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						39/60	20/30	64.5/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghệ vụ chuyên ngành		
2388	Nguyễn Thị	Uyên	2389	Nữ	14	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Đồng Nai				35/60	20/30	58/100		
2389	Nguyễn Thu	Uyên	2390	Nữ	10	4	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						39/60	15/30	79.5/100		
2390	Phạm Thị Thu	Uyên	2391	Nữ	20	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Đồng Nai				45/60	26/30	78.5/100		
2391	Tô Mai Phương	Uyên	2392	Nữ	14	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Khánh Hòa					41/60	17/30	78/100		
2392	Trần Lê Khánh	Uyên	2393	Nữ	31	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Đồng Nai				48/60	28/30	90/100		
2393	Vũ Đoàn Nhã	Uyên	2394	Nữ	11	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						29/60	20/30	0/100		
2394	HUỶNH NGỌC TUÔNG	VÂN	2395	Nữ	20	11	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						35/60	18/30	81.5/100		
2395	Lý Ánh	Vân	2396	Nữ	28	10	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						35/60	17/30	70.5/100		
2396	Nguyễn Hữu Mai	Vân	2397	Nữ	7	9	1983	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						29/60	19/30	0/100		
2397	Nguyễn Thị Thu	Vân	2398	Nữ	20	10	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh					36/60	18/30	71/100		
2398	Phạm Thị Vương Hải	Vân	2399	Nữ	19	7	1986	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						36/60	28/30	75/100		
2399	Võ Thị Kim	Vân	2400	Nữ	11	2	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						38/60	22/30	81.5/100		
2400	Vũ Hồng Cẩm	Vân	2401	Nữ	11	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Lâm Đồng				31/60	22/30	84.5/100		
2401	Đàm Hồng	Vân	2402	Nam	3	3	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đồng Nai				36/60	12/30	0/100	5	
2402	Cao Ngọc Tường	Vi	2403	Nữ	10	6	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS TP. Đà Nẵng				47/60	23/30	61/100		
2403	Nguyễn Thị Tường	Vi	2404	Nữ	26	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Khánh Hòa				38/60	27/30	86/100		
2404	Nguyễn Thị Lệ	Viên	2405	Nữ	15	4	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Đà Nẵng				31/60	14/30	0/100		
2405	Nguyễn Quốc	Việt	2406	Nam	27	10	1996	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						35/60	9/30	0/100	5	
2406	Vũ Đức	Việt	2407	Nam	31	10	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Hải Phòng	THADS tỉnh Tây Ninh				40/60	14/30	0/100		
2407	Đồng Nguyễn Quang	Vinh	2408	Nam	1	3	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					31/60	10/30	0/100	2.5	
2408	Nguyễn Đặng Thanh	Vinh	2409	Nam	10	10	1992	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh					48/60	17/30	80/100		
2409	Tạ Thế	Vinh	2410	Nam	1	2	1987	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						26/60	16/30	0/100		
2410	Nguyễn Trường	Vũ	2411	Nam	19	12	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh An Giang					50/60	12/30	0/100		
2411	Tổng Hữu	Vũ	2412	Nam	12	12	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					36/60	21/30	70.5/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
2412	Võ Thiên	Vũ	2413	Nam	28	11	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Nai				32/60	14/30	0/100		
2413	Đặng Nguyễn Tường	Vy	2414	Nữ	24	2	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Gia Lai				45/60	24/30	83/100		
2414	Dương Triển Kiều	Vy	2415	Nữ	1	12	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						20/60	19/30	0/100		
2415	Hồ Nhật	Vy	2416	Nữ	17	9	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Khánh Hòa					33/60	25/30	56.5/100		
2416	Hồ Thị Thảo	Vy	2417	Nữ	27	1	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						37/60	25/30	79/100		
2417	Huỳnh Nguyễn Ngọc	Vy	2418	Nữ	1	1	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Quảng Ngãi				39/60	24/30	79/100		
2418	Lâm Thái	Vy	2419	Nữ	22	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Gia Lai					28/60	10/30	0/100		
2419	Lê Ngọc Khánh	Vy	2420	Nữ	21	6	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ					27/60	12/30	0/100		
2420	Lê Thị Tường	Vy	2421	Nữ	10	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh					25/60	0/30	0/100		
2421	Lê Triệu	Vy	2422	Nữ	11	1	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						43/60	20/30	95.5/100		
2422	Nguyễn Khánh	Vy	2423	Nữ	6	12	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Vĩnh Long				27/60	0/30	0/100		
2423	Nguyễn Lê Thuý	Vy	2424	Nữ	11	5	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						44/60	20/30	64/100		
2424	Nguyễn Thị Thảo	Vy	2425	Nữ	25	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					43/60	24/30	70/100		
2425	Nguyễn Thị Tường	Vy	2426	Nữ	8	1	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Vĩnh Long					25/60	0/30	0/100		
2426	Phạm Huỳnh Thảo	Vy	2427	Nữ	19	12	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						40/60	20/30	89.5/100		
2427	Phan Đỗ Thúy	Vy	2428	Nữ	18	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					40/60	14/30	0/100		
2428	Tô Ngọc Bảo	Vy	2429	Nữ	1	10	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						24/60	0/30	0/100		
2429	Trần Nguyễn Thúy	Vy	2430	Nữ	17	11	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh					38/60	15/30	71/100		
2430	Trần Phạm Ái	Vy	2431	Nữ	17	10	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh					33/60	20/30	73/100		
2431	Trương Hoàng	Vy	2432	Nữ	5	5	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						33/60	23/30	69.5/100		
2432	Vũ Nguyễn Nhật	Vy	2433	Nữ	21	2	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng					48/60	24/30	83.5/100		
2433	Tăng Chí	Vy	2434	Nam	1	9	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						32/60	19/30	67.5/100		
2434	Ngô Thị Thanh	Xuân	2435	Nữ	5	1	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						23/60	0/30	0/100		
2435	Nguyễn Đông	Xuân	2436	Nữ	11	6	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					47/60	25/30	89.5/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
2436	Nguyễn Thị Chiêu	Xuân	2437	Nữ	19	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						27/60	0/30	0/100		
2437	Phạm Thanh	Xuân	2438	Nam	3	4	1994	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Hà Nội					22/60	0/30	0/100		
2438	Nguyễn Thị Như	Ý	2439	Nữ	3	6	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					0/60	0/30	0/100		
2439	Phạm Ngọc Như	Ý	2440	Nữ	02	1	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Đà Nẵng				38/60	21/30	93/100		
2440	Trần Ngọc Như	Ý	2441	Nữ	13	7	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						41/60	19/30	86.5/100		
2441	Võ Huỳnh Như	Ý	2442	Nữ	19	5	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ				0/60	0/30	0/100		
2442	Nguyễn Thị Kim	Yên	2443	Nữ	28	3	2002	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS TP. Đà Nẵng		41/60	15/30	72.5/100		
2443	Bùi Hoàng	Yến	2444	Nữ	7	3	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Khánh Hòa					40/60	25/30	93/100		
2444	Dương Thị Hồng	Yến	2445	Nữ	20	03	1986	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh					44/60	18/30	85/100		
2445	Lê Thị Hải	Yến	2446	Nữ	22	7	1995	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						29/60	0/30	0/100		
2446	Lê Thị Hải	Yến	2447	Nữ	27	5	1998	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					33/60	20/30	78/100		
2447	Lư Nữ Như	Yến	2448	Nữ	7	5	2003	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						37/60	10/30	0/100	5	
2448	Nguyễn Ngọc Hoàng	Yến	2449	Nữ	29	3	2000	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh				29/60	0/30	0/100		
2449	Nguyễn Thị Hồng	Yến	2450	Nữ	24	8	1997	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					37/60	13/30	0/100		
2450	Nguyễn Thị Mỹ	Yến	2451	Nữ	15	3	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh					41/60	21/30	67/100		
2451	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	2452	Nữ	31	7	2001	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						32/60	15/30	76.5/100		
2452	Trần Hải	Yến	2453	Nữ	21	7	1999	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng					46/60	14/30	0/100		
2453	Trần Thị	Yến	2454	Nữ	29	2	1984	Chuyên viên về tổng hợp	THADS TP. Hồ Chí Minh						36/60	18/30	87/100		
2454	Trần Thanh	Khương	2455	Nam	10	12	2000	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS tỉnh An Giang						34/60	16/30	75/100		
2455	Lại Thị Kim	Liên	2456	Nữ	18	6	2003	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS tỉnh An Giang						43/60	27/30	70.5/100		
2456	Quách Văn	Linh	2457	Nữ	5	5	2002	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS tỉnh An Giang						32/60	17/30	77/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
2457	Phạm Duy	Phương	2458	Nam	11	11	1998	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Cà Mau	THADS TP. Cần Thơ				32/60	19/30	61/100		
2458	Thái Chí	Quốc	2459	Nam	23	8	1988	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Cà Mau	THADS tỉnh Đồng Nai				31/60	12/30	0/100		
2459	Lê Hoàng	Tâm	2460	Nam	07	3	1993	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Lâm Đồng					35/60	13/30	0/100		
2460	Nguyễn Văn	Thương	2461	Nam	15	2	1992	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS tỉnh An Giang						47/60	19/30	73/100		
2461	Lê Thị Kiều	Tiên	2462	Nữ	12	01	1993	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Cà Mau					35/60	27/30	75.5/100		
2462	Trương Thúy	Vy	2463	Nữ	18	8	1998	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Hồ Chí Minh					37/60	17/30	93/100		
2463	Hoàng Thị Phương	Linh	2464	Nữ	20	5	2000	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS tỉnh Cà Mau						24/60	0/30	0/100		
2464	Trần Minh	Tự	2465	Nam	23	8	1983	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS tỉnh Cà Mau						29/60	0/30	0/100		
2465	Nguyễn Văn	Định	2466	Nam	17	6	1983	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS tỉnh Đồng Nai						23/60	0/30	0/100		
2466	Bùi Văn	Hiếu	2467	Nam	2	2	1986	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS tỉnh Đồng Nai						38/60	11/30	0/100		
2467	Nguyễn Huy	Hoàng	2468	Nam	11	9	2001	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS tỉnh Đồng Nai						30/60	14/30	0/100		
2468	Trần Diễm	My	2469	Nữ	28	4	1994	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng				24/60	0/30	0/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
2469	Nguyễn Ngọc Bích	Thùy	2470	Nữ	2	12	1991	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng				33/60	10/30	0/100		
2470	Nguyễn Kim	Dương	2471	Nam	7	10	1987	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh					0/60	0/30	0/100		
2471	Vũ Ngọc	Minh	2472	Nam	15	7	1999	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS tỉnh Lâm Đồng						30/60	17/30	56/100		
2472	Trần Thanh	Phong	2473	Nam	20	6	1983	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh					36/60	15/30	81.5/100		
2473	Trương Thị Thanh	Thảo	2474	Nữ	15	3	2002	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hà Nội					36/60	18/30	66/100		
2474	Nguyễn Thị	Trang	2475	Nữ	10	4	1993	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đồng Nai					45/60	15/30	79.5/100		
2475	Phạm Đình Khánh	Uyên	2476	Nữ	06	9	2001	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS tỉnh Lâm Đồng						45/60	25/30	87.5/100		
2476	Phạm Thị Mai	Anh	2477	Nữ	4	5	2001	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng					34/60	13/30	0/100		
2477	Phạm Thị	Chinh	2478	Nữ	14	5	1997	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS TP. Hồ Chí Minh						41/60	17/30	66.5/100		
2478	Đinh Thị Huyền	Diệu	2479	Nữ	14	8	2001	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng					29/60	0/30	0/100		
2479	Võ Thanh	Duy	2480	Nam	13	12	1993	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS TP. Hồ Chí Minh						37/60	27/30	66/100		
2480	Vũ Thị Thanh	Hải	2481	Nữ	1	1	1999	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Cà Mau		34/60	18/30	72/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
2481	Nguyễn Minh	Hậu	2482	Nam	3	5	2001	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Cà Mau					27/60	0/30	0/100		
2482	Lê Đức Huy	Hoàng	2483	Nam	31	3	1998	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS TP. Hồ Chí Minh						0/60	0/30	0/100		
2483	Võ Phạm Đăng	Khoa	2484	Nam	25	1	1997	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Khánh Hòa				39/60	23/30	76/100		
2484	Vũ Đức	Luân	2485	Nam	20	11	2001	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					34/60	19/30	59/100		
2485	Lê Văn	Nhanh	2486	Nam	22	7	1996	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Hà Nội	THADS tỉnh Đồng Nai				43/60	15/30	63/100		
2486	Phạm Ngô Hồng	Phúc	2487	Nam	22	5	2001	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS TP. Hồ Chí Minh						32/60	22/30	66.5/100		
2487	Hồ Trần Trung	Son	2488	Nam	9	9	1999	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS TP. Hồ Chí Minh						42/60	15/30	80.5/100		
2488	Nguyễn Mạnh	Son	2489	Nam	16	5	2001	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Khánh Hòa					29/60	0/30	0/100		
2489	Nguyễn Ngọc Minh	Thắng	2490	Nam	14	8	2003	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					47/60	24/30	89.5/100		
2490	Phan Minh	Thư	2491	Nữ	27	1	2003	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS TP. Hồ Chí Minh						38/60	19/30	70.5/100		
2491	Trương Thị Thanh	Thúy	2492	Nữ	21	12	1985	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Cà Mau				37/60	15/30	78.5/100		
2492	Nguyễn Thị Bé	Tư	2493	Nữ	17	8	1986	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS TP. Hồ Chí Minh						34/60	19/30	70.5/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyện vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2	Nguyện vọng 3	Nguyện vọng 4	Nguyện vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
2493	Nguyễn Trần Thảo	Vy	2494	Nữ	28	4	2001	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	THADS TP. Hồ Chí Minh						39/60	22/30	74/100		
2494	Lê Hoàng Thiên	Kim	2495	Nữ	16	6	2003	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	THADS tỉnh An Giang						39/60	22/30	85.5/100		
2495	Phan Trần Ánh	Minh	2496	Nữ	20	02	1994	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	THADS tỉnh An Giang						34/60	22/30	69.5/100		
2496	Hồ Ngọc	Quân	2497	Nam	28	01	1995	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	THADS tỉnh An Giang						34/60	19/30	74/100		
2497	Võ Ngọc Mỹ	Thư	2498	Nữ	31	3	1998	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	THADS tỉnh An Giang						44/60	23/30	77.5/100		
2498	Trương Bích	Trăm	2499	Nữ	19	12	1997	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Vĩnh Long				19/60	9/30	0/100		
2499	Lê Thị An	Xuyên	2500	Nữ	17	01	1998	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Cà Mau				22/60	0/30	0/100		
2500	Bùi Mỹ	Quyên	2501	Nữ	21	11	2001	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	THADS tỉnh Cà Mau						27/60	7/30	0/100		
2501	Hồng Quốc	Sử	2502	Nam	01	01	1995	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	THADS tỉnh Cà Mau						36/60	24/30	74/100		
2502	Bùi Thụy Minh	Hoàng	2503	Nữ	24	7	1999	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	THADS tỉnh Đồng Nai						39/60	25/30	68.5/100		
2503	Phan Thị Hoàng	My	2504	Nữ	20	9	1996	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh An Giang					29/60	0/30	0/100		
2504	Trần Minh	Nhật	2505	Nam	10	11	1990	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	THADS tỉnh Đồng Nai						33/60	9/30	0/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
2505	Nguyễn Hồ Vĩnh	Phú	2506	Nam	12	2	1991	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	THADS tỉnh Đồng Nai						32/60	11/30	0/100	5	
2506	Đào Hoàng Trúc	Phương	2507	Nữ	6	8	2001	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	THADS tỉnh Đồng Nai						37/60	23/30	61/100		
2507	Phạm Thị Nguyên	Thư	2508	Nữ	20	10	1999	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	THADS tỉnh Đồng Nai						35/60	21/30	82/100		
2508	Lý Thanh	Toàn	2509	Nam	16	11	1992`	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Lâm Đồng					50/60	25/30	75.5/100	2.5	
2509	Nguyễn Nhật Phương	Trình	2510	Nữ	28	1	1996	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	THADS tỉnh Đồng Nai						33/60	15/30	80.5/100		
2510	Nguyễn Thị	Trình	2511	Nữ	21	5	2002	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	THADS tỉnh Đồng Nai						40/60	15/30	62.5/100		
2511	Trương Thị Anh	Trúc	2512	Nữ	17	3	2003	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	THADS tỉnh Đồng Nai						42/60	22/30	75/100		
2512	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	2513	Nữ	2	9	1987	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	THADS tỉnh Đồng Tháp						41/60	20/30	80/100		
2513	Phan Thị Trâm	Anh	2514	Nữ	08	9	2003	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	THADS tỉnh Lâm Đồng						38/60	28/30	71.5/100		
2514	Định Thị Hải	Dương	2515	Nữ	3	11	2001	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Vĩnh Long					34/60	24/30	62/100		
2515	Đinh Thị	Là	2516	Nữ	5	6	2002	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	THADS tỉnh Lâm Đồng						0/60	0/30	0/100		
2516	Điền Huỳnh Tuệ	Nam	2517	Nữ	23	10	1999	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	THADS tỉnh Lâm Đồng						30/60	15/30	74.5/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyện vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyện vọng 1	Nguyện vọng 2	Nguyện vọng 3	Nguyện vọng 4	Nguyện vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
2517	Mai Phi	Tâm	2518	Nam	18	11	1989	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đồng Nai					47/60	22/30	83.5/100		
2518	Thành Văn	Trung	2519	Nam	25	4	1995	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Đồng Tháp				39/60	10/30	0/100	5	
2519	Trần Kim	Ngân	2520	Nữ	05	12	2003	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	THADS tỉnh Vĩnh Long						47/60	14/30	0/100		
2520	Nguyễn Thanh	Nhã	2521	Nam	26	8	2000	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	THADS tỉnh Vĩnh Long						45/60	22/30	81/100		
2521	Trần Ngọc Phương	Thảo	2522	Nữ	22	7	2003	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Đồng Nai				32/60	12/30	0/100		
2522	Lê Minh	Thuật	2523	Nam	3	10	2003	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp					42/60	15/30	68/100		
2523	Huỳnh Nguyễn Thị Khánh	Trâm	2524	Nữ	11	3	1997	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh Đồng Tháp					46/60	19/30	88.5/100		
2524	Trương Thị Út	Trình	2525	Nữ	6	6	1997	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS tỉnh An Giang	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Lâm Đồng			48/60	21/30	88/100		
2525	Hoàng Ngọc	Anh	2526	Nam	07	6	1999	Chuyên viên về công nghệ thông tin	Cục Quản lý THADS	THADS TP. Hà Nội					25/60	0/30	0/100		
2526	Lê Phú	Đông	2527	Nam	08	9	2001	Chuyên viên về công nghệ thông tin	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ					24/60	15/30	0/100		
2527	Danh Chí	Hào	2528	Nam	25	10	2001	Chuyên viên về công nghệ thông tin	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ					24/60	18/30	0/100	5	
2528	Trần Thanh	Hòa	2529	Nam	04	12	1998	Chuyên viên về công nghệ thông tin	THADS tỉnh An Giang						27/60	0/30	0/100		
2529	Trần Gia	Hưng	2530	Nam	30	3	2002	Chuyên viên về công nghệ thông tin	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh				25/60	30/30	0/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
2530	Võ Minh	Khang	2531	Nam	04	6	2002	Chuyên viên về công nghệ thông tin	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				23/60	0/30	0/100		
2531	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	2532	Nữ	19	3	2002	Chuyên viên về công nghệ thông tin	THADS tỉnh An Giang						42/60	20/30	94.5/100		
2532	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	2533	Nữ	22	01	2001	Chuyên viên về công nghệ thông tin	THADS tỉnh An Giang						46/60	23/30	91.5/100		
2533	Đặng Trường	Sơn	2534	Nam	10	11	1996	Chuyên viên về công nghệ thông tin	THADS tỉnh An Giang						32/60	16/30	90.5/100		
2534	Trịnh Phước	Thuận	2535	Nam	15	11	2000	Chuyên viên về công nghệ thông tin	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ					40/60	24/30	81.5/100		
2535	Lê Nguyễn Thành	Trung	2536	Nam	7	2	1993	Chuyên viên về công nghệ thông tin	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				49/60	10/30	0/100		
2536	Nguyễn Mai Khánh	Vy	2537	Nữ	24	11	2003	Chuyên viên về công nghệ thông tin	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Hà Nội				43/60	24/30	86/100		
2537	Trần Ngọc	Xuân	2538	Nữ	7	5	2001	Chuyên viên về công nghệ thông tin	THADS tỉnh An Giang	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh				30/60	20/30	85/100		
2538	Võ Hồng	Tân	2539	Nam	25	2	1982	Chuyên viên về công nghệ thông tin	THADS tỉnh Đồng Nai						22/60	0/30	0/100		
2539	Hồ Thanh	Công	2540	Nam	27	5	1987	Chuyên viên về công nghệ thông tin	THADS tỉnh Đồng Tháp						34/60	28/30	95.5/100		
2540	Trần Trung	Hiếu	2541	Nam	13	6	2001	Chuyên viên về công nghệ thông tin	THADS tỉnh Đồng Tháp						31/60	18/30	76/100		
2541	Nguyễn Văn Dương	Linh	2542	Nam	23	11	1997	Chuyên viên về công nghệ thông tin	THADS tỉnh Đồng Tháp						28/60	0/30	0/100		
2542	Nguyễn Thành Thanh	Trung	2543	Nam	22	9	1999	Chuyên viên về công nghệ thông tin	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ					34/60	15/30	69.5/100		
2543	Ung Trần Thanh	Đạt	2544	Nam	07	03	1996	Chuyên viên về công nghệ thông tin	THADS tỉnh Khánh Hòa						38/60	16/30	69/100		
2544	Đào Xuân	Tùng	2545	Nam	25	3	2002	Chuyên viên về công nghệ thông tin	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Đồng Nai				43/60	21/30	95.5/100		
2545	Tăng	Buyệt	2546	Nam	1	1	1992	Chuyên viên về công nghệ thông tin	THADS TP. Cần Thơ						28/60	0/30	0/100	5	

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển							Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành			
2546	Dương Mộng	Khánh	2547	Nam	19	2	2001	Chuyên viên về công nghệ thông tin	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh An Giang				46/60	23/30	95/100			
2547	Nguyễn Thành	Nghĩa	2548	nam	10	10	2001	Chuyên viên về công nghệ thông tin	THADS TP. Cần Thơ						31/60	18/30	69/100			
2548	Trần Văn	Quá	2549	Nam	30	10	1999	Chuyên viên về công nghệ thông tin	THADS TP. Cần Thơ						25/60	0/30	0/100	5		
2549	Phan Thị Thu	Thảo	2550	Nữ	17	11	2002	Chuyên viên về công nghệ thông tin	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh An Giang				29/60	0/30	0/100			
2550	Nguyễn Minh	Triết	2551	Nam	21	1	1996	Chuyên viên về công nghệ thông tin	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh An Giang				0/60	0/30	0/100			
2551	Lê Các	Duy	2552	Nam	22	6	1997	Chuyên viên về công nghệ thông tin	THADS TP. Hồ Chí Minh						35/60	23/30	92.5/100			
2552	Lê Văn	Hùng	2553	Nam	20	3	2001	Chuyên viên về công nghệ thông tin	THADS TP. Hồ Chí Minh						35/60	20/30	75.5/100			
2553	Trương Hoàng	Nam	2554	Nam	24	4	2001	Chuyên viên về công nghệ thông tin	THADS TP. Hồ Chí Minh						29/60	0/30	0/100			
2554	Trần Lương Thanh	Nghị	2555	Nam	24	11	1984	Chuyên viên về công nghệ thông tin	THADS TP. Hồ Chí Minh						42/60	16/30	92/100			
2555	Mai Thanh	Son	2556	Nam	9	10	1986	Chuyên viên về công nghệ thông tin	THADS TP. Hồ Chí Minh						47/60	25/30	80/100			
2556	Huỳnh Hữu	Thiện	2557	Nam	1	7	1998	Chuyên viên về công nghệ thông tin	THADS TP. Hồ Chí Minh						28/60	0/30	0/100			
2557	Nguyễn Văn	Tín	2558	Nam	4	12	2000	Chuyên viên về công nghệ thông tin	THADS TP. Hồ Chí Minh						32/60	12/30	0/100			
2558	Kiểu	Trang	2559	Nữ	27	12	2002	Chuyên viên về công nghệ thông tin	THADS TP. Hồ Chí Minh						29/60	0/30	0/100			
2559	Ông Thành	Trí	2560	Nam	13	3	1987	Chuyên viên về công nghệ thông tin	THADS TP. Hồ Chí Minh						29/60	0/30	0/100			
2560	Lê Đăng	Trường	2561	Nam	13	5	1999	Chuyên viên về công nghệ thông tin	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Cần Thơ				19/60	0/30	0/100			
2561	Trương Thị Ngọc	Ánh	2562	Nữ	4	11	2003	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS tỉnh Đồng Nai						50/60	15/30	89/100			

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
2562	Đặng Thị Thúy	Nga	2563	Nữ	19	2	2004	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS tỉnh Đồng Nai						25/60	7/30	0/100		
2563	Phạm Thị Bảo	Tiên	2564	Nữ	9	8	2004	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Cần Thơ				45/60	20/30	76/100		
2564	Lê Thị Ngọc	Trâm	2565	Nữ	22	1	1994	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh				40/60	17/30	56.5/100		
2565	Lê Thị	Trang	2566	Nữ	2	10	1998	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh				39/60	22/30	55.5/100		
2566	Nguyễn Ngọc Quang	Anh	2567	Nam	02	04	2003	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh					25/60	0/30	0/100		
2567	Thịnh Tuấn	Anh	2568	Nam	19	7	2002	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Đắk Lắk					22/60	0/30	0/100		
2568	Nguyễn Phương	Nam	2569	Nam	30	4	2003	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS tỉnh Lâm Đồng						43/60	16/30	80.5/100		
2569	Nguyễn Thụy Ngọc	Nhi	2570	Nữ	12	7	2001	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai				25/60	14/30	0/100		
2570	Lê Thị Trúc	Anh	2571	Nữ	21	4	2000	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS tỉnh Tây Ninh						22/60	0/30	0/100		
2571	Võ Thùy	Dương	2572	Nữ	06	04	2002	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh					37/60	14/30	0/100		
2572	Nguyễn Văn	Quý	2573	Nam	15	02	2000	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh					32/60	12/30	0/100		
2573	Lê Trần Xuân	An	2574	Nữ	5	12	2002	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS tỉnh Vĩnh Long						33/60	26/30	58/100		
2574	Huỳnh Thị Kim	Chi	2575	Nữ	4	5	1999	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS tỉnh Vĩnh Long						42/60	24/30	78.5/100		
2575	Trần Thanh	Lê	2576	Nữ	21	12	2003	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Cần Thơ					43/60	18/30	70/100		
2576	Phan Nguyễn Chúc	Linh	2577	Nữ	29	8	1997	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS tỉnh Vĩnh Long						26/60	0/30	0/100		
2577	Đỗ Ngọc Như	Mai	2578	Nữ	13	12	1995	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS tỉnh Vĩnh Long						0/60	0/30	0/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
2578	Lê Thị Trúc	Ngân	2579	Nữ	23	4	2000	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS tỉnh Vĩnh Long	THADS TP. Hồ Chí Minh					27/60	0/30	0/100		
2579	Phạm Hằng	Ni	2580	Nữ	06	01	2001	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS tỉnh Vĩnh Long						32/60	17/30	48/100		
2580	Mai Văn	Thái	2581	Nam	20	3	2002	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS tỉnh Vĩnh Long						38/60	10/30	0/100		
2581	Nguyễn Thị Thuý	An	2582	Nữ	15	5	2001	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Vĩnh Long				39/60	14/30	0/100		
2582	Tổng Ngọc	Anh	2583	Nữ	1	7	2003	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Cần Thơ						34/60	24/30	65.5/100		
2583	Thạch Kim	Châu	2584	Nữ	16	12	2001	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Cần Thơ						37/60	21/30	66.5/100	5	
2584	Nguyễn Phạm Quốc	Đạt	2585	Nam	22	12	2003	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Cần Thơ						36/60	16/30	51.5/100		
2585	Võ Thị Mai	Hương	2586	Nữ	29	4	2001	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Cần Thơ						32/60	10/30	0/100		
2586	Nguyễn Hoàng	Khánh	2587	nam	25	12	1982	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Vĩnh Long				22/60	0/30	0/100		
2587	Nguyễn Thị Yến	Linh	2588	Nữ	3	5	2001	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Cần Thơ						40/60	15/30	53.5/100		
2588	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	2589	Nữ	30	10	2002	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh					35/60	10/30	0/100		
2589	Lưu Thái Bích	Như	2590	Nữ	14	9	1993	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Cần Thơ						25/60	0/30	0/100	5	
2590	Bạch Long	Phi	2591	Nam	12	9	1995	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh				34/60	15/30	59.5/100		
2591	Hứa Khả	Phiêu	2592	Nam	19	6	2002	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Cần Thơ						38/60	12/30	0/100	5	
2592	Huỳnh Đức	Thịnh	2593	nam	29	10	1996	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long					0/60	0/30	0/100		
2593	Nguyễn Hồng Như	Ý	2594	Nữ	18	12	2003	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Cần Thơ						35/60	18/30	66/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
2594	Huỳnh Lê Hoài	Ân	2595	Nam	16	12	2003	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh						28/60	0/30	0/100		
2595	Ngô Hiếu	Ân	2596	Nam	20	12	2002	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh						33/60	18/30	70/100		
2596	Nguyễn Trần Phương	Anh	2597	Nữ	25	9	2003	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh						47/60	24/30	71.5/100		
2597	Phạm Thuý	Anh	2598	Nữ	12	1	2001	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh						28/60	0/30	0/100		
2598	Trần Thảo Kim	Anh	2599	Nữ	16	11	2003	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh						36/60	18/30	62/100		
2599	Nguyễn Thế	Bảo	2600	Nam	6	10	2002	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh						46/60	17/30	88.5/100		
2600	Nguyễn Thị	Dung	2601	Nữ	4	4	1997	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh						43/60	22/30	67/100		
2601	Nguyễn Ngọc	Hà	2602	Nữ	5	9	2003	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh						36/60	20/30	60.5/100		
2602	Võ Nguyễn Hoàng	Hân	2603	Nữ	18	5	1999	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh						44/60	22/30	91.5/100		
2603	Hà Hoàng	Hào	2604	Nam	29	10	1997	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh						42/60	14/30	0/100	2.5	
2604	Ngô Quốc	Hậu	2605	Nam	28	2	2002	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh						28/60	19/30	0/100		
2605	Nguyễn Hiếu	Hiệp	2606	Nam	17	6	1998	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh					37/60	16/30	65.5/100	2.5	
2606	Nguyễn Nhật	Hòa	2607	Nam	15	6	2000	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					35/60	11/30	0/100		
2607	Bế Nguyễn	Hùng	2608	Nam	9	4	1996	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh						36/60	21/30	60.5/100	5	
2608	Lê Văn	Hưng	2609	Nam	25	12	1999	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh						30/60	17/30	55.5/100	2.5	
2609	Tô Nhựt	Khánh	2610	Nam	6	1	2001	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh						36/60	13/30	0/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
2610	Đỗ Tuấn	Lâm	2611	Nam	31	7	1998	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh						35/60	11/30	0/100	2.5	
2611	Phạm Thùy	Linh	2612	Nữ	13	6	2001	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh						26/60	0/30	0/100		
2612	Nguyễn Tùng	Nam	2613	Nam	19	12	2001	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Lâm Đồng	THADS tỉnh Tây Ninh		36/60	20/30	65/100		
2613	Trần Kim	Ngân	2614	Nữ	21	5	2003	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh						49/60	24/30	76.5/100		
2614	Trần Thị Gia	Ngân	2615	Nữ	10	8	1991	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh						35/60	26/30	64.5/100		
2615	Lê Nguyễn Hoàng	Phan	2616	Nam	19	9	1999	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh						35/60	20/30	59.5/100		
2616	Nguyễn Thị	Quỳnh	2617	Nữ	2	11	2000	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh						44/60	8/30	0/100		
2617	Huỳnh Ngọc	Son	2618	Nam	6	12	2002	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh						45/60	10/30	0/100		
2618	Phạm Ngọc	Thái	2619	Nam	26	12	2002	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Nai				51/60	19/30	68/100		
2619	Nguyễn Đỗ Hiền	Thảo	2620	Nữ	10	3	2003	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh						47/60	26/30	83/100		
2620	Phạm Thị Thu	Thảo	2621	Nữ	10	11	1999	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					40/60	14/30	0/100		
2621	Ngô Đạt	Thịnh	2622	Nam	31	10	1994	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh						40/60	17/30	76/100		
2622	Nguyễn Quốc	Thịnh	2623	Nam	3	1	1997	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh						29/60	0/30	0/100		
2623	Nguyễn Minh	Thư	2624	Nữ	1	6	2003	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh						32/60	20/30	55.5/100		
2624	Lê Thế	Thuận	2625	Nam	23	11	2002	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh						44/60	14/30	0/100		
2625	Nguyễn Thị Thu	Thủy	2626	Nữ	12	5	2003	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Nai					50/60	25/30	80/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
2626	Nguyễn Phúc	Tiến	2627	Nam	25	12	1994	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh						36/60	11/30	0/100	2.5	
2627	Nguyễn Phước	Toàn	2628	Nam	1	5	2002	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh						0/60	0/30	0/100		
2628	Trần Thị Minh	Trang	2629	Nữ	24	10	2002	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Quảng Ngãi				43/60	22/30	70/100		
2629	Châu Minh	Trí	2630	Nam	27	12	2003	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh						35/60	15/30	73/100		
2630	Cao Việt	Trung	2631	Nam	20	1	1999	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh						38/60	13/30	0/100		
2631	Thái Mạnh	Tường	2632	Nam	20	8	1996	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Đồng Tháp					36/60	13/30	0/100	2.5	
2632	Nguyễn Minh	Tuyết	2633	Nữ	1	6	2003	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh						26/60	21/30	0/100		
2633	Phạm Thị Mỹ	Uyên	2634	Nữ	10	11	1999	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh						0/60	0/30	0/100		
2634	Lâm Thị Thảo	Vi	2635	Nữ	4	6	1999	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh						24/60	0/30	0/100		
2635	Nguyễn Bắc	Việt	2636	Nam	11	7	2001	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Tây Ninh				44/60	16/30	77.5/100		
2636	Lê Thúy	Vy	2637	Nữ	1	4	1997	Chuyên viên về hành chính - văn phòng	THADS TP. Hồ Chí Minh						35/60	19/30	66.5/100	5	
2637	Ngô Thái	Nghĩa	2638	Nam	9	9	2001	Chuyên viên về thống kê	THADS tỉnh Lâm Đồng						41/60	21/30	81/100		
2638	Lý Thị Kim	Liên	2639	Nữ	1	3	1990	Văn thư viên	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS TP. Hồ Chí Minh					42/60	21/30	79.5/100		
2639	Nguyễn Thanh Tú	Uyên	2640	Nữ	09	7	2000	Văn thư viên	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS TP. Hồ Chí Minh					45/60	23/30	65/100		
2640	Diệp Thị	Diệu	2641	Nữ	15	8	1987	Văn thư viên	THADS TP. Cần Thơ						34/60	16/30	63.5/100		
2641	Lê Thị Diễm	Huyền	2642	Nữ	25	11	1988	Văn thư viên	THADS TP. Cần Thơ						24/60	0/30	0/100		
2642	Chế Thị Mỹ	Lộc	2643	Nữ	1	1	1992	Văn thư viên	THADS TP. Cần Thơ						38/60	7/30	0/100		
2643	Nguyễn Ngọc	Mai	2644	Nữ	20	12	1994	Văn thư viên	THADS TP. Cần Thơ						29/60	0/30	0/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
2644	Lê Thành	Nga	2645	Nam	23	5	1988	Văn thư viên	THADS TP. Cần Thơ						27/60	0/30	0/100	2.5	
2645	Hồ Thị Bùi Như	Ngoc	2646	Nữ	12	9	1991	Văn thư viên	THADS TP. Cần Thơ						31/60	19/30	71/100		
2646	Nguyễn Thị Ngọc	Trần	2647	Nữ	10	12	1999	Văn thư viên	THADS TP. Cần Thơ						42/60	21/30	76.5/100		
2647	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	2648	Nữ	22	6	1989	Văn thư viên	THADS TP. Hồ Chí Minh						41/60	27/30	64.5/100	5	
2648	Trần Thị	Đào	2649	Nữ	6	5	1991	Văn thư viên	THADS TP. Hồ Chí Minh						35/60	14/30	0/100		
2649	Nguyễn Hoàng	Duy	2650	Nam	30	5	1998	Văn thư viên	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ					27/60	0/30	0/100		
2650	Nguyễn Thị	Hiền	2651	Nữ	23	7	1988	Văn thư viên	THADS TP. Hồ Chí Minh						30/60	14/30	0/100		
2651	Võ Thị Thu	Hiền	2652	Nữ	30	6	1993	Văn thư viên	THADS TP. Hồ Chí Minh						32/60	11/30	0/100		
2652	Ma Thị Thu	Hương	2653	Nữ	12	11	1997	Văn thư viên	THADS TP. Hồ Chí Minh						43/60	19/30	67.5/100	5	
2653	Mai Thị	Hương	2654	Nữ	23	6	1998	Văn thư viên	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Hà Nội	THADS tỉnh Khánh Hòa				41/60	19/30	49.5/100		
2654	Lê Đỗ Lan	Khanh	2655	Nữ	2	6	2000	Văn thư viên	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS TP. Cần Thơ				43/60	8/30	0/100		
2655	Lê Nguyễn Hiếu	Nhân	2656	Nam	31	12	1999	Văn thư viên	THADS TP. Hồ Chí Minh						47/60	25/30	73/100	2.5	
2656	Nguyễn Huỳnh Ái	Nhi	2657	Nữ	9	11	1995	Văn thư viên	THADS TP. Hồ Chí Minh						39/60	22/30	64/100		
2657	Trần Minh	Phát	2658	Nam	27	11	1998	Văn thư viên	THADS TP. Hồ Chí Minh						46/60	19/30	73.5/100	2.5	
2658	Lê Thị	Phượng	2659	Nữ	27	2	1999	Văn thư viên	THADS TP. Hồ Chí Minh						44/60	19/30	65.5/100		
2659	Nguyễn Công	Phượng	2660	Nam	30	10	1978	Văn thư viên	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Khánh Hòa				26/60	0/30	0/100		
2660	Phạm Đức	Quang	2661	Nam	1	1	2001	Văn thư viên	THADS TP. Hồ Chí Minh	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS TP. Cần Thơ				45/60	14/30	0/100		
2661	Nguyễn Hoàng	Thanh	2662	Nam	27	9	2000	Văn thư viên	THADS TP. Hồ Chí Minh						41/60	18/30	71/100	5	
2662	Võ Thị Minh	Thuận	2663	Nữ	1	3	1991	Văn thư viên	THADS TP. Hồ Chí Minh						32/60	11/30	0/100	5	
2663	Trần Thị Thu	Thùy	2664	Nữ	3	5	1988	Văn thư viên	THADS TP. Hồ Chí Minh						26/60	11/30	0/100		
2664	Nguyễn Hà Uyên	Thy	2665	Nữ	30	3	1994	Văn thư viên	THADS TP. Hồ Chí Minh						41/60	18/30	71/100		
2665	Nguyễn Bích	Trâm	2666	Nữ	5	9	2002	Văn thư viên	THADS TP. Hồ Chí Minh						42/60	18/30	67/100		
2666	Lã Thùy	Trang	2667	Nữ	20	3	1996	Văn thư viên	THADS TP. Hồ Chí Minh						34/60	18/30	65.5/100		
2667	Trần Thị Thanh	Trúc	2668	Nữ	29	12	1988	Văn thư viên	THADS TP. Hồ Chí Minh						31/60	17/30	50.5/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
2668	Nguyễn Ngọc	Tuyền	2669	Nữ	25	9	2000	Văn thư viên	THADS TP. Hồ Chí Minh						34/60	10/30	0/100		
2669	Trần Thị Thanh	Tuyền	2670	Nữ	23	12	1989	Văn thư viên	THADS TP. Hồ Chí Minh						26/60	0/30	0/100		
2670	Huỳnh Tường	Vy	2671	Nữ	10	5	2000	Văn thư viên	THADS TP. Hồ Chí Minh						27/60	0/30	0/100		
2671	Huỳnh Thị Ngọc	Yên	2672	Nữ	8	9	1999	Văn thư viên	THADS TP. Hồ Chí Minh						34/60	9/30	0/100		
2672	Tán Anh	Đa	2673	Nam	14	8	1998	Kế toán viên	THADS tỉnh Đắk Lắk						48/60	23/30	90/100		
2673	Nguyễn Thị Mỹ	Lê	2674	Nữ	01	03	1987	Kế toán viên	THADS tỉnh Đắk Lắk						46/60	16/30	87/100		
2674	Nguyễn Thị Sao	Mai	2675	Nữ	28	2	1992	Kế toán viên	THADS tỉnh Đắk Lắk						31/60	12/30	0/100		
2675	Nguyễn Đỗ Ý	Nhi	2676	Nữ	23	09	2002	Kế toán viên	THADS tỉnh Đắk Lắk						31/60	20/30	71/100		
2676	Võ Đình	Son	2677	Nam	19	8	1999	Kế toán viên	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS TP. Đà Nẵng					34/60	20/30	54.5/100		
2677	Lê Thị Thu	Thảo	2678	Nữ	22	5	1990	Kế toán viên	THADS tỉnh Đắk Lắk						0/60	0/30	0/100		
2678	Lê Ngọc	Thị	2679	Nữ	30	8	1995	Kế toán viên	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Đồng Nai	tổng 8 nguyện vọng	49/60	25/30	82/100		
2679	Trần Thy	Thy	2680	Nữ	22	1	2003	Kế toán viên	THADS tỉnh Đắk Lắk						26/60	10/30	0/100		
2680	Võ Nguyên Huyền	Trang	2681	Nữ	14	9	1994	Kế toán viên	THADS tỉnh Đắk Lắk						42/60	14/30	0/100		
2681	Lê Minh	Uyên	2682	Nữ	24	11	1997	Kế toán viên	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS TP. Đà Nẵng				48/60	22/30	74.5/100		
2682	Hoàng Thị	Bé	2683	Nữ	5	5	1992	Kế toán viên	THADS tỉnh Đồng Nai						30/60	13/30	0/100		
2683	Nguyễn Văn	Huy	2684	Nam	2	7	2003	Kế toán viên	THADS tỉnh Đồng Nai						32/60	22/30	64/100		
2684	Lê Ngọc	Linh	2685	Nữ	7	7	1998	Kế toán viên	THADS tỉnh Đồng Nai						39/60	21/30	73.5/100		
2685	Nguyễn Trọng	Nghĩa	2686	Nam	12	2	1996	Kế toán viên	THADS tỉnh Đồng Nai						33/60	12/30	0/100		
2686	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	2687	Nữ	7	7	1994	Kế toán viên	THADS tỉnh Đồng Nai						32/60	12/30	0/100		
2687	Trần Phương	Thảo	2688	Nữ	19	4	1992	Kế toán viên	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp				29/60	14/30	0/100		
2688	Phan Đặng Quế	Trâm	2689	Nữ	10	11	1987	Kế toán viên	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Khánh Hòa	THADS tỉnh Đồng Tháp				31/60	19/30	72.5/100		
2689	Nguyễn Duy	Anh	2690	Nam	09	8	1990	Kế toán viên	THADS tỉnh Đồng Tháp						37/60	23/30	74/100		
2690	Dương Tấn	Đạt	2691	Nam	28	1	2003	Kế toán viên	THADS tỉnh Đồng Tháp						36/60	24/30	69.5/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
2691	Nguyễn Trúc	Diễm	2692	Nữ	12	6	1990	Kế toán viên	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh					41/60	14/30	0/100		
2692	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	2693	Nữ	15	10	2002	Kế toán viên	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh					38/60	23/30	68/100		
2693	Đặng Ngọc	Hiền	2694	Nữ	5	7	1994	Kế toán viên	THADS tỉnh Đồng Tháp						33/60	23/30	63/100		
2694	Nguyễn Thị Trúc	Linh	2695	Nữ	10	1	1998	Kế toán viên	THADS tỉnh Đồng Tháp						31/60	21/30	76.5/100		
2695	Hồ Đăng Hoàng	Lộc	2696	Nam	22	7	1993	Kế toán viên	THADS tỉnh Đồng Tháp						43/60	24/30	84.5/100		
2696	Phạm Thành	Luân	2697	Nam	10	5	2002	Kế toán viên	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ					44/60	14/30	0/100		
2697	Trương Thị Thảo	Ly	2698	Nữ	12	10	1992	Kế toán viên	THADS tỉnh Đồng Tháp						48/60	16/30	84/100		
2698	Nguyễn Trà	My	2699	Nữ	27	9	2003	Kế toán viên	THADS tỉnh Đồng Tháp						36/60	14/30	0/100		
2699	Trương Thị Cẩm	Nhung	2700	Nữ	30	7	1994	Kế toán viên	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Cần Thơ				34/60	15/30	61.5/100		
2700	Nguyễn Hoàng Thúy	Quyên	2701	Nữ	4	4	1997	Kế toán viên	THADS tỉnh Đồng Tháp						29/60	15/30	0/100		
2701	Trần Thị Kim	Riêng	2702	Nữ	29	12	1987	Kế toán viên	THADS tỉnh Đồng Tháp						22/60	10/30	0/100		
2702	Lê Nam Triều	Tiên	2703	Nữ	10	5	2004	Kế toán viên	THADS tỉnh Đồng Tháp						39/60	20/30	67/100		
2703	Ngô Nguyễn Huyền	Trần	2704	Nữ	15	8	1995	Kế toán viên	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Tây Ninh				38/60	11/30	0/100		
2704	Đặng Thị Quyền	Trang	2705	Nữ	19	9	2001	Kế toán viên	THADS tỉnh Đồng Tháp						34/60	19/30	70/100		
2705	Trần Thanh	Tuyền	2706	Nữ	5	7	1991	Kế toán viên	THADS tỉnh Đồng Tháp						48/60	27/30	98.5/100		
2706	Bùi Thị Lan	Uyên	2707	Nữ	17	3	1992	Kế toán viên	THADS tỉnh Đồng Tháp						40/60	15/30	83/100		
2707	Trần Thị Kim	Cánh	2708	Nữ	01	11	1987	Kế toán viên	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk					31/60	14/30	0/100		
2708	Nguyễn Ngọc	Châu	2709	Nữ	21	02	2001	Kế toán viên	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk					22/60	0/30	0/100		
2709	Nguyễn Việt	Dũng	2710	Nam	11	01	1991	Kế toán viên	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk					45/60	21/30	81/100		
2710	Hoàng Hương	Giang	2711	Nữ	25	9	1998	Kế toán viên	THADS tỉnh Gia Lai						38/60	18/30	64.5/100		
2711	Trần Thị Thu	Hiền	2712	Nữ	27	9	1984	Kế toán viên	THADS tỉnh Gia Lai						39/60	20/30	85.5/100	5	
2712	Đặng Trần Thu	Hoài	2713	Nữ	23	7	2003	Kế toán viên	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS TP. Đà Nẵng				39/60	18/30	72.5/100		
2713	Đào Ngọc	Ngân	2714	Nữ	8	3	2002	Kế toán viên	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Khánh Hòa				43/60	23/30	67.5/100		
2714	Nguyễn Thị	Thành	2715	Nữ	20	10	1988	Kế toán viên	THADS tỉnh Gia Lai	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Tây Ninh				37/60	19/30	78/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiểm thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
2715	Vũ Thị Thu	Trang	2716	Nữ	28	8	1991	Kế toán viên	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Khánh Hòa				36/60	20/30	70.5/100		
2716	Huỳnh Thanh	Trung	2717	Nam	15	10	1990	Kế toán viên	THADS tỉnh Gia Lai						36/60	13/30	0/100		
2717	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	2718	Nữ	21	4	1988	Kế toán viên	THADS tỉnh Gia Lai						24/60	0/30	0/100		
2718	Lê Nguyễn Ngọc	Ánh	2719	Nữ	24	8	2002	Kế toán viên	THADS tỉnh Khánh Hòa						37/60	23/30	79.5/100		
2719	Đỗ Thị Thanh	Huệ	2720	Nữ	08	8	1989	Kế toán viên	THADS tỉnh Khánh Hòa						41/60	20/30	76.5/100		
2720	Trần Châu	Linh	2721	Nữ	10	1	1991	Kế toán viên	THADS tỉnh Khánh Hòa						32/60	21/30	77/100		
2721	Lê Thị	Đua	2722	Nữ	16	05	2001	Kế toán viên	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Gia Lai	THADS TP. Đà Nẵng				40/60	27/30	61.5/100		
2722	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	2723	Nữ	21	7	1995	Kế toán viên	THADS tỉnh Tây Ninh						28/60	0/30	0/100		
2723	Phạm Thị Thúy	Hằng	2724	Nữ	30	9	1985	Kế toán viên	THADS tỉnh Tây Ninh						28/60	0/30	0/100		
2724	Trần Thị Minh	Loan	2725	Nữ	28	10	1991	Kế toán viên	THADS tỉnh Tây Ninh						43/60	19/30	69.5/100		
2725	Lê Thị Cẩm	Nhung	2726	Nữ	12	12	2002	Kế toán viên	THADS tỉnh Tây Ninh						36/60	23/30	44.5/100		
2726	Nguyễn Cao	Phước	2727	Nam	02	01	1995	Kế toán viên	THADS tỉnh Tây Ninh						29/60	0/30	0/100		
2727	Trần Thanh	Phương	2728	Nam	8	11	1992	Kế toán viên	THADS tỉnh Tây Ninh						36/60	18/30	72.5/100		
2728	Nguyễn Thu	Thảo	2729	Nữ	06	03	1993	Kế toán viên	THADS tỉnh Tây Ninh						25/60	0/30	0/100		
2729	Nguyễn Thị Bảo	Thu	2730	Nữ	10	05	1982	Kế toán viên	THADS tỉnh Tây Ninh						34/60	16/30	66.5/100		
2730	Lâm Văn	Thương	2731	Nam	06	12	1991	Kế toán viên	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Đắk Lắk	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Đồng Nai	Tổng 8 nguyên vọng	47/60	16/30	79.5/100		
2731	Hồ Ngọc	Tiến	2732	Nam	09	09	1993	Kế toán viên	THADS tỉnh Tây Ninh						36/60	14/30	0/100		
2732	Lê Mỹ	Tiến	2733	Nữ	23	9	2002	Kế toán viên	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS TP. Hồ Chí Minh					30/60	15/30	71/100		
2733	Huỳnh Mai Mỹ	Tú	2734	Nữ	29	4	2002	Kế toán viên	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Tháp					19/60	0/30	0/100		
2734	Trần Thị Mỹ	Kim	2735	Nữ	7	10	2001	Kế toán viên	THADS tỉnh Tây Ninh						37/60	13/30	0/100		
2735	Huỳnh Thị Nguyên	Ngọc	2736	Nữ	3	9	1999	Kế toán viên	THADS tỉnh Tây Ninh						32/60	19/30	66/100		
2736	Huỳnh Lan	Vi	2737	Nữ	7	9	1998	Kế toán viên	THADS tỉnh Tây Ninh						26/60	0/30	0/100		
2737	Phạm Công	Chuyên	2738	Nam	17	12	1989	Kế toán viên	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Vĩnh Long					19/60	0/30	0/100		

TT	Họ tên		Số báo danh	Giới tính	Ngày sinh			Vị trí việc làm đăng ký dự tuyển	Nguyên vọng trong Phiếu đăng ký dự tuyển						Kết quả thi			Điểm cộng ưu tiên	Số điểm trừ, câu trả lời đúng bị trừ do vi phạm nội quy
	Họ và đệm	Tên			Ngày	Tháng	Năm		Nguyên vọng 1	Nguyên vọng 2	Nguyên vọng 3	Nguyên vọng 4	Nguyên vọng 5	Ghi chú	Kiến thức chung	Ngoại ngữ	Nghịệp vụ chuyên ngành		
2738	Nguyễn Anh	Đào	2739	Nữ	20	7	1999	Kế toán viên	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp					45/60	21/30	65/100		
2739	Nguyễn Xuân	Hoài	2740	Nam	22	6	1996	Kế toán viên	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đồng Nai	THADS tỉnh Gia Lai			25/60	0/30	0/100		Trừ 50% số câu trả lời đúng môn kiến thức chung
2740	Dương Thị Lan	Hồng	2741	Nữ	15	5	1978	Kế toán viên	THADS TP. Cần Thơ						32/60	15/30	69/100		
2741	Nguyễn Hoàng	Nhật	2742	Nam	24	4	2000	Kế toán viên	THADS TP. Cần Thơ						35/60	24/30	91/100		
2742	Nguyễn Thị Thanh	Quyên	2743	Nữ	24	1	1987	Kế toán viên	THADS TP. Cần Thơ	THADS TP. Đà Nẵng					0/60	0/30	0/100	5	
2743	Nguyễn Hoài	Thương	2744	Nam	9	1	1991	Kế toán viên	THADS TP. Cần Thơ	THADS tỉnh Đồng Tháp	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh An Giang			32/60	23/30	77/100		
2744	Lê Thị	Hoa	2745	Nữ	19	11	1997	Kế toán viên	THADS TP. Đà Nẵng	THADS tỉnh Tây Ninh	THADS tỉnh Đắk Lắk				33/60	5/30	0/100	5	